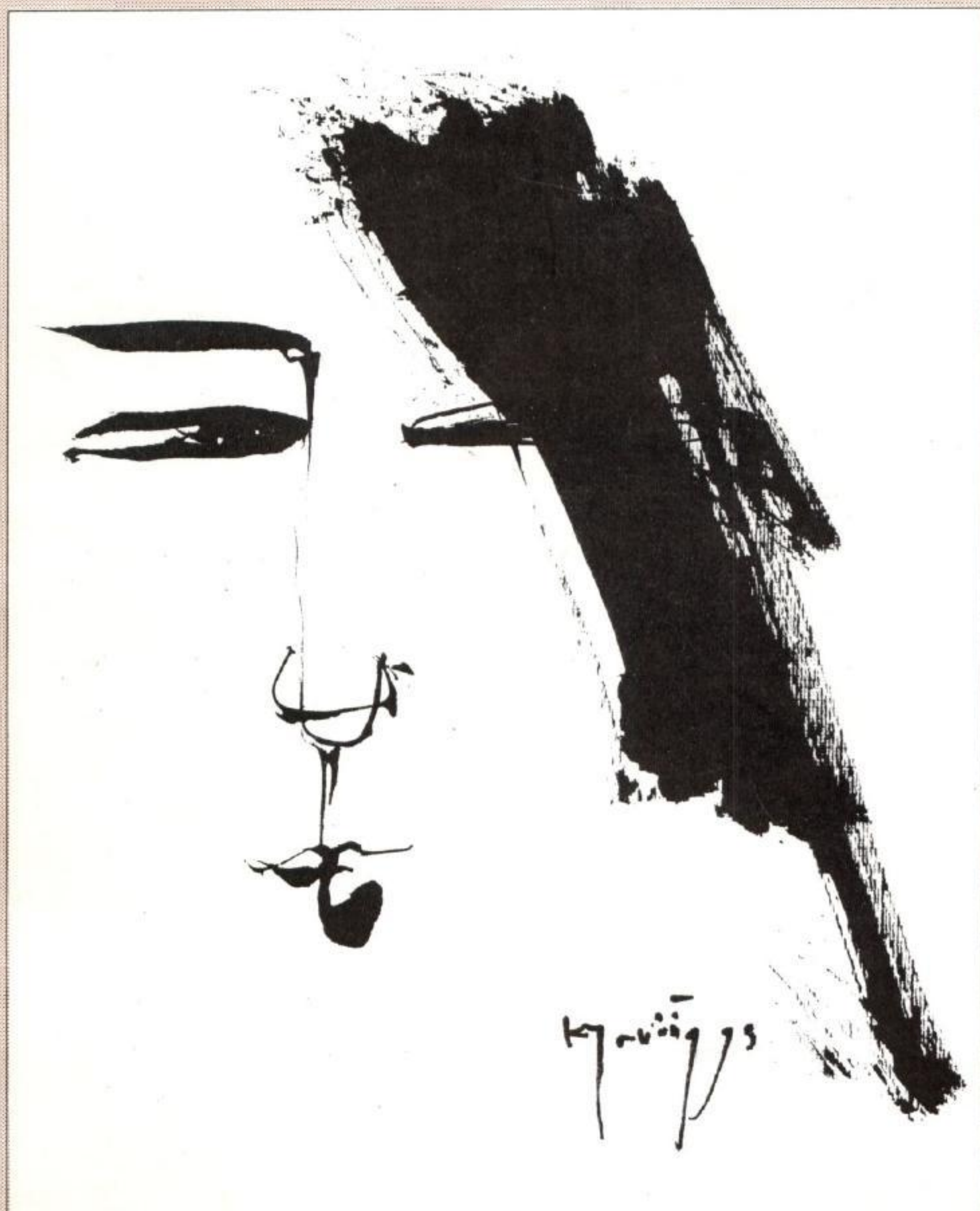


VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ



Khánh Trường

số 82 . tháng 2 năm 1993

tân niên

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ Bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng Thư Ký: Trịnh Y Thư

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs. Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France.

Phone: 45.831.912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, N.S.W. 2211 Australia.

Tel: (02) 771.1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

VĂN HỌC

số 82 tháng 2 năm 1993

TRONG SỐ NÀY

thư tòa soạn 2

BIÊN KHẢO

Cao Xuân Tứ	Vài nét về dòng tâm tình trong Đường thi	3
Tạ Quốc Tuấn	Các nhà văn nữ hiện đại Đài Loan và ý thức nữ quyền	11

SÁNG TÁC

Tuệ Sĩ	Thơ	17
Khoa Hữu	Tượng linh, thơ	18
Timothy Mo	Hầu vương, truyện dịch	21
Lê Tường Thụy dịch		
Nguyễn Thanh Hùng	Vê biển, thơ	29
Duy Lam	Tôi viết văn, hồi ký	30
Bạt Xứ	Làm thế nào cuộc đời, thơ	41
Nguyễn Minh Đức	Tôi không muốn làm loài người nữa, truyện ngắn	42
Triều Hoa Đại	Ở mãi đời nhau, thơ	58
Ngô Nguyên Dũng	Hương cổ thi, thơ	59
Nguyễn Việt	Lê sống, truyện ngắn	60
Đài Sử	Hư vô, thơ	67
Thường Quán	Đá, thơ	68
Hoàng Từ Quyên	Đốm lửa, truyện ngắn	70
Lưu Hy Lạc	Giữa đêm, thơ	75
Luân Hoán	Một chút buồn bỗng dưng, thơ	76
Hoàng Chính	Tối tối, hạt cát sông Hằng, thơ	86
Mai Kim Ngọc	Chị em, truyện dài	87

DIỂM SÁCH

Thế Uyên	Những du ký tương lai, điểm sách	78
Đào Huy Đán	Dấu Huệ Hồng, tập thơ trữ tình của Triều Hoa Đại	98

Ghi nhận đó đây 104

thư tòa soạn

Bước vào năm mới, *Văn Học* hân hạnh gửi đến bạn đọc một số những cây bút mới có triển vọng đóng góp không ít vào sinh hoạt văn học Việt Nam hải ngoại. Ba tác giả Nguyễn Minh Đức, Nguyễn Việt và Hoàng Từ Quyên, mỗi người một sắc thái riêng, linh hoạt hay thâm trầm trong những mảnh đời tiêu biểu của thời đại họ đang sống. Ước mong trong tương lai, *Văn Học* sẽ có cơ hội giới thiệu nhiều hơn nữa những cây bút mới khác sau Bùi Diễm-Âu, Hoàng Chính và ba tác giả nêu trên . . . Chủ điểm khác tìm thấy trên số báo Tân Niên này là văn học Trung Hoa xưa và nay. Xưa, chúng ta có bài viết thật cô đọng và mềm mại của nhà thơ Cao Xuân Tứ viết về thơ Đường, trong đó có những bài thơ dịch thật xuất sắc của chính tác giả. Về văn học Trung Hoa ngày nay, nhà biên khảo Tạ Quốc Tuấn tóm lược tác phẩm những cây bút nữ Đài Loan trong ba thập niên kỷ qua, nhờ đó chúng ta biết được ngoài Quỳnh Dao ra, hòn đảo nhỏ bé đó cũng sản xuất được lắm cây bút tài hoa. Một hiện tượng văn học đáng lưu ý gần đây là trường hợp nhà văn Timothy Mo, một người gốc Trung Hoa nhưng lại nổi tiếng trong dòng văn học Anh quốc hiện đại. Lê Tường Thụy giới thiệu và trích dịch cuốn *The Monkey King* (I Hâu Vương) của ông.

Nhân đây, *Văn Học* cũng xin chân thành cảm tạ sự giúp đỡ quý báu của các thân hữu xa gần trong việc duy trì tờ báo. Một lần nữa, trước thềm năm mới, chúng tôi kính chúc quý vị một năm mới thành công và may mắn.

Văn Học

CAO XUÂN TƯ

vài nét về dòng tâm tình trong đường thi

(Thân tặng anh Trần Văn Tích)

Đề tài bài này tôi dùng “tâm tình” thay vì “trữ tình”, bởi vì tôi muốn nói đến nhánh thi ca mà Viên Mai, nhà thơ đời Thanh, gọi là thơ “thương hoa tiếc nguyệt” nặng về tình huống lứa đôi, trong khi “trữ tình” ngoài tình yêu trai gái còn bao hàm nhiều thứ tình khác: niềm hoài cổ, nỗi nhớ nhà, nhớ nước, nỗi buồn kiếp nhân sinh có cố và . . . vô cố, vân vân. Dòng thơ tâm tình Trung quốc khởi nguồn từ thuở chớm khai của nền văn minh Hán tộc. Bộ *Kinh Thi* do Khổng Tử (551-479 trước Công Nguyên) san định gồm nhiều khúc ca dao và lễ nhạc cung đình góp nhặt qua các triều đại Thương (1166-1122 trước C.N.), Chu (1122-256 trước C.N.), trong đó không thiếu những câu nồng nàn, tình tứ. Ta thử đọc bốn câu sau đây xuất xứ từ nước Trịnh, một chư hầu đời Chu:

*Thanh thanh tử khâm
Du du ngã tâm
Túg ngã bất vãng
Tiê ninh bất tự âm*

Bài ca, do một tác giả khuyết danh nào đó sáng tác khoảng ba nghìn năm trước đây, nói lên nỗi nhớ nhung của người con gái với người tình lúc xa cách. Bài này Tạ Quang Phát đã dịch ra Việt ngữ trong bộ *Thi Kinh Tập Truyện*, mà tôi mạo muội thêm bớt mấy chữ:

*Áo anh bầu áo xanh lơ
Nhớ anh lòng cứ ngẩn ngơ xa gần
Dù rằng em chẳng đến thăm
Sao anh không gửi đôi dòng tới em?*

Bốn câu này diễn theo thể lục bát khiến ta liên tưởng đến một khúc ca dao trong văn chương bình dân Việt Nam. Trong *Kinh Thi* ta tìm thấy nhan nhân các điệu khúc với từ ngữ thật dung dị, cô đọng, nói về tình cảm lứa đôi, những chia xa ngậm ngùi. Ví dụ hai câu:

*. . . Tương nhật bất kiến
Như tam nguyệt hề*

*(Một ngày chẳng thấy mặt nhau
Dài dằng dẵng như ba tháng)*

Chính từ hai câu này thi hào Nguyễn Du mượn ý để diễn tả trạng huống Thúy Kiều tưởng nhớ Kim Trọng với ngôn ngữ và hình ảnh tuyệt vời vượt hẳn nguyên tác:

*Sầu đông càng lác càng đây
Ba thu cộng lại một ngày dài ghê*

Chất tình trong thơ Trung quốc tiếp tục được vun xới, nảy nở qua các triều đại kế tiếp, nhưng phải đợi cho đến đời Đường (618-907), dòng thơ tâm tình mới đạt tới điểm cao, với sự trưởng thành của thơ cách luật ngũ ngôn, thất ngôn, mà lối sử dụng ngôn ngữ và âm thanh đã đạt tới mức điêu luyện. Các bậc thi bá như Lý Bạch (tiên thi), Đỗ Phủ (thánh thi) thời Thịnh Đường, Bạch Cư Dị thời Trung Đường . . . dù cho khuynh hướng, phong cách sáng tác mỗi người một khác, nhưng thấy đều lưu lại cho hậu thế những dòng thơ tình rất đạt. Ngay cả một người đi trước như Trương Cửu Linh (673-740), nhà thơ kiêm nhân vật chính trị làm quan đến chức Tể tướng, ngày ngày bận bịu với việc giúp vua trị nước, công việc dù khô khan, vẫn có thể viết nên những dòng thơ lãng mạn, kể lể nỗi nhớ nhung lúc xa cách bạn tri âm:

*. . . Diệt chúc liên quang mãn
Phi y giúc lộ ti
Bất kham doanh thuĩ tạng
Hoàn tẩm mộng giai kỳ*

Tôi xin tạm dịch:

*. . . Dụi đèn bóng nguyệt mênh mang
Sương sa thấm ướt áo quàng trên vai
Trăng kia khó lấy trao ai
Ngủ đi vô mộng gặp người trong mơ*

Xuôi dòng thơ tâm tình một thế hệ sau, đến lượt Lý Bạch (701-762) người đã viết cả vạn bài thơ, ông tiên bị đày xuống cõi thê, coi trời bằng vung, có thời được vua Minh Hoàng trọng vọng ngất ngưỡng ở chốn cung đình, lúc thì bị đày ra nơi biên ải, cũng không thoát khỏi vòng tục lụy của nỗi nhớ nhau thấm thía giữa “thiếp” với “chàng”. Tôi xin đơn cử bài *Xuân Tư* tuyệt tác:

*Yên thảo nhưh bích ti
Tần tang dê lục chi
Đương quân hoài quy nhật
Thị thiếp đoạn trường thi
Xuân phong bất tương thức
Hà sự nhập la vi*

Bài thơ thoát nghe có vẻ phảng phất điệu *quốc phong* trong *Kinh Thi*, nhưng đọc kỹ ta thấy qua ngọn bút Lý Thái Bạch với những nét chấm phá chứa chan tình ý, hội nhập với âm điệu tuyệt vời, ông *thơ tiên* đã đưa thơ ngũ ngôn Đường luật đến tuyệt đỉnh.

Tôi xin phỏng dịch:

*Cỏ Yên xanh phớt tơ trời
Dâu Tần um lá dã ngời sắc dương
Lúc chàng vọng nhớ cố hương
Là khi ruột thiếp đứt từng khúc đau
Gió xuân chẳng ghẹo gì nhau
Cớ chi để lọt vào sau tấm màn*

Thơ Lý Bạch chất ngất hương tình như thế, còn thơ Đỗ Phủ (712-770) thì sao? Qua sự nghiệp thi ca còn được ngót 1400 bài để lại, vị *thánh thi* được ghi nhận đã đóng góp nhiều nét hiện thực cho nền thi ca Trung quốc, cũng không thiếu những bài chan chứa yêu thương. Không như họ Lý tiếm nhiệm chất Lão Trang, tiêu dao ngày tháng với trăng, gió, rượu và hàng tá người đẹp, nhân sinh quan Đỗ Phủ chịu ảnh hưởng đậm đà của Nho giáo. Ông giữ lối sống chừng mực, thơ ông thường là những dòng *kỷ sự* viết theo nhiều thể, với bút pháp gân guốc, hùng tráng, ghi lại cảm xúc, suy tư của ông đối với các biến chuyển thời cuộc. Suốt cuộc đời cùng khổ, Đỗ Phủ phải nhiều phen lang bạt đó đây, sống lìa xa chốn bếp nòng, mái ấm gia đình. Nhờ vậy mà ông đã sáng tác một số thơ lai láng chất “tình” như ta thấy qua bài *Nguyệt Dạ* khi ông bị giam ở Trường An sau cuộc phản loạn của An Lộc Sơn, nói lên nỗi niềm nhớ nhà, nhớ . . . vợ đang chạy loạn mãi tận xứ Thiểm Tây ngàn dặm cách trở:

*. . . Hương vị, vẫn hoàn thấp,
Thanh luy, ngọc tỷ hàn
Hà thời ý lư hoàng
Song chiếu lệ ngân can?*

Tản Đà dịch thơ:

*. . . Sương sa thơm ướt mái đầu
Cánh tay ngọc trắng lạnh màu sáng trong
Bao giờ tựa bức màn không
Gương soi chung bóng lệ rờn sương khô*

Trong văn học sử Trung quốc, Bạch Cư Dị (772-846) đời Trung Đường được xem là người có công đưa ngôn ngữ của đời sống hằng ngày vào trong thi ca. Lối thơ *tân nhạc phủ* nhiều nét dân gian, lời lẽ bình dị, do ông chủ xướng cùng với Nguyên Chấn (779-831), được xem là một bước đầu đáng kể cho nền thơ mới ở Trung quốc. Đối với văn học Việt Nam, Bạch Lạc Thiên đã đi vào lòng người yêu thơ với hai bài trường thiên chứa chan tình cảm: *Tỳ*

Bà Hành và Tritòng Hận Ca. Tỳ Bà Hành được viết theo lối thất ngôn cổ thể, tả tâm sự ông quan bị giáng chức trấn nhậm nơi xa, và người kỹ nữ về chiều, gặp nhau trên bến Tầm Dương, với bối cảnh là con thuyền, trăng, nước, lòng vào tiếng tỳ bà nổi non trong đêm thu thanh vắng. Mấy ai trong chúng ta lại không thuộc bốn câu mở đầu *Tỳ Bà Hành*:

*Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu
Người xuống ngựa, khách dừng chèo
Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ty...*

Nguyên tác:

*Tầm Dương giang đầu dạ tống khách
Phong diệp dịch hoa thu sắc sắc
Chủ nhân hạ mã, khách tại thuyền
Cử nhũ dục âm, vô quản huyên*

Tỳ Bà Hành được một số tác giả diễn sang quốc âm. Ngoài bản dịch theo thể lục bát của Trần Trọng Kim trong cuốn *Đường Thi* xuất bản năm 1950, trước đây còn có các bản diễn Nôm khác của Phạm Nguyễn Du (1739-1786), Phan Văn Ái (1850-?). Nhưng bản được lưu hành rộng rãi và yêu chuộng hơn cả là bản dịch theo thể song thất lục bát mở đầu bằng bốn câu dẫn ở trên, mà từ trước đến nay vẫn cho là do Phan Huy Vịnh (1801-1873) sáng tác. Tuy nhiên, một số tài liệu “gốc” được tham khảo gần đây như gia phả của dòng Phan Huy, cho thấy chính Phan Huy Thực (1779-1846), thân phụ của Phan Huy Vịnh, mới đích thực là dịch giả bản này. Phân tích bản dịch *Tỳ Bà Hành* của Phan Huy Thực về nội dung lẫn ngôn ngữ, với nhãn quan của người yêu thơ song song với cảm quan bén nhạy của một nhà khoa học, học giả Trần Văn Tịch đã gọi bản dịch này là *một kiệt tác dịch thơ Hán ra thơ Việt... vận dụng được tiếng mẹ ru đến độ lột nguyên vẹn được cái thần, cái tứ... thì hầu như trước đó không có ai sánh được, kể cả Đoàn Thị Điểm và những người diễn Chinh Phụ Ngâm khác như Phan Huy Ích...*

Con nước mênh mang, trời trăng huyền ảo, ngón đàn nào nuốt trong *Tỳ Bà Hành* đã ăn rễ vào thi ca Việt Nam hiện đại, mang mang chút hận, chút buồn, chút thương, chút nhớ, nghe càng thấm thía qua âm giai độc đáo của *tiếng mẹ ru*, mượn lời anh Trần Văn Tịch. Ta hãy đọc mấy dòng thơ Xuân Diệu thời tiền chiến trong bài *Nguyệt Cầm*:

*Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương trăng nhớ, hơi trăng ngần
Đàn buồn đàn lặng ôi đàn chặm
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân...*

Chính Xuân Diệu trong bài tiểu luận về bản *Tỳ Bà Hành* của Phan Huy Thực, đã thú nhận nhớ thuộc lòng bốn câu đầu *Bến Tầm Dương canh khuya đưa khách*... khiến ông cảm tác dòng thơ:

*Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tầm Dương nhạc nhớ người...*

Nếu *Tỳ Bà Hành* đã hội nhập vào văn chương Việt Nam nhờ thi tài của Phan Huy Thực, thì một thế kỷ sau Tân Đà Nguyễn Khắc Hiếu (1888-1939) lại đưa Bạch Cư Dị và thể trường ca lên một điểm mới qua bản dịch *Trường Hận Ca* không kém đặc sắc. Ta hãy đọc bốn câu dẫn nhập của Bạch Cư Dị:

*Hán Hoàng trọng sắc tư khuynh quốc
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành
Dương tại thâm khuê nhân vị thức*

Bạch Lạc Thiên nhập đề thẳng tuốt, không cần đi vòng vèo lời thối, cũng chẳng đưa ra chút triết lý vụn nào: ở chốn cung đình ông vua hiếu sắc ra công kén người đẹp nghiêng nước nghiêng thành về làm phi tần, thì ở nơi dân gian đang có nàng khuê nữ mới lớn khóa kín trong buồng the chưa ai mò tới, chờ được kén vào cung. Tân Đà dịch thơ:

*Đức vua Hán mến người khuynh quốc
Trải bao năm tìm chuốc công tai
Nhà Dương có gái mới choai
Buồng xuân khóa kín chưa ai bạn cùng*

Phản dịch giữ đủ ý của nguyên bản từng câu một, nhưng về mặt nghệ thuật Tân Đà đã đi xa một bước, khi ông tận dụng ngôn ngữ độc đáo Việt Nam một cách thần tình để giới thiệu hai nhân vật chủ chốt, với những nét ấn tượng thật ngoạn mục. Một bên là “đức vua Hán”, thật trang trọng, tôn nghiêm, để chỉ Đường Huyền Tông; một bên là “gái mới choai”, rất bình dị, lại hơi chót nhả, để chỉ gia thế bình thường của Dương Quý Phi lúc chưa được tuyển vào cung. Cái ngông, cái hay của ngọn bút Tân Đà, nhà thơ Việt Nam, cộng với vốn liếng Hán học của kẻ từng vác lều chõng đi thi Hương, đã đưa nghệ thuật chuyển dịch thơ Hán tự ra quốc ngữ qua *Trường Hận Ca* đến một đỉnh cao mới.

Trường Hận Ca kể lại quãng thời gian từ lúc Minh Hoàng gặp Dương Quý Phi, mối tình nồng nàn giữa đáng vương giả với trang quốc sắc, cho tới hồi phải bốn tẩu khỏi Tràng An sau cuộc nổi loạn của An Lộc Sơn. Lúc Minh Hoàng trở về chốn đế kinh thì ngôi báu đã nhường cho con là Túc Tông, người tình họ Dương đã bị ba quân bức tử ở Mã Ngôi. Lũn thui một mình trong cung lạnh, ông vua về già càng thấm thía cái mất mát đau lòng đó, nhớ lại thuở mặn nồng với nàng Dương thời vàng son. Không đành được nỗi nhớ tiếc, Minh Hoàng bèn với đạo sĩ sai làm sứ giả đi khắp nơi, từ cõi mây xanh

tối chốn suối vàng, cũng không thấy nàng Dương ở đâu. Phải tìm mãi đến núi tiên ở tận ngoài bể khơi mới gặp người đẹp cũ nay đã thành tiên nữ Ngọc Chân. Nàng tiên nữ giở dang phiêu diêu nơi cõi Bồng Lai cũng không quên mối ân tình với vị quân vương còn đang lưu dầy nơi cõi thế. Nhưng cõi tiên và cõi trần muôn vàn cách trở, nàng chỉ còn cách bẽ cảnh thoa, chia mảnh khảm trao về làm kỷ vật, cùng lời nhắn nhủ người tình chung:

Tại thiên nguyện tác ty dật điều

Tại địa nguyện vi liên lý chí . . .

mà Tản Đà chuyển dịch với rất nhiều chất thơ, rất . . . Việt Nam:

Xin kết nguyện chùm trời liền cánh

Xin làm cây cành nhánh liền nhau . . .

Từ Bạch Lạc Thiên trở đi, dòng thơ tâm tình tiếp tục được khai phá cho đến thời Văn Đường. Thơ tình thời này nổi bật với nhiều lời hay tứ lạ, mạch thơ trau chuốt, bóng bẩy qua những cống hiến của Lý Hạ (789-816), Đỗ Thu Nương (?-?), Đỗ Mục (803-853), Ôn Đình Quán (813?-870?), và nhất là Lý Thương Ẩn (813-858), nhà thơ tình nổi tiếng đời Văn Đường. Lúc này nhà Đường sắp đến hồi tan cuộc, triều đình thì bị bọn hoạn quan thao túng, ở ngoài xã hội thì dân chúng cũng khổ vì nạn quan lại bóc lột. Phải chăng đây là lý do khiến các nhà thơ tìm lối thoát bằng nếp sống phóng khoáng, vượt lễ giáo đạo Nho, quên đời trong chén rượu, trong tiếng đàn ca, vui đùa với vòng eo gái Sở ở chốn bình kang như Đỗ Mục trong bài *Khiển Hoàn*:

Lạc phách giang hồ tái tửu hành

Sở yêu tiêm tể chuông trung khinh

Thập niên nhất giác Dương Châu mộng

Doanh đắc thanh lâu bạc hân danh

Tôi xin tạm dịch:

Giang hồ một nài rượu ngon

Nhẹ tay gái Sở eo tròn lưng ong

Dương Châu tỉnh mộng mười năm

Lầu xanh mang tiếng phụ lòng cũng cam!

Bài *Tặng Biệt* của Đỗ Mục tả nỗi vui qua đêm với người đẹp, nhưng lúc biệt ly không khỏi đau xót, ngậm ngùi:

Đa tình khước thị tổng vô tình

Duy giác tôn tiền tiểu bất thành

Lạc chúc lưu tâm hoàn tích biệt

Thế nhân thủy lệ đáo thiên minh

Xin tạm dịch:

Đa tình rõ khéo vô tình

Vui gì vui gượng chén quỳnh dài bối

*Sáp đèn luyện phứt chia phối
Thì xin nhỏ lệ giùm người sáng đêm*

Các bài thất ngôn tuyệt cú của Đỗ Mục đã hay, nhưng đến mức trác tuyệt thì Lý Thương Ẩn mới đáng được tôn làm bậc sư của phái thơ tình cảm thời Văn Đường. Cũng như Đỗ Mục, Lý Thương Ẩn thi đỗ tiến sĩ, tuy vậy cuộc đời làm quan của ông không mấy hanh thông, thường bị biếm đi làm việc ở những nơi xa xôi, hẻo lánh. Ông nổi tiếng nhất qua các bài *Vô Đề* và bài *Cấm Sát* từng được thi hào Nguyễn Du dựa ý để tả tiếng đàn Thúy Kiều gây cho người tình Kim Trọng:

*Khuê châu đầm ấm dương hòa
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh?
Khuê châu êm ái xuân tình
Ấy hồn Thục đế hay mình đồ quyền?
Trong sao châu rõ duyên huyễn quyền
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông!*

Nguyên tác bài *Cấm Sát* như sau:

*Cấm sát vô doan ngũ thập huyền
Nhất huyền nhất trụ tứ hoa niên
Trang sinh huyễn mộng mê hồ điệp
Vọng đế xuân tâm thác đồ quyền
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam điền nhật noãn ngọc sinh vân
Thử tình khả dài thành truy ức
Chỉ thị dương thời dĩ vọng niên*

Xin tạm dịch:

*Năm chục dây tơ một phím đàn
Trục nào dây nẩy, hỡi hoa niên
Tiếc xuân quốc gọi, hồn Thục Đế
Ngỡ mình bướm mộng, giấc Trang sinh
Nghìn trùng trắng dài, châu nhỏ lệ
Lam Điền nắng chiếu, ngọc pha sương
Khối tình dây doan bao ngày tháng
Đề lòng ray rứt mãi sầu thương!*

Thơ Lý Thương Ẩn âm ước tình yêu, ngôn ngữ kỳ bí, chứa nhiều ẩn từ, điển tích. Có người cho rằng ông làm bài thơ *Cấm Sát* vào tuổi năm mươi (năm mươi dây ở đây tượng trưng cho năm mươi năm trong đời sống của nhà thơ). Nhà nghiên cứu Francois Cheng nhận xét bài thơ có nhiều ẩn dụ về tính dục. Theo ông, chữ *huyền* (dây đàn) tượng trưng cho bộ phận sinh dục phái nữ, còn chữ *trụ* (trục) ám chỉ dương vật. Chủ đề bài thơ này, cũng như các bài *Vô Đề* nổi tiếng khác, là những mối tình éo le, vô vọng, mà có người cho

rằng đối tượng của chúng là những ngô cụt tình yêu, trong số đó có hai chị em được tuyển làm cung nữ, và một cặp chị em khác đã cắt tóc đi tu.

Để tạm kết, tôi xin mời bạn thưởng thức một trong những bài *Vô Đề* của Lý Thương Ẩn, mà theo tôi nghe còn náo nùng, tẻ tãi hơn cả bài *Cầm Sát*, xứng đáng là viên ngọc quý trong kho tàng thơ tình Đông Tây:

*Tương kiến thời nan, biệt diệc nan
Đông phong vô lực bách hoa tàn
Xuân tâm đào tử ti phượng tận
Lạc cự thanh hồi lệ thủy can
Hiếu kính dân sâu vân mấn cái
Dạ ngâm ương giác nguyệt quang hàn
Bồng lai thử khứ vô da lộ
Thanh điều ân cần vị thám khan*

Tôi xin tạm dịch:

*Gặp nhau đã khó, khó chia xa
Ngọn gió đông tàn, rụng xác hoa
Con tim đau chết, tơ chữa tận
Bấc lui sấp trào, lệ mãi sa
Sáng soi gương, buồn thiu tóc bạc
Đêm ngâm thơ, lạnh tái trắng già
Bồng lai chốn ấy nào xa lắm
Chim xanh mợn cánh nhẩn giùm ta. □*

Tài liệu tham khảo:

- Cheng, Francois: *L'Ecriture Poétique Chinoise*, Seuil, Paris, 1977.
- Cooper, Arthur: *Li Po ang Tu Fu*, Penguins Books, London, 1973
- Guillermaaz, Patricia: *La Poésie Chinoise des Origines à la Révolution*. Marabout Université, Verviers, 1966.
- Nam Trân (chủ biên): *Đường Thi* (2 tập), Văn Học, Hà Nội, 1987.
- Ngô Tất Tố: *Đường Thi*, Xuân Thu tái bản ở Mỹ.
- Tạ Ngọc Liễn và Hoàng Thị Ngọc: *Phan Huy Thực Ngời Dịch Tỳ Bà Hành: Một Nhà Thơ Tiêu Biểu Của Dòng Văn Phan Huy*, trong *Phan Huy Chú và Dòng Văn Phan Huy*, Hà Sơn Bình, 1983.
- Tạ Quang Phát (dịch giả): *Kinh Thi Tập Truyện* (3 tập), Trung Tâm Học Liệu Bộ Giáo Dục, Sài Gòn, 1969, Đại Nam tái bản ở Mỹ.
- Trần Trọng Kim: *Đường Thi*, Đại Nam tái bản ở Mỹ.
- Trần Văn Tích: *Tỳ Bà Hành, Một Kiệt Tác Dịch Thơ Hán Ra Thơ Việt*, Độc Lập, số 10-11-12, 1990, Đức.
- Xuân Diệu: *Độc Bản Dịch Tỳ Bà Hành Của Phan Huy Thực* trong *Phan Huy Chú Và Dòng Văn Phan Huy*, tài liệu đã dẫn.

TẠ QUỐC TUẤN

các nhà văn nữ hiện đại đài loan và ý thức nữ quyền

Mặc dù trong quá khứ đã có nhiều phụ nữ Trung Hoa nói chung và Đài Loan nói riêng viết văn, nhưng con số những người thành danh không nhiều cho lắm. Chỉ từ thập niên 1960 trở lại đây, văn đàn Đài Loan mới xuất hiện rất nhiều nữ văn sĩ tên tuổi, nhiều chẳng những về lượng mà còn cả về phẩm nữa.

Tề Bang Viện, cựu nữ giáo sư Anh ngữ tại Quốc Lập Đài Loan Đại học hiệu, đã ví sự xuất hiện của những nữ văn sĩ này như những “măng mọc sau trận mưa xuân”. Trận mưa xuân ở đây chỉ nhu cầu của các trang văn nghệ những tờ báo lớn. Để khuyến khích các văn sĩ mới, nhiều giải thưởng văn nghệ được tổ chức hằng năm. Đáng chú ý nhất là các giải thưởng Văn nghệ Trung quốc Thời báo, giải thưởng Văn nghệ Liên hợp báo, giải thưởng Văn nghệ Trung Sơn, v.v. Tuy có một số ít người sau khi xuất bản hay cho đăng báo một vài cuốn truyện đã đột nhiên biến mất, đại đa số vẫn tiếp tục viết và đã trưởng thành mạnh hơn. Trong số các văn sĩ tiếp tục viết cầm bút có nhiều người là phụ nữ. Các nữ văn sĩ này đã nổi tiếng rất nhanh chóng. Họ đều có tài viết và tận tâm với ngòi bút.

Đài Loan ngày nay khác xa Đài Loan cách đây 10 năm, 20 năm. Do nền kinh tế trong nước phát triển mạnh, đời sống của nhân dân đã được nâng cao. Đồng thời các lãnh vực xã hội cũng đã thay đổi, chịu sự thâm nhập của chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa hưởng lạc. Cùng với những thay đổi này, hầu hết phụ nữ Đài Loan ngày nay đã có nhiều cơ hội rời bỏ bếp núc dần thân vào các việc làm bên ngoài gia đình và từ đó họ đã đạt được một phần nào sự

độc lập trong quan hệ với gia đình. Tuy nhiên, nếu sự độc lập của phụ nữ đối với gia đình ngày một gia tăng thì quan hệ về tình yêu và hôn nhân lại ngày một suy yếu. Chính sự kiện này đã đưa đến sự xuất hiện của một thế hệ nữ văn sĩ mới, nhất là nữ tiểu thuyết gia. Họ muốn diễn tả những xáo trộn, những biến động do sự vươn mình của phụ nữ ra khỏi vùng kiểm tỏa của gia đình. Điểm đáng chú ý hơn nữa là họ không còn phải bận tâm nhiều đến kỹ thuật, và cả xảo thuật viết văn như các nữ văn sĩ của các thế hệ đàn chị.

Căn cứ vào những đề tài trình bày trong các tác phẩm của họ, chúng ta có thể chia các nữ văn sĩ hiện đại của Đài Loan ra làm bốn nhóm chính.

*

Nhóm thứ nhất gồm các nữ văn sĩ chuyên viết tiểu thuyết chính trị. Tuy nhiên lực lượng của họ không được hùng hậu và họ chưa tạo nên những tiếng vang lâu dài. Hai đại biểu chính của nhóm này là Trần Nhược Hi (thế hệ 1960) và Thái Tú Nữ (thế hệ 1980).

Người ta chỉ biết đến Trần Nhược Hi qua tác phẩm *Duẩn Huyện Trưởng*. Đây là một tác phẩm viết về những việc đã xảy ra trong cái gọi là cuộc cách mạng văn hóa ở hoa lục vào thập niên 1960. Tác phẩm này đã được dịch sang Anh ngữ với nhan đề *Execution of Mayor Yin*. Nhờ tác phẩm này nữ văn sĩ họ Trần đã được ca ngợi rất nhiều ở ngoại quốc. Nhiều trường đại học Hoa Kỳ đã chọn nó làm sách đọc cho các sinh viên chính trị học, nhất là những ai chọn Hoa học (Chinese Studies) hay Đông Á học (East Asian Studies). Trái lại, ở Đài Loan, nữ văn sĩ không được nổi danh cho bằng các nữ văn sĩ đương thời hay hậu bối khác. Đúng là bọt chùa nhà không thiêng.

Điểm đặc biệt của tác phẩm *Duẩn Huyện Trưởng* là nó không đề cập gì tới ý thức nữ quyền cả. Nó mang tính cách một tiểu thuyết chính trị thuần túy. Trong tác phẩm này nữ văn sĩ họ Trần đã nêu lên các tác hại của phong trào “đại cách mạng văn hóa” do Mao Trạch Đông cổ xúy, với sự trợ thủ đắc lực của Lâm Bưu, qua phương tiện các đội ngũ Hồng Vệ binh. Để đạt đến một xã hội Cộng sản theo phương thức Mao chủ nghĩa, phong trào đã đập tan các cơ chế thượng tầng cũng như hạ tầng trong xã hội Hoa Lục. Con người sống trong xã hội này, dù có quyền cao chức trọng như Huyện trưởng Duẩn, bất cứ lúc nào cũng có thể bị hành hình khi đảng Cộng sản, hay nói cho đúng hơn, lãnh tụ của đảng, muốn dùng nó làm vật hi tế cho chủ nghĩa, cho uy quyền của đảng. (Trên thực tế cho đảng thì ít mà cho cá nhân lãnh tụ thì nhiều).

Chúng ta phải đợi gần hai chục năm sau mới thấy Thái Tú Nữ, một nữ văn sĩ thuộc thế hệ trẻ hơn, đã lồng các vấn đề nữ quyền trong cuốn tiểu thuyết chính trị *Ám Dạ Dịch Thanh* (Tiếng sáo trong đêm tối). Tuy nhiên, nữ văn sĩ đã không nắm vững được vai trò của phụ nữ trong chế độ chính trị và không nêu rõ việc phụ nữ chống đối chủ nghĩa đại nam nhân của nam giới.

*

Nhóm thứ hai chuyên viết văn chương bình dân. Đại biểu cho nhóm này là Quỳnh Dao (thế hệ 1960), Tam Mao (thế hệ 1970) và Trương Mạn Quyên (thế hệ 1980).

Nhóm nữ văn sĩ này đã lôi cuốn được rất nhiều nữ độc giả trẻ tuổi vì tính cách văn chương bình dân của họ. Các tác phẩm của họ đề cao vai trò khuôn mẫu của người phụ nữ truyền thống Trung Hoa. Đề tài chính của họ là tình yêu và hôn nhân, như thấy diễn tả qua các tác phẩm *Song Ngoại* (Bên ngoài cửa sổ) của Quỳnh Dao, *Tàn Cáp Lạp Đích Cố Sự* (Truyện bãi sa mạc Sahara) của Tam Mao, hay *Hải Thủy Chính Lam* (Nước biển thực xanh) của Trương Mạn Quyên. Tình yêu của họ chính là thứ tình yêu muôn thuở, còn hôn nhân thì cố hoàn thiện. Ngay chính trong truyện ngắn *Hải Thủy Chính Lam* (mà tuyển tập truyện ngắn chọn làm nhan đề), sự ly hôn cũng không làm sụp đổ viễn tượng lý tưởng về tình yêu và hôn nhân. Nói cách khác, các nữ văn sĩ thuộc nhóm thứ hai này có khuynh hướng vẽ các bức tranh hoàn mỹ về tình yêu và hôn nhân. Mặt khác, các nữ văn sĩ này cũng đã tự trói mình vào những nhận thức cổ truyền của phụ nữ Trung Hoa.

Sở dĩ văn chương bình dân của họ đã hấp dẫn được một số độc giả rất lớn là vì các chủ đề của các truyện của nhóm thứ hai này thích hợp với những mối quan tâm đương thời của phụ nữ ở Đài Loan. Phụ nữ Đài Loan vẫn còn đi tìm tình yêu và hôn nhân lý tưởng, mặc dù họ vẫn bị đau khổ vì bị đàn ông ly dị hay vì sự bất trung của đàn ông. Mặt khác, các đề tài bình dân này cũng đã phản chiếu các giá trị và đạo đức của xã hội Trung Hoa nói chung và Đài Loan nói riêng. Các nhân vật trong các tác phẩm của nhóm nữ văn sĩ này đã chiếm được cảm tình của độc giả.

Hải Thủy Chính Lam muốn diễn tả các sự đau khổ mà con cái sẽ phải chịu đựng nhiều nhất trong các vụ ly hôn. Truyện này muốn khuyến khích độc giả nên suy nghĩ kỹ về điểm đó. Đứa bé trong truyện đã tự vẫn, buộc cha mẹ phải tự kiểm thảo hành vi của mình để cố hàn gắn lại sự rạn nứt giữa họ. Cuối cùng hai người đã hòa thuận lại với nhau. Qua tác phẩm *Hải Thủy Chính Lam*, Trương Mạn Quyên đã đề cao lý tưởng của hôn nhân và lên án ly dị qua hành động của đứa bé nạn nhân.

Ngay dù các tiểu thuyết của Quỳnh Dao có lãng mạn hay bi tráng, các tình nhân trong các truyện cuối cùng bao giờ cũng lại đoàn tụ với nhau. Chỉ có *Song Ngoại* là một ngoại lệ. Tuy nhiên, ngay ở truyện này mối quan hệ trong trắng giữa người nữ sinh trung học và thầy giáo cũng đã khéo chiếm được cảm tình và chấp nhận của độc giả. Cuối truyện cho thấy các quy tắc xã hội đã dắc thắng. Quan hệ này chấm dứt vì áp lực của xã hội. Cô nữ sinh đi lấy chồng, một thanh niên trẻ tuổi, và vài năm sau khi trở về cô đã gặp ông thầy cũ nay trở thành một con người đau khổ, bệnh hoạn, say sưa tối ngày và già nua lom khom.

Truyện *Tản Cáp Lạp Đích Cố Sự* của Tam Mao là một bức họa sống động của hai con người cố hòa mình vào cuộc sống ở sa mạc Tản Cáp Lạp (Sahara) bên Phi châu và đã sống chung với nhau. Kinh nghiệm này cuối cùng đưa đến việc hai người lấy nhau. Câu chuyện tình lãng mạn giữa hai người thuộc hai văn hóa khác nhau trình bày cho độc giả bức tranh lý tưởng của tình yêu và hôn nhân đủ sức vượt qua không gian xa cách và khác biệt văn hóa.

*

Trái với nhóm thứ hai, nhóm thứ ba – gồm các đại biểu như Tăng Tâm Nghi (thế hệ 1970), Tưởng Hiểu Vân (thế hệ 1970-1980) và Lý Ngang (thế hệ 1980) – tuy cũng viết về tình yêu và hôn nhân, nhưng tất cả đều diễn tả những kinh nghiệm đau thương của phụ nữ thôi.

Chẳng hạn trong khi *Tản Cáp Lạp Đích Cố Sự* của Tam Mao thật lãng mạn thì truyện *Ngã Ái Bác Sĩ* (Tôi yêu tiến sĩ) của Tăng Tâm Nghi lại theo một con đường khác. Tình yêu đã được diễn tả một cách tàn nhẫn hơn. Trong thập niên 1970, khung thời gian mà cả hai nữ văn sĩ Tam Mao và Tăng Tâm Nghi viết truyện, nhiều nữ sinh viên đại học đã bị lôi cuốn vào phong trào yêu những thanh niên du học ngoại quốc hồi hương với văn bằng tiến sĩ (người Trung Hoa gọi là bằng bác sĩ). Tuy nhiên, trong truyện *Ngã Ái Bác Sĩ*, nữ văn sĩ họ Tăng đã mô tả những đấng nam học giả hồi hương đó như những kẻ vô trách nhiệm trong việc yêu đương cùng là phác họa những kinh nghiệm cay đắng của các thiếu nữ si mê họ.

Năm 1979, truyện *Nhân Duyên Lộ* (Con đường nhân duyên) của Tưởng Hiểu Vân đoạt giải nhất về đoản thiên tiểu thuyết trong cuộc thi giải thưởng Văn nghệ Liên hợp báo. Cuốn truyện này đề cao trinh tiết và hôn nhân. Nữ nhân vật chính trong truyện sốt sắng đi kiếm chồng và qua ba lần yêu đàn ông vẫn quyết tâm giữ gìn tiết trinh để dành cho người bạn đường của mình. *Nhân Duyên Lộ* đề cao quan hệ nam nữ tự do trong hai thập niên 1970 và 1980. Truyện không phê bình tình yêu và hôn nhân mà chỉ chế nhạo sự ngu xuẩn và thái độ ương ngạnh của nữ nhân vật chính đối với tình yêu và tính dục. Nói cách khác, tác giả đã châm biếm phê bình các phụ nữ mới Đài Loan vì họ chống lại quan niệm phụ nữ phải phục vụ cho các nhu cầu của đàn ông.

Sau *Nhân Duyên Lộ*, trong thập niên 1980 có nhiều tác phẩm do một số nữ văn sĩ viết về nỗi khổ và những trở ngại của phụ nữ đối với tình yêu rồi sinh ra mất tin tưởng vào hôn nhân. Tỷ dụ truyện *Hồng Nhan Dĩ Lão* (Người đẹp đã già) và *Thế Gian Nữ Tử* (Đàn bà thế gian) của Tô Vĩ Trinh, hay *Du Ma Thái Tử* (Hạt giống rau vân dài) và *Bất Quy Lộ* (Đường đi không lối về) của Liêu Huy Anh.

Mặt khác, trong các truyện *Sát Phu* (Giết chồng) và *Ám Dạ* (Đêm tối) tác giả Lý Ngang đã phô bày một cách chân thật sự bạo hành và ức hiếp mà đàn bà phải gánh chịu trong tình yêu và hôn nhân, cùng là những trò lường gạt

của đàn ông trong một xã hội kỹ nghệ hóa. Trong khi kể các kinh nghiệm đau đớn mà người đàn bà phải chịu đựng, tác giả muốn nói là họ phải chịu đựng như vậy để được tồn tại.

*

Nhóm thứ tư cố đi tìm những vai trò mới cho phụ nữ Trung Hoa. Nhóm này nổi lên từ thập niên 1980 với các đại biểu như Viên Quỳnh Quỳnh, Chu Tú Quyên, Lữ Tú Liên và Liêu Huy Anh. Trong hai thập niên 1970 và 1980 các mục tiêu của phong trào nữ quyền Tây phương bắt đầu được một số phụ nữ Đài Loan theo. Họ càng ngày càng quan tâm nhiều đến các vấn đề và các quyền của phụ nữ.

Xã hội Đài Loan bắt đầu biến chuyển mạnh và quan hệ nam nữ đồng thời cũng thay đổi. Cả hai phái nam và nữ đều bị lôi cuốn vào trong cơn lốc thay đổi về tình yêu, hôn nhân và việc làm. Phụ nữ càng ngày càng muốn đi tìm vai trò mới của họ trong gia đình, sở làm và trong đời sống. Chính sự đi tìm này đã đưa đến sự xuất hiện của nhóm nữ văn sĩ thứ tư chuyên trình bày về những sự tìm kiếm và đề cao vai trò mới của phụ nữ Trung Hoa.

Nữ nhân vật chính trong truyện *Nữ Cường Nhân* (Người đàn bà mạnh) của Chu Tú Quyên tiêu biểu cho sự thành công của một phụ nữ trong nghề nghiệp cũng như trong tình yêu. Nàng đóng vai trò kiểu mẫu cho các nữ độc giả trẻ tuổi đang đi tìm hướng đi mới cho mình.

Truyện ngắn *Tự Kỷ Địch Thiên Không* (Chân trời của riêng tôi) của Viên Quỳnh Quỳnh diễn tả sự bình thản của một thiếu phụ khi bị chồng ly dị. Trong khi các tác giả khác trong trường hợp này sẽ mô tả người vợ bị ly dị nào là khóc sụt sùi, rủ rượi, nào là tuyệt vọng, v.v., thì nữ nhân vật chính khi biết bị chồng bỏ đã hết sức bình thản, bình thản đến độ lạnh lùng. Không những thế, sau này khi một lần tình cờ gặp lại người chồng cũ đi với cô vợ mới, nàng nhìn cô vợ này bằng một con mắt kẻ cả và tin chắc là thế nào cô vợ ấy cũng sẽ chịu chung số phận như mình, nghĩa là sẽ có ngày cô ta bị anh chồng bỏ rơi. Do đó, nàng đã bước đi mà lòng tự nhủ là cuộc hôn nhân của mình đã thực sự chấm dứt.

Tuy nhiên truyện không ngừng ở đây mà lại đi theo đường lối quen thuộc của các tác giả khác. Cũng như nhiều người đàn bà bị ly dị khác, nữ nhân vật chính trong truyện đã cố bám lấy một người đàn ông đã có vợ để được nâng đỡ cả về tình cảm lẫn tài chính. Truyện cũng không che đậy sự nhay cảm của thiếu phụ bị ly dị trước ham muốn xác thịt của đàn ông. Một điểm đáng tiếc nữa là tác giả đã giải thích số phận của người đàn bà bị ly dị như là "thiên không" (chân trời) riêng của người đó, khiến cho phạm vi cuộc đấu tranh của phụ nữ đi tìm cho mình một con đường đã bị giới hạn.

Trong *Giá Tam Cá Nữ Nhân* (Ba người đàn bà này) tác giả Lữ Tú Liên trình bày ba khuôn mặt phụ nữ mới. Khuôn mặt thứ nhất là một bà nội trợ đã từ bỏ bếp núc để đi làm một nghề mới; khuôn mặt thứ hai là một phụ nữ

độc thân không lập gia đình cốt để có thể theo đuổi các lý tưởng của mình; và khuôn mặt thứ ba là một người đàn bà phúc hậu đã sẵn sàng đón nhận người tình cùng các con tư sinh của chồng mình sau khi chồng chết. Tác giả đã xét kỹ vai trò của từng người một nhưng lại không để ý đến những xung đột tâm lý của ba nữ nhân vật này khi họ quyết định theo đuổi con đường mình đã chọn. Truyện cũng đề cập qua đến các cá tính của phụ nữ tân thời, nhưng lại có quan niệm mơ hồ và bất định về các vai trò mới của phụ nữ.

Đô Thị Hậu Điều (Những con chim di thể đô thị) của Liêu Huy Anh trình bày một phụ nữ độc thân là một chuyên gia trong ngành quảng cáo. Truyện mô tả đời sống của người này trong văn phòng và cố gắng diễn tả thái độ thận trọng của nàng đối với tình yêu. Tuy nhiên truyện đã đề cập một cách vội vàng diễn biến nhanh chóng về quan hệ giữa nàng lúc bị thất bại trong một việc và ông thượng cấp trong công ty mà nữ nhân vật này tuy thích nhưng vẫn nghi kỵ. Đáng tiếc là tập truyện này đã cấu thả trong việc phân tích cá tính của người thiếu phụ và thái độ của nàng đối với nghề nghiệp.

*

Qua các tác phẩm của các nữ văn sĩ Đài Loan này chúng ta thấy phần lớn họ đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của phong trào nữ quyền của các nước Âu Mỹ. Họ muốn phá bỏ những kiềm tỏa chặt cứng mà tập tục đã áp đặt lên phụ nữ Trung Hoa. Họ đã cố gắng đề cao vai trò mới cho phụ nữ. Họ cố tạo một viễn ảnh phụ nữ Trung Hoa mới, những người có thể tự mình suy nghĩ và định lối đi cho mình đối với các vấn đề thuộc bản thân, xã hội và nhân loại. Họ cũng đã cố tìm phương thức hòa hợp các phụ nữ mới với các phụ nữ vẫn sống nếp sống cổ truyền.

Đáng tiếc là những mối bận tâm và những khát vọng của phụ nữ Trung Hoa, tiêu biểu bằng những tác phẩm của các nữ văn sĩ này, vẫn chưa vượt quá những quan niệm cố hữu. Các đề tài trình bày trong những tác phẩm của họ vẫn chỉ chạy quanh hai chữ “tình yêu” và “hôn nhân”, nhất là những đau khổ của phụ nữ trong tình yêu và hôn nhân, làm như là ý thức nữ quyền chỉ có thể trưởng thành qua hai ngã tình yêu và hôn nhân thôi. Thực ra, muốn cho ý thức nữ quyền được thêm vững mạnh thì cần phải phát triển nó qua nhiều lãnh vực tiểu thuyết khác, kể cả chính trị và lịch sử. Về điểm này, như trên đã nói, chỉ mới có Thái Tú Nữ đã làm, tuy chưa được thành công cho lắm.

Một điểm khác cần nói là tuyệt đại đa số các nữ văn sĩ viết truyện về phụ nữ. Lác đác mới thấy có người viết truyện về nam nhân. Tuy nhiên các nam nhân trong các truyện này đều không phải là những người hùng. Họ vẫn chịu sự chi phối một phần lớn của phụ nữ, dù người đó là vợ, là mẹ, hay là tình nhân. □

Phụ lục:

Các nữ văn sĩ hiện đại Đài Loan và các tác phẩm tiêu biểu:

1. Âu Dương Tử: *Ma Nữ; Di Thực Địch Anh Hoa; Vương Tạ Đường Tiền Địch Yến Tử*.
2. Chu Tú Quyên: *Nữ Cường Nhân*.
3. Liêu Huy Anh: *Kim Dạ Vi Vũ; Bất Quy Lộ; Du Ma Thái Tử; Đố Thị Hậu Điều*.
4. Lữ Tú Liên: *Giá Tam Cá Nữ Nhân; Tình*.
5. Lý Ngang: *Mạc Xuân; Âm Dạ; Hoa Quý; Hồn Thanh Hợp Xương; Sát Phu; Nhân Gian Thế; Tha Môn Địch Nhân Lệ*.
6. Quỳnh Dao: *Nguyệt Mân Tây Lâu; Nữ Bằng Hữu; Bích Vân Thiên; Ngã Thị Nhất Phiến Vân, Vãn Tà Dương, Tụ Tán Lương Y Y; Bạch Hồ; Song Ngoại*.
7. Tam Mao: *Tản Cáp Lạp Địch Cố Sự*.
8. Tăng Tam Nghi: *Ngã Ái Bác Sĩ*.
9. Thái Tú Nữ: *Âm Dạ Địch Thanh*.
10. Tiêu Lệ Hồng: *Quế Hoa Hạng; Thiên Giang Hữu Thủy Thiên Giang Nguyệt*.
11. Tiêu Táp: *Hôn Ước; Ngã Nhị Hán Sinh; Lão Su Khất Bình; Nhật Quang Dạ Cảnh; Hà Phi Chi Gia; Thiếu Niên A Tân*.
12. Tô Vĩ Trinh: *Hồng Nhan Di Lão; Nhân Gian Hữu Mộng; Tuế Nguyệt Địch Thanh Âm; Bồi Tha Nhất Đoạn; Thế Gian Nữ Tử*.
13. Trần Nhược Hi: *Đuẩn Huyện Trướng*.
14. Trương Mạn Quyên: *Hải Thủy Chính Lam*.
15. Tưởng Hiếu Vân: *Nhân Duyên Lộ*.
16. Viên Quỳnh Quỳnh: *Tùy Ý; Tự Kỷ Địch Thiên Không; Hiện Tại Địch Ngã; Đào Vong Địch Thiên Không; Hồng Trần Tâm Sự; Lương Cá Nhân Địch Sự*.

TUỆ SĨ

*Thuyền nhỏ mù sâu
Quấy sóng tay chèo
Cả tiếng vô sanh vô tử
Cây cao vách hiểm
Xua mây vầng nguyệt
Tổ lời tức vọng tức chơ.*

- Bài thơ này Tuệ Sĩ làm trong tù gửi ra diều ngai Đôn Hậu.

KHOA HỮU

tượng lính

— Lịch sử không cho chúng ta những số phận khác.

I.

*Ta cầm súng thời làm lính thú
dọc ngang ta nón sắt đội đầu
vết gót giày bạc phết áo trận
viên đạn đồng ngủ đưng trong bao.*

*Ta lính tác chiến quen liều lĩnh
tháng phát ba mươi ngày hành quân
ly rượu sáng cay lòng bè bạn
bữa cơm chiều nuốt vội thương tâm.*

*Xem trọng xem khinh thằng lính trận
tướng phải thăm lính ở chiến trường
máu vinh quang nước mắt uất hận
khóc thằng về vị quốc vong thân.*

*Trái tim thư sinh gan trận mạc
cầm rậm râu dài tóc trên đầu
quần rách gối quần vai mơ ước
nghỉ, ngồi gác súng chuyện dẫu dẫu.*

*Đêm mờ hơi đào gấp lỗ huyết
buông xuôi tay ngó xuống phận mình
giấc ngủ ngắn kê bên cái chết
liệu mai còn thức với bình minh.*

*Bập bập trên mỗi điều thuốc tạt
nóng mùa khô lạnh cóng mùa mưa
bóng tối bừng mấy thằng nằm thức
chuyển vài hơi khói chết không chữa.*

*Bạn thương ta ngồi biết thi sĩ
còn thương ta chung bước đường cùng
chết như đùa sống như bất kể
chết cùng chia máu sống chia cơm.*

*Sáng lội ven sông chiều mé núi
theo mặt trời đêm cũng là ngày
vui có lúc với giun với dế
buồn khi còn như cỏ như cây.*

*Vài ngày phép ta mang về phố
chẳng tình nhân, không ấm chỗ nằm
ngồi công viên nghe ma tình tự
tưởng mình âm phủ đã ngàn năm.*

*Đi chiến dịch xa biệt tổ quốc
bước viễn chinh đâu có ngày về
tay vuốt mắt những thằng về trước
máu còn nhớ máu lúc phân ly.*

Nắng nhiệt đời khát khô cổ họng
đồng mưa dồn lũ ngập tâm can
mưa nắng đã hai mùa chiến trận
đêm chờ nghe quỷ sứ gọi hồn.

Tội nghiệp tin thư về đất hứa
chữ giống người nghiêng ngã cơn say
nỗi buồn ta hằn trang giấy ước
vội mắt nhìn mây lớp mây bay.

Tội nghiệp ta, tội nghiệp súng đạn
nổ như mê giải nỗi u sầu
sợi tóc treo tháng ngày vô hạn
vĩnh biệt nhau hẹn để gặp nhau.

Đất nghĩa trang chung ngày hạnh ngộ
mộ mộ bia lớp lớp bảo tàng
nơi yên ngựa anh hùng mặt lộ
đá khắc tên lịch sử từng trang.

II.

Ta còn gì, viên đạn bắn sót
mấy thằng còn, sống cũng phế nhân
chút nghĩa khí cũ càng non nước
những tấm lòng mai một thời gian.

Trong tư tưởng ta – ta đã thắng
mười năm thua đời tựa đá mài
hủy thịt da thành người dị dạng
mọi ruột gan để nỗi bi ai.

Ta làm thơ gửi thằng cầm súng
hơn triệu thằng bỏ súng đi đâu
dừa đến quê người đời lận đận
ta quê nhà nhức vết thương sâu.
(Sài Gòn, Việt Nam)

TIMOTHY MO
LÊ TƯỜNG THUY dịch

hầu vương

Lời người dịch: *Timothy Mo là một văn sĩ Anh gốc Trung Hoa, cha ông người Quảng Đông, mẹ người Anh, sinh năm 1951 tại Hương Cảng và học đại học Oxford ở Anh. Ông đã từng cộng tác với các báo Times Educational Supplement, The New Statesman và Boxing News; hiện ông sống tại Luân Đôn. Ông nổi tiếng ngay từ tác phẩm đầu tiên, The Monkey King (1987) được giải Geoffrey Faber Memorial Prize và ba tác phẩm liên tiếp sau đó đều được vào chung kết giải văn chương Anh, The Booker Prize, là Sour Sweet (1982), An Insular Possession (1986) và The Redundancy of Courage (1991). Truyện của Timothy Mo đi sâu vào tâm lý nhân vật và nổi tiếng về lối chọn lọc từ ngữ chính xác tuy đôi khi hơi quá cao siêu đối với đề tài ông viết.*

Truyện Hầu Vương được dịch vài đoạn trong quyển The Monkey King (1978). Tác giả mượn danh Tôn Ngộ Không của Tây Du Ký để ám chỉ nhân vật chính, Wallace Nolasco, một chàng trai nghèo gốc Bồ Đào Nha ở Macau sang Hương Cảng cưới vợ là cô Mỹ Linh, con gái út của lão trọc phú Poon. Vì phải sống chung với gia đình vợ và chịu nhiều thử thách dưới quyền kiểm soát khắt khe và keo kiệt của bố vợ, Wallace bất đắc dĩ trở thành một Tôn Ngộ Không của thời đại mới với những mưu mô thủ đoạn tinh quái không kém phân lý thú.

I.
Ngoài ông bà Poon ra, Wallace và Mỹ Linh là cặp vợ chồng thứ hai trong gia đình này vì anh Long, con cả của ông bà, cùng vợ và hai con ở tầng trên. Mấy cô gái chưa chồng sống chung với ông bà ở tầng dưới. Ngày Wallace mới về làm rể, ông Poon đuổi hết đám người làm xuống nhà bếp, bắt họ trải chiếu ngủ dưới đất để dành phòng họ cho vợ chồng chàng.

Ngay từ đầu ông Poon đã hùng hổ làm ra vẻ rộng lượng với con rể. Ông khua bàn tay mập ú đầy tàn nhang bảo chàng:

– Con cần gì cứ nói ba biết nghe con.

Không những hai bàn tay mà cả chiếc trán hói của ông cũng đầy tàn nhang. Dưới cái bụng phệ như cái trống châu là cặp giò khẳng khiu khiến ông chẳng khác gì một củ khoai tây to tướng. Ông muốn trấn an Wallace hầu mong dập tắt dự tính đòi của hồi môn của chàng.

Thế nhưng Wallace vẫn không hề lơ về nao núng. Chàng lạnh lùng bảo Mỹ Linh:

– Hy vọng bố cô không cho rằng tôi cưới cô chỉ là trò đùa thôi. Không ai qua mặt tôi dễ dàng như thế đâu.

Mỹ Linh chỉ biết cười hả hê.

Sau đó vài hôm ông Poon bảo riêng chàng:

– Gia đình ba muốn tặng con vật này.

Rồi ông quàng vai chàng dẫn sang hành lang tối lờ mờ sau cái bàn ông thường mặc đồ ngủ mang dép cao su ngồi tính toán tiền bạc sổ sách hàng ngày, chung quanh đồng nhất trình vàng óng cao vọi vọi.

Ông mê mê và gõ nhẹ trên mặt bàn rồi trình trọng bảo Wallace:

– Đây là món quà ba và gia đình muốn tặng con, nằm trong ngăn kéo này.

Rồi ông mở hộc lấy ra một chiếc đồng hồ bỏ túi bằng vàng; sợi giây xích kêu leng keng khi ông nhắc lên đưa qua đưa lại trước mặt Wallace với bàn tay lão luyện của một nhà ảo thuật tài tình muốn thôi miên chàng. Wallace reo lên:

– Ô! Đẹp quá!

Ông Poon cười hình hích:

– Suốt thời gian Nhật chiếm Hương Cảng ba giấu nó kỹ lắm. Tụi Nhật đâu có ngờ được. Tụi nó có thể vả ba rụng hết hai hàm răng vàng và đá ba thình thịch nhưng không đời nào ba để mất cái đồng hồ này cả vì của ông cố, ông nội ba để lại đó.

Wallace cảm động rơm rớm nước mắt. Chàng cầm chiếc đồng hồ ước định trọng lượng nó trên tay còn ông già Poon thì mê mê sợi giây xích. Bỗng ông giật cái đồng hồ ra khỏi tay Wallace và bảo chàng:

– Bây giờ để ba giữ hộ nó cho con. Không đâu an toàn bằng ngăn kéo này. Thời buổi này mà con mang nó đi khơi khơi ngoài đường thế nào cũng bị mất dễ như chơi. Thiếu gì kẻ cướp giắt dao găm đây người đó con.

Wallace ấp úng:

– Bỏ trong ngăn hàng cũng được vậy.

Nhưng ông Poon đã ngắt lời chàng:

– Con không biết chữ cái ở nhà là bảo đảm hơn cả. Những tên tai to mặt lớn, mang vết-tông thất cà-vạt chỉnh tề lại là những đứa bịp bợm trắng trợn nhất đó con. Không tin ai được cả. Ba hy vọng con không quên lời khuyên của ba. Dù sao con cũng hạnh diện vì có chiếc đồng hồ này.

Ông khóa trái ngăn kéo lại và tiện tay dẫn chiếc chìa khóa dưới bàn tính bằng gỗ có những hàng nút đen lóng lánh. Ông còn nói tiếp:

– Bất cứ lúc nào con muốn khoe với bạn con, con cứ cho ba hay. Ba sẽ mang ra cho bạn con xem.

Lúc Wallace trở về phòng, chàng gặp Long ở trong nhà bếp. Nhìn nét mặt dầu dàu của Wallace, Long cười khoái chí:

– Ông già vừa mới cho cậu xem cái đồng hồ vàng của ông phải không? Hi hi! Ông khoe cái đồng hồ mắc dịch đó ít nhất cũng năm chục lần rồi!

Tiếng cười chế giễu của Long còn vọng theo Wallace đến tận phòng ngủ. Chàng biết Long đang múc đậu hũ ra chén vì tiếng thìa khua lách cách vào chiếc hũ sành nghe rõ mồm một và cả lúc Long vạch bức màn trúc, lê dép xềnh xệch bước về phòng.

II.

Mỗi ngày gia đình ông Poon chỉ dọn một bữa ăn chính đúng mười hai giờ năm vì ông chỉ về ăn trưa với gia đình. Buổi tối ông thường tiệc tùng với bạn bè hay dãi dăng thân chủ thương mại của ông ở các trà đình tửu quán dưới phố, và trong nhà không ai được quyền đụng đến thức ăn khi ông vắng mặt.

Buổi sáng mấy người làm dọn cháo trắng với giò cháo quẩy, một thứ bánh bằng bột rán phồng. Hàng ngày Wallace vẫn chờ đến bữa ăn trưa và mặc dầu không có đồng hồ chàng vẫn biết rõ giờ ăn vì đúng ba phút trước đó mấy người làm vặn lò hâm lại thức ăn. Lâu dần thành thói quen, Wallace biết chàng có thể nín thở suốt ba phút đó. Lúc mặt chàng đỏ bừng lên và sắp ngạt thở là lúc chàng biết đã đến giờ. Mặc dầu còn xây xẩm mặt mày nhưng không vì thế chàng ăn mất ngon. Trái lại chàng còn khám phá ra rằng hễ chậm chân là hết đồ ăn.

Trong nhà có tám miệng ăn và mùa hè thêm lũ trẻ con nghỉ học là mười, thế nhưng thức ăn chỉ vừa vặn cho ba người thôi. Bữa nào cũng thế, trước hết là tô canh bí bốc hơi nghi ngút với một vài củ năng nổi lênh bênh trên mặt. Những người nào được ông Poon thương, trong số đó có chàng trong mấy tuần lễ đầu tiên, còn hy vọng được vài miếng bí trong chén canh của mình. Khi vừa ăn xong, ông ra dấu cho người làm mang tô xuống bếp và món tiếp theo là ba quả trứng chiên bày trên cái đĩa men loang loáng mỡ. Trái với tô canh được chia đều cho tất cả mọi người, đến món trứng chiên thì mạnh ai nấy gấp, sau khi ông Poon gấp phần của ông trước. Người nào ngồi gần, cầm đũa khéo và gấp nhanh thì được phần; còn ai chậm rần chịu. Mấy hôm đầu mới đến, Wallace còn chậm chạp, vụng về; đôi đũa của chàng cứ trơn như mỡ trên chiếc đĩa sành nên chỉ chưa đầy một phút cả ba cái trứng biến mất, ngay đến tròng đỏ sền sệt trên mặt đĩa cũng được mấy đôi đũa lẹ làng chùi sạch sẽ.

Tiếp theo là món cải chiên, mắm cá và tàu hũ kho; còn cơm thì để trong liễn. Mấy người làm còn hận Wallace, vì chàng mà họ phải xuống ngủ dưới

nhà bếp nên hôm nào họ cũng bồi cơm cháy dưới đáy nồi cho chàng. Rồi Wallace đâm ra quen ăn cơm cháy.

Bao giờ ông Poon cũng là người đầu tiên xô ghế đứng dậy sau khi ợ một tiếng dài khoái trá khiến Wallace chua chát nghĩ thầm, “Chỉ có ông nó rồi ông mới làm vậy được”. Bỗng chốc bàn ăn vắng tanh vì ai nấy đều lặng lẽ về phòng chỉ còn lại một mình Wallace vẫn thèm thuồng nhìn mấy cái đĩa trống trơn, lóng lánh dầu mỡ. Cuối cùng chàng đành theo Mỹ Linh về phòng ngủ.

III.

Trước Giáng Sinh, trời bỗng dưng trở lạnh. Wallace không còn ra ngoài được nữa nên cứ đi lui đi tới trong phòng và nhìn sang hàng cây trụi lá ngoài cửa. Mỹ Linh cuộn tròn trong mấy lớp chăn, ngủ gà ngủ gật trước lò sưởi lạnh ngắt trống trơn. Mặc dầu Wallace đã đề cập đến việc đốt lò sưởi nhiều lần nhưng vô hiệu quả vì không ai hưởng ứng. Mấy người giúp việc làm ngơ còn ông Poon càng ngày càng quở quyết với chàng. Nhiều lần chàng định lấy cái bệ gỗ dùng để thái thịt dưới bếp làm củi đốt nhưng chỉ ngại mỗi một việc mang nó từ dưới bếp lên nhà trên cũng đủ gây ồn ào có thể làm mưu toan chàng bại lộ nên lại thôi.

Cuối cùng không chịu được nữa, Wallace rón rén leo xuống mấy bậc thang kêu kéo kẹt, lặn mò xuống phố. Chàng đến một cửa hàng lớn ngay trung tâm thương mại của người Tàu mua mấy bó củi và một bao than. Trước khi về chàng còn dừng lại bên mấy lọ thịt bò khô mua một bịch xí muội ngâm trong nước cam thảo và hột hoi. Lúc chàng đi vắng, Mỹ Linh đã đắp thêm tấm khăn bàn ny lông lên lớp mền dày cộm. Nàng cố ngăn tiếng hắt hơi khi thấy Wallace bước vào. Wallace ném gói xí muội cam thảo cho Mỹ Linh và bí mật bảo vợ:

– Em chờ xem, thế nào hôm nay mình cũng được ấm áp cho em coi.

Chàng mạnh dạn xuống bếp khệ nệ mang lên cái bệ gỗ và mấy tờ báo cuộn tròn lấy cấp trong đồng nhật trình cao ngệu gần bàn ông Poon. Wallace cặm củi bửa củi thành từng thanh nhỏ, vo tròn mớ giấy báo rồi châm lửa. Một làn khói mỏng cuộn tròn từ từ bốc lên từ đám củi và giấy hỗn độn ấy. Wallace trấn an vợ:

– Không có gì phải lo hết. Em không thấy đã từ lâu đâu có ai đốt lò sưởi. Có lẽ ống khói bị nghẹt đó thôi.

Mấy bà giúp việc lấp ló sau bức màn trúc, tò mò nhìn hai người. Họ giả vờ ho húng hắng rồi khạc vào cái ống nhổ to tướng ngay cửa ra vào.

Wallace kéo quần lên, gạt mấy bà người làm sang một bên hành lang và hùng hổ xuống bếp mang lên một chai rượu nếp. Chàng chỉ cho Mỹ Linh hàng chữ trên nhãn hiệu:

– Mùi thơm thượng hảo hạng. Rượu này dùng để châm mỗi lửa thì thật là tuyệt.

Chàng trình trọng rót rượu lên trên đồng củi rồi quay sang bảo vợ:

– Sẵn sàng rồi đó. Giờ chỉ cần châm một mồi lửa nữa thôi.

Ngọn lửa bén lập tức và cháy bùng lên. Wallace kéo Mỹ Linh ra khỏi đồng chần mền và khăn bàn ny lông rồi nghiêm mặt bảo vợ:

– Em xem có phải anh là vô địch thế giới về môn châm lửa không?

Lúc ông Poon đi làm về, ngọn lửa đang cháy bập bùng và nổ tí tách. Mỹ Linh lo sợ rút vào một góc khi thấy bóng cha, còn Wallace chỉ vào lò sưởi không chút ngại ngùng:

– Ba thấy không, con đốt lửa cho cả nhà ấm áp đó.

Ông Poon chẳng nói chẳng rằng cầm cái ống nhổ to tướng tiến về phía Wallace khiến Mỹ Linh giật lùi thêm một bước. Wallace run sợ bảo ông:

– Ba làm gì thế?

Ông Poon bước qua mặt chàng và hất cái ống nhổ vào lò sưởi. Một làn nước màu nâu tung lên thành hình vòng cung rồi rớt xuống kêu lèo xèo trên ngọn lửa. Ông vừa sờ soạng trong ống khói vừa chửi thề vì mấy ngón tay bị bỏng. Mỹ Linh ho sặc sụa vì lúc này khói bay mù mịt khắp phòng. Hai viên gạch đen rơi bịch bịch xuống sàn nhà và tiếp theo đó là nhiều viên nữa. Bấy giờ Wallace mới dám lên tiếng:

– Trời đất! Đốt lửa có chút xíu mà ba làm gì dữ vậy?

Ông Poon lấy trong túi áo cái dũa móng tay rồi rạch một đường dài trên mặt viên gạch và lần lượt đưa hết viên này đến viên khác ra ánh sáng xem xét cẩn thận như người ta nâng niu giải thưởng thể thao không bằng. Cứ mỗi vết rạch lại lóe lên những tia sáng màu vàng lóng lánh.

Mãi về sau Wallace đã không hối hận lại còn bảo Mỹ Linh:

– Hừ! Có chút xíu mà ông cũng làm ầm lên. Ai lại không biết nóng đến tám trăm độ vàng mới chảy. Cho ông đáng đời. Ai bảo không chịu tin ai lại cứ đem vàng giấu trong ống khói. Tội Nhật về nước từ đời nào rồi bộ ông không biết sao! Đúng là ông bị Trời phạt vì tội keo kiệt biển lận.

Đêm đó chờ mọi người ngủ say, ông Poon lén gỡ mấy thỏi vàng giấu trên ống khói đem gói cẩn thận trong mấy lớp vải dầu và mang xuống giấu sau ống nước dưới nhà bếp. Lúc làm xong ông thở hốt hển và nhìn lại đồng hồ thì đã ba giờ sáng.

IV.

Thăm thoát đã đến Tết. Mấy hôm trước đó, các bà người làm và chị em Mỹ Linh bận rộn giã nếp chuẩn bị gói bánh. Đây là cơ hội duy nhất trong năm cả gia đình được ăn uống ngon lành thỏa thích; ngay đến ông Poon cũng phá lệ nài ép mấy đứa cháu nội ăn thật no đến nỗi bụng chúng phình ra như mấy cái trống cơm.

Wallace ngồi trên giường nghe tiếng chày giã gạo cùng tiếng dao thớt dưới bếp vọng lên và nơm nớp lo âu. Chàng sợ mất mặt vì từ hôm về làm rề đến nay chàng đã tiêu gần hết số vốn khiêm nhường của mình. Nào là mua xì muội cam thảo cho Mỹ Linh, nào là mua than củi đốt lò sưởi thảo nào giờ

dây chàng gần cạn túi. Cuối năm mà kiểu này thì đào đâu ra tiền để mừng một Tết lì xì cho bà con bên vợ? Chả trách Wallace sợ mất mặt là phải! Và chàng biết chắc rằng không thể nào tránh được tục lệ lì xì của người Trung Hoa vì với họ sáng mùng một tết bao giờ cũng phải có những tờ giấy bạc mới toanh xếp tằm cẩn thận bỏ trong những phong bì màu đỏ mới được. Người Hoa tin rằng màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn và tiền bạc biểu hiệu một năm trù phú, thịnh vượng nên mùng một tết họ lì xì cho nhau. Người lớn lì xì cho lũ trẻ con và những người có gia đình lì xì cho đám họ thân kèm theo những lời chúc tụng khách sáo và lời cảm ơn đầy khuôn phép. Tất cả sự trao tặng chúc mừng này của người Hoa diễn ra không đầy một phút, còn nhanh hơn một thoáng hơi thở của chàng.

Thật ra Wallace không hoàn toàn cực lực phản đối tục lệ lì xì này mà còn xem đó là thứ khí giới tế nhị nhất trong hầu hết các quy ước xã hội của người Hoa và cũng là dịp nhắc nhở những kẻ còn độc thân về sự hiện diện thừa thãi của họ trong gia đình, khiến họ phải quan tâm đến tình trạng độc thân của họ. Wallace quyết định tận dụng món tiền lì xì của mình để trả đũa hai bà chị vợ mà chàng cho là hai cô gái già vô tích sự bấy lâu nay hay nói bóng gió mỉa mai chàng.

Mấy hôm rồi Wallace đã toan tính nhiều kế hoạch làm tiền nhưng lần nào chàng cũng thấy không cách gì hay bằng mang chiếc đồng hồ vàng của ông Poon đi cầm lấy tiền xài tạm. Dĩ nhiên chàng phải hết sức bí mật mặc dầu chàng vẫn cho rằng chiếc đồng hồ này là của hồi môn hoàn toàn thuộc về chàng. Thế nhưng Wallace cũng tự bào chữa là không muốn làm méch lòng ông Poon. Chàng biết không thể nào hỏi thẳng ông Poon về món tiền hồi môn vì làm như thế quá lỗ bịch và còn mặc nhiên công nhận mình thua cuộc; ngoài ra e còn phải lép vế chịu lòng ông trong tương lai nữa, Wallace đời nào chịu hạ mình một cách dễ dàng như vậy!

Chàng chỉ cần có một món tiền tạm thời qua ba ngày tết thôi vì sau đó hy vọng với số tiền lì xì nhận được, chàng sẽ chuộc lại chiếc đồng hồ trả ông Poon. Biết đâu chàng còn có lời nữa vì thế nào với tư cách trưởng tộc, ông Poon lại không mở lòng hào hiệp cho chàng nhiều tiền hơn. Wallace nhắm tính chỉ nội phong bì của ông Poon và Long, anh vợ chàng cũng đủ bằng số tiền chàng cho họ. Ngoài ra còn bà Poon và vợ Long nữa. Biết đâu, Wallace nuôi hy vọng, vì biết đâu còn nhiều hơn thế nữa.

Thế là chàng quyết định lấy cắp chiếc đồng hồ vàng của ông Poon và không hề cho Mỹ Linh biết. “Mượn tạm vài bữa thôi!” chàng nhủ thầm. Chờ đến tối Wallace rón rén sang bàn giấy của ông Poon và tìm chiếc chìa khóa giấu dưới máy tính bằng gỗ. Chàng mở ngăn kéo lấy đồng hồ cho vào túi rồi cất chìa khóa vào chỗ cũ. Xong xuôi chàng thở phào vì mọi việc dễ dàng hơn chàng tưởng nhiều.

Sáng hôm sau Wallace xuống phố. Chàng nhớ Long có lần bảo chàng ở phía Bắc có nhiều tiệm cầm đồ và Wallace nhận ra ngay những cửa hàng đây

người Ấn Độ canh gác, chung quanh có hàng rào cao bao bọc. Tối hôm đó Wallace bày ra trên giường một mớ phong bì đất tiền màu đỏ có in lời chúc tụng bằng chữ Hoa mạ vàng lóng lánh và bên cạnh là đồng giấy bạc mới toanh gồm nhiều tờ giấy năm đồng, mười đồng cùng một tờ trăm đồng còn thơm mùi mực. Chàng cầm tờ giấy trăm đồng đưa lên mũi ngửi rồi tung mớ tiền còn lại lên trần nhà. Những tờ giấy bạc nhiều màu bay lơ lửng trước khi rơi xuống sàn. Chàng quyết định giữ lại tờ giấy một trăm còn những tờ kia chàng cẩn thận xếp tư cho vào từng phong bì và mỉm cười khoái chí khi tưởng tượng nét mặt của hai bà chị vợ lúc họ mở phong bì lì xì của chàng.

Sáng mùng một Tết ai cũng thức dậy sớm hơn thường lệ và chẳng cần rửa mặt súc miệng mọi người đã y phục chỉnh tề ngồi quanh bàn điểm tâm. Wallace để Mỹ Linh đi trước còn chàng nấn ná lại vì đang bôi thêm dầu vaseline lên mớ tóc lóng mượt của chàng và không quên chùi tay lên quần trước khi ra khỏi phòng. Rồi cuộc chàng là người đến chót. Hai bà chị vợ mặc xường xám dài chấm gót với hai vạt áo xẻ lên tận đùi và mặc dầu đã mang áo khoác bằng gấm, cả hai bà đều run cầm cập vì lạnh. Lúc họ ngồi xuống bàn ăn, vạt áo co lên để lộ đôi hài đã sờn mép, Mỹ Linh mặc chiếc áo cũ của hai bà chị để lại nên rộng thùng thình. Wallace có vẻ hài lòng với bữa cháo điểm tâm duy nhất trong năm có chút thịt nên không ngần ngại ăn luôn hai khúc giò cháo quẩy mặc cho bà người làm chau mày phản đối. Sau bữa ăn sáng, mọi người theo nhau sang phòng khách. Ông Poon ngồi chễm chệ trên chiếc ghế bành bằng gỗ mun đen bóng loáng, chung quanh là mấy chậu mai vàng và lan trắng tỏa hương thơm ngát. Bà Poon đứng cạnh chồng và trước mặt bà là một đồng phong bì màu đỏ trên chiếc ghế đầu nhỏ. Vì là con trưởng nên Long phải mở màn. Chàng tiến lên trước mặt cha mẹ, khoanh tay cúi đầu vái hai người, miệng lí nhí mấy lời chúc tụng. Khuôn mặt ông Poon vẫn bất động như chiếc mặt nạ bằng đất sét nung trong các tuồng cải lương Tàu và đến lúc bà Poon bật ngọn đèn trên đầu ông thì trông ông chẳng khác gì ông Phật Di Lặc.

Sau khi lãnh phần lì xì, Long rút lui và tiếp theo đó là hai đứa con trai chàng, hai cô con gái chưa chồng của ông bà Poon, vợ Long rồi kế tiếp là vợ chồng Wallace và sau cùng đến mấy bà giúp việc. Lũ trẻ con vừa đưa phong bì lên ánh đèn để đoán xem số tiền trong đó đã bị Long gạt phăng tay xuống, rồi chàng chấp tay sau lưng, ưỡn ngực đứng thẳng người lên. Nhưng từ góc cửa sổ, Wallace cũng thấy rõ mấy ngón tay Long mân mê lần mò chiếc phong bì.

Đến đây hai bà giúp việc mang ra mấy khay mứt bánh hạt dưa bày rải rác khắp phòng và rót trà ra mấy cái chén tống, chén quân mời mọi người. Đã đến phiên Wallace lì xì cho hai bà chị vợ. Thấy chàng, họ giả vờ e lệ rút vào một góc phòng. Wallace nghênh ngang tiến về phía hai bà và đưa cho họ hai chiếc phong bì đỏ. Chàng héch mặt bảo:

– Nè, hy vọng sang năm tôi sẽ được hai bà lì xì lại đó nha!

Tiếp theo đó, gia đình Long và Wallace li xi lẫn nhau rồi Long khoác vai chàng tiến về phía đám đông cùng họ uống trà, cắn hạt dưa.

Khi Wallace cùng Mỹ Linh trở về phòng, chàng có linh tính đoán trước số tiền chàng nhận hôm nay. Nhìn đồng phong bì dỏ trên giường, chàng hást hàm hỏi vợ: – Còn phong bì nào nữa đâu, mang hết ra đây xem nào.

Mỹ Linh tròn tròn mắt:

– Bộ anh tưởng em giấu anh sao?

Wallace khua tay:

– Ở đây riết rồi không tìm ai được cả.

Chàng mở phong bì thứ nhất. Một hột nút rơi ra. Wallace nhìn trừng trừng như không tìm. Rõ ràng một hột nút màu nâu với bốn cái lỗ nhỏ nằm trổ trên trên giường. Wallace lấy đầu cây bút dí vào hột nút, mỉa mai bảo vợ:

– Chắc đây là hột nút quần của tên Long chứ còn của ai nữa. Tên khốn nạn. Vậy mà lỡ cho nó đến mười đồng!

– Của ai?

– Của tên Long anh cô chứ còn của ai vào đây nữa! Ai lại chơi trò đùa cợt thế này. Chỉ có hần ta thua bạc nhần túi mới giờ trò này thôi.

Mỹ Linh lắc lắc một phong bì khác và tươi nét mặt bảo chồng:

– Chắc phong bì này có tiền.

Wallace giật lấy và lôi ra tờ giấy bạc một xu chỉ dùng vào việc kế toán và vô dụng đến nỗi chỉ có công ty cung cấp nước mới in mà thôi. Kiểm điểm lại, số tiền trong tất cả các phong bì vừa đúng hai chục đồng, trong đó hết mười lăm đồng do bà Poon cho. Wallace bực bội khi thấy chiếc phong bì cuối cùng chỉ vồn vẹn có vài cắc. Chàng hăm hực lăm bầm:

– Cho đáng đời. Ông sẽ không bao giờ thấy lại nó đâu!

– Anh nói gì?

Nhưng Wallace không đáp.

V.

Vài hôm sau lúc Wallace đang đọc sách trong phòng, vợ Long vào báo tin ông Poon muốn nói chuyện với chàng trong phòng khách. Khi chàng bước vào, mọi người đã tề tựu đông đủ. Cuối cùng ông Poon đi vào, theo sau là bà Poon với vẻ mặt nghiêm trọng. Ông bắt đầu thuyết một tràng dài bằng tiếng Quan Thoại, rồi ngưng một lát ông chuyển sang tiếng Anh, đôi mắt vẫn không rời Wallace.

– Tôi biết trong nhà này có một con rắn độc phải tìm cho ra.

Long sững sờ hỏi Wallace:

– Có chuyện gì vậy cậu?

Wallace hừ môi:

– Cứ lục khắp người tôi đi.

Ông Poon đuổi mọi người ra và đi từng phòng lục lọi tìm kiếm, từ nhà bếp lên nhà ngang. Lúc ông vào phòng, Wallace và Mỹ Linh đứng giạt ra hai bên

cửa đón ông vào. Đây là lần đầu tiên ông vào phòng hai vợ chồng chàng từ hôm đám cưới. Ông sục sạo trong tủ áo, lộn ngược túi áo khoác của chàng khiến cho đám móc áo chạm vào nhau kêu leng keng. Ông còn lật ngược mền nệm, gối chăn và cả đến mấy bộ quần áo ngủ cũng bị ông xổ tung ra. Không cần ai bảo, Wallace tự động lộn ngược hai túi áo khoác chàng đang mặc cho ông xem. Ông chỉ vào chân chàng và Wallace tụt dép ra. Rồi cuộc không còn chỗ nào trong phòng để ông tìm kiếm lục lợi nữa. Ánh đèn trên trần nhà hắt ra một màu vàng úa và soi rõ từng cái sẹo, từng vết mụn trên làn da sần sùi của Mỹ Linh. Ông Poon dậm chân lên miếng ván hở tựa hồ như vết nứt sẽ mở ra thành một hố chôn đồ thổ phỉ của bọn đạo chích. Ông lần theo kẻ hở đó xuống nhà bếp và Wallace nghe tiếng bát đĩa chạm nhau lách cách và tiếng ông sục sạo trong mở nồi niêu song chảo. Chán rồi ông trở lên phòng, thò đầu qua bức màn trúc dọa dẫm: – Trong nhà này có nhiều chuyện kỳ lạ xảy ra mà từ trước đến giờ chưa hề thấy. Liệu chừng đó nha!

Nét mặt Wallace vẫn bất biến.

Đêm đó chàng gỡ tờ giấy bạc một trăm đồng ra khỏi hộp đầu cù là Con Cọp nhỏ bằng ngón tay cái và mang tấm biên lai cầm đồ vào phòng tắm. Chàng châm lửa và với cây kéo cắt móng tay, chàng đốt tấm biên lai cháy rụi rồi giựt nước thủ tiêu tang vật. □

NGUYỄN THANH HÙNG

về biển

Ngày thu ngắn - mùa - mùa rơi

Mây về - từ chân trời xa - mùa tới

Trời đi vắng - rơi - rơi

Xuống đất

Đất đầy như mẹ - mẹ ôm

Đầy tròn - thân con hạt nước

Theo mây - mây về - tuôn về mẹ

Nước chảy xuôi - như nước mắt rơi

Mùa củ rơi

Đất trời rộng - lay trời mùa xuống

Mùa rơi - rồi nước sẽ xuôi

Về biển

DUY LAM

tôi viết văn

hồi ký

Ngay từ hồi còn nhỏ xíu để thường cũng chưa cao hơn được cái ba toong bằng mây của ba tôi, tôi đã mơ lớn lên sẽ làm văn làm báo và chống Pháp để sẽ cũng nổi tiếng như các bác chú bên họ ngoại. Điều đó cũng thật dễ hiểu, cái nếp sinh hoạt của gia đình dòng họ đã thường xuyên cho tôi có dịp được tiếp xúc với những con người cảnh sống đầy hứng thú và đã kích thích mạnh đến tâm hồn một đứa trẻ nhạy cảm và tò mò và đã ảnh hưởng sâu đậm đến cuộc đời tôi trong những năm tuổi mới lớn và vào đời.

Tôi cũng chẳng bao giờ quên những lúc vì là con đầu, tôi được ba tôi cho đi theo lên tòa báo tại đường Quan Thánh, để rồi chạy chơi tung tăng ngoài sân trên gác, hoặc luẩn quẩn trong văn phòng tòa soạn, trong nhà in phòng sắp chữ, làm quẩn chân các bác các chú và những người thợ máy thợ sắp chữ, ông cò, nhưng chẳng bao giờ bị ai la mắng vì tôi là cháu các bác các chú tôi và là con ông quản lý. Tôi đã đứng hàng giờ ngơ ngẩn và thích thú ngắm hai cái máy in một lớn một nhỏ đập bằng chân đang rầm rầm và lạch cạch chạy suốt ngày, tuôn ra không dứt những trang báo còn thơm nức mùi mực in chưa khô.

Tôi cũng còn hay mò lên trên gác xem các bác các chú ngồi viết lách hay nghe họ sôi nổi trò chuyện bằng tiếng Pháp, hoặc cùng với anh Tri chui vào phòng bác KH để phá bác thường cũng ngồi viết văn. Bác KH với thân hình nhỏ nhắn, với đôi mắt long lanh tinh nghịch và nụ cười tươi tắn sẵn lòng bỏ bút xuống trò chuyện với chúng tôi, và đôi khi còn về hòa với chúng tôi trong những trò chơi do anh Tri đầu têu để chọc phá tất cả mọi người. Anh Tri là con trai thứ của bác Ba, nhưng vì hai bác KH hiếm muộn không có con nên đã được cho làm con nuôi bác KH và đến ở luôn trên tầng gác trên tòa báo với bố mẹ nuôi. Anh là một cậu bé tinh quái láu lỉnh, hơn tôi gần hai tuổi, với cái đầu khá lớn trên một thân hình khẳng khiu trắng trẻo, với dáng điệu cử động nhanh như một con sóc, cặp tai lớn và vểnh, đôi mắt đẹp long lanh và chiếc cằm lẹm, là người mà tôi rất phục vì anh luôn luôn nghĩ ra được

những trò trêu chọc mọi người luôn luôn đổi mới. Chẳng hạn anh dùng điện thoại của bên tòa soạn, gọi tổng đài viên nối mạch dây sang cái máy bên nhà in, giả vờ là một độc giả gọi tới rất khéo và rồi cúp điện thoại chạy sang bên nhà in để gọi ngược lại bên tòa soạn, với sự chứng kiến đầy thán phục của tôi và bác KH. Bác ngật nghẹo cười khoái trá đang đứng nắp đầu đó phụ họa đạo diễn khuyến khích. Cũng có vài lần chúng tôi bị chú Bảy rình bắt được tại trận, sách tai hai chú nhỏ nhốt vào cầu tiêu ở nhà sau cho chữa cái thói nghịch tinh, luôn cả chánh phạm là anh Tri và đồng phạm là tôi. Chỉ thoáng một cái anh Tri mò mẫm mở được cửa “phòng giam” chạy sang giải thoát cho tôi và bọn tôi lại bắt tay vào những trò tính nghịch khác.

Vào những buổi báo phát hành, tôi đứng trên thềm tòa báo thú vị và đầy kích thích nhìn một đám đông dễ thương đến cả trăm đứa trẻ bán báo đang la hét xô đẩy nhau ở ngoài hàng rào sắt. Nhiều đứa trèo cả lên hàng rào khoa chân múa tay gọi ới ới giành được quyền nhận báo trước. Rồi những tập báo được người phụ trách chuyển ra, hầu như bị tước đoạt khỏi tay và những chú bán báo tản ra chạy đi khắp các ngã đường Hà Nội, với những tiếng rao lanh lảnh, báo cho những tầng lớp độc giả ái mộ Tự Lực Văn Đoàn và NNPH là giới tài hoa son trẻ ngay tức khắc có dịp cười nghiêng ngả hoặc mơ màng say đắm với những vần thơ, truyện ngắn truyện dài, các bài phóng sự phiếm luận hài hước dí dỏm của các văn thi sĩ nổi tiếng vào bậc nhất của các thập niên 30 và 40.

Tôi, Du và Liên còn được ba mẹ tôi dẫn đi tham dự hầu hết các phòng triển lãm hội họa, các buổi diễn kịch ra mắt, những buổi trình diễn ca vũ, những chợ phiên *Kermesse*, diễn hành xe hoa của Hà thành hoa lệ và tài hoa son trẻ thời đó. Mẹ tôi vẫn luôn luôn ngạc nhiên không hiểu tại sao trí óc một đứa trẻ mới 9, 10 tuổi như tôi lại có thể nhớ rõ mồn một đến từng chi tiết về những buổi trình diễn kịch nhạc vũ tôi đã bám áo dài mẹ tôi đi dự. Tôi có thể khoái trá và say mê kể lại mấy màn của vở kịch *Kinh Kha* của bác TL lần đầu tiên ra mắt trên sân khấu Nhà Hát Lớn với các phong bằng vải trắng phất phới sau cửa vào và hai cửa sổ chiếc quán trong đó Kinh Kha gặp Cao Tiêm Ly, và điều tôi thú vị nhớ lại là thỉnh thoảng lại có những người thật, các nhân vật phụ đi qua đi lại rất tự nhiên: một ông già, một người gánh hàng rong, một cô gái. Tôi thích thú nhất cái màn triều đình nhà Tần, khi Kinh Kha tung dao trủy thủ đuổi theo vua Tần chém hụt rồi sau đó ngã lộn trên bực cao xuống sân khấu rất hồi hộp.

Ba mẹ con cũng hay ôn lại đầy thán phục trăm trò các buổi trình diễn hiếm hoi đầu tiên của đoàn vũ công từ Nhật sang với cái màn ngoạn mục hai chục cô gái Phù Tang múa quạt nhịp nhàng đều đặn như những con bướm sặc sỡ và múa qua múa lại một hồi các vũ công phía sau lần sang hai bên vào hậu trường lúc nào chẳng ai hay, để lúc cuối cùng hai vũ nữ đầu hàng cúi chào khán giả Hà thành mới ngỡ ngàng khám phá ra chỉ còn hai vũ nữ đó mà thôi, và những vũ nữ khác đã biến đi như trong truyện thần tiên. Tôi cũng

còn nhớ với niềm xúc động khó hiểu khi xem một vở cải lương đến cái màn cô đào Phùng Há khóc lăn lộn trên sân khấu thật thảm thiết mà sau này tôi lại gặp tình cảm này với một sự sợ hãi khôn tả về một cái gì ghê gớm bí ẩn đang xảy ra khi mẹ tôi ôm lấy tôi thân hình nức nở rung chuyển ngay sau khi đám tang đứa em trai thứ tư của gia đình tôi vừa rời khỏi nhà và chỉ còn lại hai mẹ con ôm nhau khóc. Và tôi cũng khóc theo mẹ, tâm hồn xâm chiếm bởi một xúc cảm hỗn độn về một sự mất mát tôi chưa thể thấu hiểu.

Tôi cũng còn nhớ mãi những buổi uống rượu ngâm thơ thưởng trăng tại sân trước nhà chú Sáu, căn nhà cây liễu đầu làng GP của đông đảo các chú các bác ba mẹ tôi và các bạn văn của nhóm Tự Lực Văn Đoàn. Chúng tôi, tôi, Du và Liên chơi thơ thẩn ăn bánh uống nước chanh to mò ngấm với cơn mát của tuổi thơ cái cảnh khá náo nhiệt các bác các chú thi nhau uống rượu, thi nhau ngâm thơ bình thơ đến mãi tận khuya dưới ánh trăng vắng vẻ sáng như ban ngày và mặt nước Hồ Tây trải rộng trước nhà mờ ảo và thần tiên. Bọn tôi rúc rích cười chỉ cho nhau xem vài chú bác quá say chui cả xuống gầm bàn ngủ gục và bạn tôi lại được dịp vừa vui cười vừa phụ giúp hay làm quần chân thì đúng hơn, mẹ tôi và thím Sáu dìu mấy chú bác vào trong nhà và ngạc nhiên ngắm các bà săn sóc làm những sự chữa chạy kỳ kỳ như ép các bác các chú uống cả cốc nước chanh đường, cù cho các bác các chú cười sằng sặc khi bôi vôi nghệ vào lòng bàn chân, bôi dầu vào trán vào cổ và chườm nước đá đắp khăn ướt lên trán. Có lần tôi thấy bác Ba trai cởi quần áo nhảy xuống hồ bơi thi với một bạn khác, rồi lại lóp ngóp lên bờ để tiếp tục uống nữa và tôi thầm ghi nhận, vì tôi hồi đó được coi là một tay bơi có hạng có thể bơi lội như cá trắm cả ngày dưới hồ không biết mệt, sự kiện là bác Ba luôn luôn thắng trong mọi cuộc bơi thi như vậy.

Trầm mình trong một nếp sinh hoạt đầy hứng thú của một gia đình dòng họ thuộc giới văn học nghệ thuật như vậy, tôi đã dần dần lớn lên với hai lối sống lồng vào nhau quyện vào nhau mật thiết: một mặt tôi và Du là những đứa trẻ nghịch ngợm có hạng từa tựa như Tom Sawyer và Huckleberry Finn của Mark Twain có nghĩa là mùa hè suốt ngày leo trèo trên tất cả những cây cao nhất, kể cả những mái nhà, kéo nhau đi câu tôm câu cá chèo thuyền *canoe périssoire*, thuyền gỗ đánh cá của dân chài, bày trận đánh nhau, đi bắt chim bắt dế, đạp xe trộm phiêu lưu trong những chuyến đi xa, mặt khác lại là những đứa trẻ ham mê đọc sách, đủ các loại sách đến quên cả ăn ngủ. Tóm lại là những đứa trẻ mơ mộng và giàu óc tưởng tượng. Được ba mẹ chúng tôi khuyến khích mua cho đủ các loại sách dành cho trẻ con như *Truyện Bá*, *Cậu Ấm Cổ Chiêu*, *Sách Hồng*, sách của nhà xuất bản Cộng Lực . . ., các loại sách truyện bằng hình của Pháp như *Tarzan*, *Vaillant*, *Tintin*, tôi cũng vẫn chưa thấy đủ mà những khi ba tôi vắng nhà đã tuần tự lục hết tủ sách quý của ông đọc trộm gần hết những tiểu thuyết của NNDN. Bởi vì sách của ba tôi toàn loại bản quý có chữ ký của tác giả, chỗ nào tôi không nghiêng ngoẹo đầu tách trang đọc nổi, tôi bỏ qua tiếp tục đọc những trang đọc được. Tôi nhớ đã say

mê *Tê Lê Mác Phiêu Lưu Ký* trong tập san *Tân Uyển*, *Tristan và Yseult*, *Nghìn Lẻ Một Đêm*, và đặc biệt xúc động về những cảnh ghê rợn trong *Ngôi Nhà Họ Hạ* của Hoffmann, *Con Quái Truyền Kiếp* của Conan Doyle, TL dịch. Tôi đã đọc *An-na Kha Lê Ninh*, tập I bằng giấy gió, cũng do TL dịch thì phải và cuốn *Bức Màn Sơn*, Huyền Hà dịch của Somerset Maugham. Với tâm hồn dễ yêu dễ ghét của một đứa trẻ, tôi đã thích ngay An-na và tình mẫu tử của nàng với đứa con trai nhỏ, không ưa lắm cái anh chàng Vronsky băng băng và cười cái ngây dại ngờ nghệch của Lê-vin và cũng đã bị kích thích một cách nào đó về cái bi kịch là lạ của những nhân vật trong *Bức Màn Sơn*.

Tuy nhiên, phải nói là trong thời kỳ từ 9 đến 13 tuổi này, mấy biến động trong gia đình và ngoài đời đã thực sự tác động đến tâm hồn đứa trẻ mới lớn và cũng là sự tỉnh cơn khi đọc sách truyện lại những cảnh ngộ bi thảm tương tự của một số nhân vật, cả hai cộng lại đã ghi những dấu ấn và tạo những xúc động sâu sắc đến tôi. Đó là sự ám ảnh rất sớm của cái chết và sự đau khổ của mẹ mất con và cái chết của người đàn bà đã tạo những đau đớn cho những người thương yêu còn sống sót. Cũng không lấy gì làm ngạc nhiên cũng dễ tài về ám ảnh của cái chết và sự mất mát những người thân yêu đã được tôi chọn để viết những truyện ngắn đầu tay và cũng chọn Lam làm nửa sau của tên hiệu DL chỉ vì đã đọc một truyện tình ngắn của Pearl Buck trong tuyển tập truyện ngắn *Hương Xa* tựa đề *Đôi Mắt Xanh Lam*, đồng thời cũng là vì người chú rất thân thiết với gia đình chúng tôi, chú Sáu, cũng có tên hiệu là Thạch Lam.

Sau những ngày hãi hùng trước khi em Quân tôi chết, trong cái không khí nghiêm trọng, với những người lớn ra vào lặng lẽ mặt xám tối, những tiếng hỏi nhau thăm thì, những ánh mắt lo âu khắc khoải trao đổi nhau giữa ba mẹ tôi và chú Bảy, người em trai út bác sĩ độc nhất trong gia đình, và những chuyện hình như đáng sợ thần bí người lớn làm đối với thân hình nhỏ bé trong chiếc nôi trắng và những khóc ngất ngằn ngặt trong đêm khuya lẫn vào với giọng nói dỗ dành nghẹn ngào không thành tiếng của mẹ tôi; bọn trẻ con chúng tôi hầu như bị bỏ quên. Tôi, Du, Liên luôn luôn bị xua đuổi xô đẩy ra khỏi phòng, ra ngoài đường chơi, cứ như sự sát gần chúng tôi với cái nôi Quân đang nằm kia sẽ mang lại cho chúng tôi một tai nạn ghê gớm khó hiểu; còn về phía chúng tôi thời chỉ mơ hồ cảm thấy một nỗi sợ hãi làm chúng tôi thất đảm cuống quít mà chẳng hiểu tại sao như sợ một loài ma quỷ đang rình rập chúng tôi ở đâu đây.

Rồi cái nỗi xúc động mạnh mẽ và những bàn tay ôm ghì lấy nhau đầy bất lực, khi mẹ tôi khuôn mặt đẹp đằm dìa nước mắt gần như lẫn lộn trong một cơn đau đớn làm thân hình bà rung chuyển từng đợt, và những cái hôn tới tấp trên mặt tôi, tóc tôi và những giọt nước mắt nóng bỏng của bà lăn trên mặt tôi và những lời nói thật tâm thương nhưng lại mang một ý nghĩa kinh khiếp: “Trời ơi! Em Quân đã . . . đi rồi! Em mất rồi con ơi!”

Và những ngày trước khi chú Sáu qua đời tại căn nhà cây liễu trông xuống hồ Tây chú ưa thích, với bà ngoại tôi, mẹ tôi thím Sáu, ba tôi và các bác các chú trong họ, tâm hồn trẻ thơ của tôi lại căng lên một lần nữa chờ đợi một cái gì hãi hùng lại xảy tới một lần nữa. Bởi vì tôi lại thấy những khuôn mặt tối sẫm, những cặp mắt đỏ hoe, những lời trao đổi thì thầm, những tiếng gọi giạt nhau, và khuôn mặt gầy xanh lợt của chú Sáu mệt mỏi trên nền gối trắng toát sát cạnh khuôn mặt mẹ tôi. Nhìn mãi khuôn mặt chú Sáu và mẹ tôi kề bên nhau, mặc dầu còn nhỏ tôi đã ngạc nhiên thấy như cùng đúc một khuôn ra, cũng cặp mắt màu than, chiếc mũi thẳng và khuôn mặt trái soan tuy ở mẹ tôi nét mềm mại đầy đặn hơn với nhiều nét cong ở môi và viền mắt.

Đến lúc chú Sáu mất, tôi và Du đang luẩn quẩn ở sân ngoài, thời chú Bảy bước ra lảo đảo không vững mặt chú giàn giụa nước mắt và tiếng gọi với cuối cùng của chú Sáu vắng gọi tên đứa em trai “Bảy! ... Bảy...” Nhưng chú Bảy không quay đầu lại và vào giây phút đó chú Sáu từ giã cõi đời. Ngay sau đó là đồng loạt những tiếng khóc thê thảm của thím Sáu, tiếng nức nở của mẹ tôi, khuôn mặt biến dạng và đôi môi mím chặt của bà ngoại tôi. Chỉ có bà ngoại là không khóc một tiếng. Vì không có người lớn nào đuổi bọn tôi đi, nên vào buổi liệm xác chú, khi các người phu đòn đám ma chuyển chú sang quan tài, tôi đứng ở xa sát tường qua thân hình của tất cả những người trong họ và bạn hữu của gia đình, chợt thoáng qua một khe hở tôi đã chợt thấy tờ giấy bìa che mặt chú Sáu rơi xuống và khuôn mặt chú đập vào tôi với sức mạnh của nỗi kinh khiếp không thể quên: hai mắt chú mở trừng trừng và miệng mở ra như đang kêu một tiếng chưa dứt.

Rồi lại còn những ngày tôi mắc bệnh sốt chấy rận mê man trên giường trong khi chung quanh số người chết vì bệnh dịch này gia tăng một cách đáng ngại, khiến ba mẹ tôi đã có lúc gần như tuyệt vọng vì nỗi sợ hãi mất tôi. Suốt trong đời tôi không quên nổi những nỗi mơ hoảng trong đêm làm tôi choàng tỉnh mà vẫn thất thanh giơ hai tay xoa vào nhau “Tay con đây máu đây này mẹ ơi! Mà sao thủy tinh vụn cứ làm con chảy máu hoài. Sợ quá! Sợ quá!” Tôi đã hốt hoảng thấy máu trên màn, trên đệm, trên chăn, trên cả quần áo tôi và mẹ tôi. Khuôn mặt đẹp đẽ lại một lần nữa dìm đĩa nước mắt của mẹ tôi suốt ngày đêm bên giường bệnh, những tiếng khóc thút thít giấu tôi khi bà tưởng tôi còn thiếp ngủ, bàn tay bà run run ấn nhẹ trên má tôi, trán tôi, lần lần trên vai trên cổ tôi như đang tìm một cái gì vô hình đáng sợ đang lẫn quất trong thân hình nóng bừng bừng của tôi.

Chính vì tất cả những kỷ niệm thân thiết trên đây về cái chết, cũng không phải là điều lạ khi tôi đọc đến cuối câu truyện ngắn *Đôi Mắt Xanh Lam*, đã ngồi sững sờ xúc động khó tả. “*Khi nàng ngồi ở ghế xích đu gần lan can tàu, ngừng đầu lên nhìn tôi, thời lần đầu tiên trong khuôn mặt tròn trĩnh non trẻ và đường nét xinh đẹp một cách thường thường của nàng, lần đầu tiên mắt nàng ngước lên mở lớn và tôi đối diện với đôi mắt xanh lam: đôi mắt xanh lam của người vợ tôi đã chết tôi thương mến và đi tìm mãi cho đến lúc này ...*” Có thể

nào bao nhiêu năm đã qua, đến tận lúc tôi viết những truyện ngắn dài đầu tiên với đề tài luôn ám ảnh tôi là cái chết tôi vẫn không thể quên được cái truyện ngắn đó có một ảnh hưởng mạnh mẽ lâu bền đến cả cuộc đời tôi mà tôi đã đọc vào tuổi 12, 13.

Mãi về sau này khi tôi đã trưởng thành và lăn lộn trong cuộc đời, đã viết nhiều, tôi vẫn cứ ngạc nhiên khám phá thêm nhiều mới lạ về cái tác động mạnh mẽ có thể nói có chút về thần bí của chữ nghĩa đến những xúc động của con người và của chính tôi. Đó cũng là một lý do quan trọng và sâu xa cứ thúc đẩy tôi đi sâu hơn xa hơn vào con đường viết lách sáng tác. Qua chữ nghĩa qua những kinh nghiệm của đời sống ám ảnh về cái chết đã đến với tôi với tất cả những sắc vẻ hãi hùng của nó: Nỗi chết không rời.

Tôi thực sự viết truyện ngắn là vào thời kỳ những năm 1951-52, sau khi bác trai từ Quảng Châu trở về Hà Nội và tôi có dịp gặp ông nhiều và cũng có dịp đưa ông xem những truyện, mẫu văn tôi đã cặm cụi viết trong nhiều năm của tuổi mới lớn đang còn theo học các lớp trung học phổ thông. Bác Ba trai đã lặng lẽ cầm những truyện tôi trao ông trong lần đầu ông ghé thăm gia đình tôi lúc đó ở 32 T Nhà Thương Khách. Dĩ nhiên tôi đã nôn nóng hỏi hợp chờ đợi lời phán quyết của ông và dĩ nhiên cũng chán nản hết sức khi ông trả lại tôi cũng những truyện đầu tay đó và diêm dăm nói ngắn ngủi sắc mặt không thay đổi:

– Cháu viết có “mầm” đấy! Cứ viết nhiều nữa đi . . .

Chắc hẳn thông cảm với đứa cháu ngoại chịu khó và ham viết lách nên sau đó ông kiên nhẫn bắt tay vào cuộc rèn luyện cho tôi: viết văn. Trong những buổi tối tôi đến thăm ông và đầy háo hức hỏi ông làm cách nào viết cho hay, ông bắt đầu giảng giải nhiều hơn về kỹ thuật viết truyện. Ông bảo tôi phải chịu khó đọc nhiều các tác phẩm của những nhà văn lớn quốc tế. Biết tôi khá tiếng Pháp, ông đã cho tôi mượn cả chồng những tiểu thuyết tuyệt tác của những nhà văn Anh, Đức, Pháp, Nga như Tolstoi, Dostoieski, Chekov, Hoffman, Katherine Mansfield, Emily và Charlotte Bronte . . . Ông cũng bỏ ra nhiều buổi cặm cụi mổ xẻ phân tích cho tôi nắm vững Tolstoi: Tolstoi đã mất công dựng những tác phẩm của ông như thế nào. Ông đặc biệt nói nhiều theo thứ tự Tolstoi, Dostoieski, Bronte và Katherine Mansfield và say sưa nêu ra từng điểm một cách dựng lên cả trăm nhân vật chính phụ của Tolstoi, Dostoieski dựa vào những người Tolstoi đã biết tường tận và có thật ở ngoài đời, về xuất xứ của những nhân vật Levine, Natacha, Pierre và André, về những sắc thái tâm lý lạ lùng của những nhân vật trong *Đỉnh Gió Hú* mà ông đang bắt tay vào dịch.

Tóm lại, ông đã nói không biết chán về tất cả những cái hay: hay bất cứ thời nào, nơi nào của những nhà văn lớn và những gì ông đã học hỏi được ở họ. Ông cũng bộc lộ tham vọng của chính ông là sẽ tiếp tục sáng tác để tự vượt chính mình và ra đời những tác phẩm trường thiên hay sâu sắc hơn những tác phẩm ông đã viết vào thời kỳ ông chủ trương Tự Lực Văn Đoàn.

Ông hầu như có giọng than thở là ngoại trừ chú Sáu viết hay nhất, các bác các chú trước đây chưa đạt độ sâu sắc và ngoại trừ *Butom Trắng* tác phẩm độc nhất ông cho là có thể dịch ra ngoại ngữ để độc giả quốc tế đọc, còn ngoài ra ông công nhận tất cả những gì ông và Tự Lực Văn Đoàn đã sáng tác mới chỉ là những bước đầu, tuy đã có những ảnh hưởng lớn đến văn chương Việt Nam, nhưng để đạt mức độ hay quốc tế ông vẫn còn phải cố gắng nhiều hơn nữa . . .

Tôi đã mê mẩn nghe ông chỉ dẫn, giải thích trình bày tất cả cái vốn quý của một người đã bỏ ra hơn nửa đời người để viết văn sáng tác và vừa nghe ông hướng dẫn vừa lặn vào đọc đi đọc lại nghiền ngẫm những tác phẩm lớn của văn chương thế giới. Trước đôi mắt kinh ngạc và thán phục của tôi dần dần xuất hiện những thế giới lạ lùng tuyệt diệu do những nhà văn lớn dựng lên trong tất cả cái hấp dẫn sâu sắc và kỳ bí của chúng. Đến một lúc tôi rơi vào một hoàn cảnh tâm lý khiến tôi hoang mang và mất luôn cả niềm tự tin nhỏ nhoi mà những bước đầu nghiệp viết văn đã mang đến cho tôi và lúng túng quay lộn trong những nỗi nghi ngại ray rứt và tự ti mặc cảm trước muôn nghìn con đường đang mở ra trước mắt tôi và tôi chẳng biết chọn hướng đi nào vì sợ lại chỉ viết ra những truyện không mấy giá trị và nhất là nỗi sợ hãi sẽ khám phá ra là tôi chẳng có chút tài năng nào.

Trên căn gác trần gỗ đen luôn luôn âm u và thiếu ánh sáng của căn nhà mở tiệm buôn cau đường Hàng Bè, tôi và bác Ba đã trải qua nhiều giờ phút thú vị cho cả ông lẫn tôi. Tôi dần dần thấy rõ hơn ở bác một đức tính hiếm có mà mãi sau này tôi mới hiểu thấu đáo cái lớn lao của nó: đó là ông rất khiêm nhường trước những cái hay cái đẹp ở người khác. Bác tôi trầm trồ sung sướng thật tình khi đọc và nêu ra những cái hay, cái đẹp, cái tế nhị sâu sắc trong tác phẩm của các nhà văn lớn quốc tế. Tôi có cảm tưởng ông thật hạnh phúc khi làm như vậy và không những ông cho là một vinh dự cho ông thấy được cái đẹp cái hay mà còn cố gắng tận tình một cách cảm động khi chỉ ra cho mọi người cùng thấy và chia sẻ với ông những nỗi vui “phiêu phiêu” nó làm tâm hồn ông bay bổng và cười sung sướng đôi mắt sáng rỡ và hàm râu mép kiểu Ăng Lê cũng rung rung vui theo. Vì tính tình ông nho nhã điềm đạm không bao giờ lớn tiếng, chứ nếu không tôi tưởng ông ghìm không nổi những khoái hoạt nội tâm và chắc rất muốn làm một đứa trẻ kêu lên khua chân múa tay. Tôi đâu có ngờ những gì ông nói qua những buổi gặp gỡ thẳng thắn nhỏ tuổi – lúc đó tôi 18 tuổi – sau này lại là những nét chính cho cuốn *Viết và Đọc Tiểu Thuyết*.

Tôi cũng khá ngạc nhiên và có phần thắc mắc nữa khi thấy bác tôi sau khi nêu hết cái hay cái tuyệt của những nhà văn ông khâm phục để đối chiếu với những tác phẩm ông đã viết về các phương diện họ đã thành công trong việc dựng chuyện, dẫn dắt nhân vật sống những cuộc đời hầu như tách khỏi độc lập với tác giả trong nhiều trường hợp (Tolstoi); đến cách sử dụng từ ngữ hình ảnh các nhận xét tế nhị mới mẻ đến lạ lùng để làm nổi bật một nhân vật

về dáng bộ cung cách biến chuyển tâm lý (K. Mansfield, Chekov, Bronte); còn phần ông thời rõ ràng mới đạt một kết quả quá khiêm nhường.

Tôi cũng có cảm tưởng lúc đó còn mơ hồ là ông đã tỏ ra quá khắt khe với chính tài viết văn và luôn cả những tác phẩm đã làm ông nổi tiếng và đi vào văn học sử. Nhiều lúc tôi thấy ông nói như than thở, tiếc hùi hụi là nếu ông được viết lại *Đoạn Tuyệt*, *Đôi Bạn* và một số truyện ngắn chắc chắn ông sẽ có thể đào sâu vào tâm lý nhân vật (ông hay dùng từ Pháp là phải *creuser, creuser* hoài), và viết tế nhị hơn, sống thực hơn. Ông cũng tiếc là giá ông không bị thúc đẩy bởi ý muốn đưa ra những “luận đề” tranh chấp cũ mới, ông chắc đã tìm được nhiều cách để cô Loan người hơn sống tự nhiên hơn và như vậy diễn biến câu chuyện tránh được những sự sắp xếp gò ép mà ông là tác giả đã giữ phần lỗi lớn nhất. Bác tôi chỉ vui và hạnh diện về đoạn mẹ chồng nàng dâu cãi nhau trong *Đoạn Tuyệt*, vài đoạn về tâm lý tình yêu trong *Đôi Bạn* và nhất là giá trị về tâm lý có phần sâu sắc vượt trước thời của ông của *Bướm Trắng*, trong đó ông đã tạo được nhân vật Chương với sự ám ảnh của cái chết và những hành động phản ứng tâm lý ra khỏi cái khuôn khổ và khuynh hướng lãng mạn, và sự đẳng co của nhân vật này giữa hai người đàn bà, hai tình yêu tượng trưng cho hai cảnh sống nông thôn thành thị, hai thế giới cách biệt, khoảng cách mà qua văn chương ông chỉ nêu ra minh họa được nhưng để lấp được nó ông chỉ có thể dẫn thân bằng hành động cách mạng chống thực dân, điều ông đã làm.

Khi viết đến những dòng này tôi muốn nhấn mạnh một điểm là ông đã bất công với chính mình khi gạt sang bên những tác phẩm đầu tay mà ông cho là non nớt và còn nặng tình thần đạo lý ràng buộc cá nhân của nho giáo như *Nho Phong*, *Người Quay Tơ*. Mãi về sau, vào những năm đầu của thập niên 70, trong những buổi diễn thuyết cho các tổ chức văn hóa, khuyến học và sinh viên giáo sư Đại học Quảng Đà, tôi đã trích dẫn vài đoạn trong *Người Quay Tơ* và nhấn mạnh đó là những đoạn văn có bề sâu về triết lý Đông Phương rất có giá trị của ông và đã thực sự chi phối cái triết lý về suy nghĩ và hành động của cuộc đời đầy trời nổi và bi thảm của một con người cách mạng – nhà văn. Tôi cũng đã nói tới sự giằng xé kinh khiếp đã luôn luôn cuốn hút xô đẩy ông giữa hai cực: một bên là thái độ vô vi, sống như một thạch cây cỏ trôi qua ngày tháng của con người Á Đông tiềm ẩn sâu xa tinh thần Lão Trang (thời kỳ lên Đà Lạt chơi lan thối hắc tiêu) và một bên là con người cách mạng dẫn thân trong một giai đoạn lịch sử đầy biến động, đó chỉ có nghĩa là phải hành động cho đến mãn chiều xế bóng.

Điều lý thú khá lạ hơn nữa là mãi đến những năm đầu của thập niên 80, tôi được người con thứ của ông, anh Thái, nhấn tin cho biết là Tùy viên văn hóa của toà Đại sứ Liên Xô tại Việt Nam ngỏ ý muốn xin phép dịch *Người Quay Tơ* sang Nga văn vì giá trị tư tưởng triết lý Á Đông sâu sắc của nó và đó còn là cuốn có cái giọng tương tự Tolstoi, nhất là qua truyện ngắn *Giấc Mơng Từ Lâm*.

Thêm một sự kiện khác đã khiến mẹ tôi cười hể hả khi được tôi báo cho biết là cũng vào những năm đầu của thập niên 80 với phong trào được gọi là cởi trói văn nghệ rập khuôn theo *glasnost* và *perestroika*, một số nhà văn kiêm khảo luận gia có uy tín của Bắc Việt Cộng sản đã viết công khai trên báo chí – khi họ được phép trong những phạm vi còn giới hạn khôi phục cho vai trò văn hóa của Tự Lực Văn Đoàn – là suốt trong thời kỳ sách Tự Lực Văn Đoàn bị cấm đoán thậm chí còn bị đốt bị hủy, họ lên đọc lại *Đoạn Tuyệt*, *Đôi Bạn* vẫn thấy rất hay xúc động và còn khen đó là những tác phẩm có sự phân tích tâm lý tình yêu thật tế nhị sâu sắc và đặc biệt là qua những cuốn này ông đã tạo nên một mối tình trong sáng và đẹp đẽ nhất của văn chương Việt Nam.

Tôi cũng chẳng có thể đồng ý với ông khi ông chỉ thuần túy nhìn lại và phán xét những tác phẩm của mình như những tác phẩm văn chương, nhưng chẳng hề đề cập tới ảnh hưởng tâm lý, xã hội và chính trị nữa của chúng đến cả một thế hệ thanh niên trí thức đương thời với ông cũng như nhiều lớp thanh niên nam nữ sau này đọc sách học sách của ông. Nhân vật Dũng của *Đoạn Tuyệt* và *Đôi Bạn* đã trở thành một hình tượng lớn mà lối sống, lối yêu, lối hành động của nó đã tràn ra khỏi và vượt luôn ra ngoài tác phẩm để đi vào lãnh vực rộng lớn thâm trầm và phổ quát của nhân vật thần tượng, một hiện tượng quý báu và hiếm có của dòng văn hóa dân tộc.

Trở lại với chuyện viết lách của tôi là rồi tôi cũng có một truyện ngắn chỉ có vài ba trang, *Cơn Giận*, tôi dựa vào chính ba tôi để viết lên, mà sau khi tôi đưa ông xem lần đầu tiên, ông đã trả lời và chỉ mấy chỗ ông gạch bút chì ở dưới và khen, “Mấy chi tiết về tâm lý nhân vật này được đấy. Khá tế nhị . . . Cháu cứ tiếp tục viết và đào sâu hơn nữa, có nghĩa là cứ viết về những người mình hiểu rất rõ, viết về những kinh nghiệm sống của chính mình về những rung động mình thực sự cảm thấy. Cháu đừng quên cuốn *L'Enfance* của Tolstoi, những truyện ngắn của chú Sáu, cuốn *Nhà Gạch* và *Những Ngày Thơ Ấu* của Nguyên Hồng . . .”

Nhưng ông đã vào ở với bác Cả lúc đó được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Bưu điện. Vì sinh kế gia đình và sự thúc đẩy của ba tôi, tôi đã phải bỏ học ngang năm đệ nhị, và với chức vụ Trưởng toán Tuyên truyền Xã hội, tôi đã sống nhiều tháng lặn lội trong tất cả những vùng nông thôn của Hải Phòng, Kiến An và những nhân vật tôi đã gặp, những cảnh sống mới, những xúc động kinh nghiệm bản thân trong giai đoạn này trung thành với những lời chỉ dẫn của ông, tôi đã dùng làm nền cho cuốn truyện dài *Cái Lười*. Đó là một loại nửa hồi ký nửa hư cấu, cuốn tiểu thuyết cuối cùng tôi viết mà bản thảo tôi đưa trước cho ông đọc. Lúc ấy tôi làm việc tại trường Đại học Quân sự ở Đà Lạt, sau khi trường này đã bị đẩy lên đây “nghỉ mát” sau vụ chính biến 1960.

Ông đã trả lời bằng một lá thư ngắn gọn, một trong những lá thư hiếm hoi ông viết cho tôi: “. . . Bác rất cảm kích là cháu đã xin phép được dựng bác

như một nhân vật chính trong cuốn tiểu thuyết cháu đang viết. Giờ đây cháu viết đã hay rồi, cứ tiếp tục viết nữa và cũng chẳng cần phải đưa bác xem trước.”

Tôi thực sự chẳng hiểu hết những ẩn ý trong những dòng thư ông và lời thổ lộ như mang một ý nghĩa khó hiểu đối với tôi, khi có dịp về Sài Gòn ghé thăm ông, ông đã trao trả tôi tập bản thảo *Cái Lười* (tập I) ít lâu trước khi ông tự hủy mình, “Vào lúc này bác không cảm thấy thú đọc sách nữa và đây cũng là lần đầu tiên trong đời bác không còn cảm thấy quan tâm đến cái hay của văn chương...”

Tôi đã nhận tập bản thảo từ tay bác và suy ngẫm thắc mắc về nguyên nhân sâu xa nào đã khiến bác tôi thốt lên lời tâm sự ẩn chứa một ý nghĩa phần nào như lời than thở tiếc rẻ, nhưng cũng như thường lệ trong tương quan giữa hai bác cháu tôi đã im lặng không gắng hỏi gì ông thêm và từ biệt ông và cũng không thể ngờ đó là lần cuối cùng tôi gặp và trò chuyện với ông. Từ khi ông về nước vào năm 1952, mối tương quan của tôi và ông khởi đi bằng sự kiện tôi trao ông đọc những truyện ngắn đầu tay và cũng kết thúc bằng cũng một sự kiện ông trao lại một tập bản thảo mà ông nói là ông không đọc cũng như ông không còn muốn đọc bất cứ cuốn sách nào khác. Hoặc giả tuy ông vẫn còn đọc sách, kể cả bản thảo của tôi nhưng lại dùng một cách gián tiếp nhấn mạnh vào một sự kiện có vẻ như mâu thuẫn với tâm tính ông để chuyển đến tôi một thông điệp về một chuyện khác, một quyết định ông đã đạt tới về cuộc đời mình những giây phút đó chưa tiện tiết lộ?

Tôi nhớ tôi đã say mê viết một mạch truyện ngắn đầu tiên *Chồng Con Tôi*, một truyện ngắn trọn vẹn đúng theo nghĩa một tân truyện, chứ không phải là những mẫu văn về một xúc động, một nhân vật mà trạng thái tâm lý của nó, mới còn mang cái dạng của những nét phác dầu của một bức tranh. Tôi thấy cần phải bỏ ra ít dòng nói qua về cái hoàn cảnh sống trong đó tôi đã viết không mấy cực nhọc khó khăn như tôi trước đó vẫn nghĩ. Bởi vì đơn giản ngay vào những ngày ngay trước khi đặt bút viết tôi vẫn còn như một con cá đang giẫy giụa khá tuyệt vọng trong cái màng lưới của sự nghi ngờ và hoang mang không thể định hướng và cũng vẫn hoa mắt choáng váng trước những vấn đề tưởng như không thể giải quyết: Viết gì đây? Giọng văn ra sao? Viết theo kỹ thuật của ai thời hay và hợp với tiềm năng của chính mình – một tiềm năng còn ẩn kín sâu xa trong con người mình và vẫn thôi thúc mình viết nhưng lại đầy thách thức như một bài toán phức tạp chưa có đáp số.

Vào lúc ấy, tôi đang theo học trở lại lớp đệ nhị trường tư thực Hàn Thuyên. Tôi cũng hay lên ở chung và dàn dùm với hai người anh họ lớn hơn tôi một và hai tuổi, anh Tri con trai thứ bác Ba trai và anh Bính con trai thứ bác Cả. Cũng lại anh Tri một lần nữa lại làm đầu tàu lôi kéo tôi vào những trò chơi đầy kích thích và cảm dỗ của những thí nghiệm nhục thể.

Tôi tuy ít tuổi hơn nhưng vì đã ra đời sớm nên cũng không xa lạ với những thí nghiệm loại này nhất là trong giai đoạn bỏ ngang học để làm trường toán

trong một Đoàn Quân Thứ Lưu động, tôi cũng có tiền và được các bạn hữu dưới quyền nhiều tuổi hơn đôi khi có vợ có con lôi kéo mách nước.

Kết quả trong tôi chỉ là dư vị chất đắng, nhức nhối như một cơn đau răng chỉ vì trong sự tò mò tìm hiểu khoái cảm nhục thể thật mạnh, nhưng thật đáng nản vì chẳng hiểu sao tôi đã tự kiềm chế và đã rời những nhà chơi đó vẫn nguyên như khi tôi tới. Sau này, tôi chỉ cảm thấy căm ghét những thí nghiệm què quặt đó mà tôi chỉ cảm thấy buồn nôn tởm lợm trước những cử động máy móc và cũng chẳng thấy bị kích động chút nào trước những thân hình đàn bà tự phơi bày trước mắt tôi và những lời giục giã những cử chỉ hướng dẫn lôi kéo mà khi tôi uốn mình theo lại chỉ cho tôi cái ấn tượng là đưa tay sờ mó cầm lấy một đồ vật không thuộc về mình trong một hành động có phần ám muội. Hình như tất cả các tục lệ vào đời này đã làm sai và rồi chỉ cảm thấy tự giảm mất một giá trị quý giá của con người sâu kín mà sự nguyên vẹn của nó tôi vẫn chưa có quyền động chạm tới.

Tôi chỉ hài lòng là khi rời khỏi những căn nhà chơi đó đã có thể ung dung nói giọng bất cần và tự tin và đọc thấy trong cặp mắt soi mói và chế nhạo của anh một vẻ đồng lõa thoáng khâm phục, “Thú lắm! Gặp em thật có nghề ...” cứ làm như mình đã trở thành một tay chơi sành sỏi.

Điều lạ là cũng trong cái hoàn cảnh sống có vẻ như không mấy thích hợp cho việc làm văn đó, chẳng hiểu sao tôi lại nảy ra ý nghĩ viết một truyện ngắn về sự đau khổ của một người đàn bà chồng chết và mất nốt đứa con trai thân yêu độc nhất! Theo đúng những lời dặn dò chỉ dẫn của bác Ba trai chỉ nên viết về những xúc động mình đã thực sự cảm thấy và những nhân vật gần gũi với mình mà mình biết rõ nhất, tôi chỉ việc đưa vào chuyện những nỗi đau đớn mẹ tôi đã trải qua khi mất em Quân mà tôi đã chứng kiến khi còn nhỏ, cộng với những đau đớn chắc bà đã cảm thấy vào những năm tôi chông chênh giữa cái sống và chết của bệnh sốt chấy rận. Tôi đã thuật lại hầu như đúng hết những gì đã xảy ra cho tôi: những cơn ác mộng, những cơn khủng hoảng tâm thần gần như điên dại, những lời thốt ra đã khiến mẹ tôi hãi sợ. Tôi cũng đã dùng đến một nỗi đe dọa có vẻ thần bí và mê tín của quan niệm “cái chết trùng” trong một gia đình để tạo ra những hình ảnh trùng hợp nhắc đi nhắc lại, một thứ *leitmotiv* của cái chết trùng mà nhân vật người mẹ – một phụ nữ Việt – chắc đã kinh hoàng khám phá ra qua những câu nói, cử chỉ, dấu hiệu của cái chết không thể tránh được nơi đứa con nhỏ. Tôi đã lần đầu tiên ứng dụng cái giọng Dostoiesky mà tôi vẫn say mê và ôm ấp tham vọng dựng nổi những truyện theo dòng văn đầy bi kịch điên loạn và cái không khí thế giới lẫn quất những ám ảnh xuất phát từ cái tầng sâu thẳm của nội tâm con người. Mà tôi tự nhiên ngay từ hồi đó đã nghĩ là sẽ thích hợp hơn với tôi so với lối viết nhẹ nhàng trong sáng trữ tình thật đẹp và tế nhị của các bác các chú trong Tự Lực Văn Đoàn. □

(Còn một kỳ)

BẠT XỬ

làm thế nào cuộc đời

*Những con đường lên những con đường xuống
không nhìn thấy nhau*

Nhân dạng em nhân dạng tôi

Nói-cười-rao-bán

Mỗi ngày tôi đi qua cuộc đời

Lần giở tâm hồn từng vết thương roi rói

*Thuở nào em trita nắng hanh hao nét nhều mày
tóc rối cánh rừng hoang khuya*

Tiếng thở dài

Băng ngang vầng trán nóng

Làm thế nào được em

Cánh tay vẫy đã chìm con sông mùa nước lũ

Cuốn luôn ra biển những nụ cười xanh những đêm vắng khan

Dù mất dù còn tôi và em thành phố bụi đường đèn vàng đèn đỏ

Đường hai bên dòng ngược xuôi không ngớt

Xuống lên

Cố gắng thì lặng lẽ

Lòng chúng ta không bày biện

Và chúng ta

Có còn nhìn vào mắt nhau

*Để làm gì hai con người đục lờ dù nước mắt đã tuôn
không kể xiết*

Làm thế nào được em

Mưa xuyên ngang

Tôi giấu hình tôi trong cổ ướt

NGUYỄN MINH ĐỨC

tôi không muốn làm loài người nữa

(độc thoại của một người điên)

truyện ngắn

*Hỏi quê rằng biển xanh đâu
Hỏi tên rằng mộng ban đầu đã xa*
— Bùi Giáng

– Bạn tuổi gì vậy?

– ...

– Vậy mười hai con giáp, bạn con gì?

– ...

– Hồng nói hả? Giấu hả? Coi bộ khinh người hay sao ta?

– ...

– Nói đi mà. Vậy chứ bạn thứ mấy trong nhà? Nói cho nghe đi. Giấu hoài. Tôi biết nhà bạn ở Gia Định chứ gì nữa? Đúng không? ông già hồi đó làm thầy giáo phải không?

– ...

– Sao làm thinh hoài vậy? Không thêm trả lời người ta hả? Nhát gan hả ta? Sợ mẹ gì? Còn chơi hết thôi đi chứ. Tuổi này chắc là tuổi con sò hay con hến gì đây. Im im hoài như miệng hến...

– Thôi mà bạn quý. Sao theo chọc quê tôi hoài vậy? “Cái phận tôi nghèo chọc ghẹo tôi chi”. Tôi là con người chứ có phải sò hến gì đâu. Nhịn hết nổi rồi. Bạn muốn biết quê quán tôi ở đâu hả? Lại còn hỏi con cái nhà ai nữa. Sao kỳ lạ vậy? Sao lại muốn biết lý lịch của người ta? Rồi thì bạn cũng như mọi người khác, đều trở thành kẻ thù của tôi thôi. Hay bạn là công an mật vụ giả dạng thường dân đến đây theo dõi tôi hả. Nói thật đi. Coi chừng đó nghe cha. Tôi mà nổi sùng lên thì khốn cho bạn đó, khó sống đó nghe. Ở đây tôi chỉ còn có mỗi một mình bạn là người thân cận duy nhất. Đừng có tính chuyện phản lại tôi chứ. Bạn nói gì? Bạn nói mình là tri kỷ với nhau hả. Đúng rồi, cũng phải như vậy chứ. Tôi chịu bạn rồi đó. Mình là huynh đệ kết nghĩa với nhau đi.

– Thì hồi nào tới giờ vẫn như vậy chứ sao. Tứ hải giai huynh đệ mà. Bgiảin biển một nhà. Biển Đông là biển Thái Bình. Biển bao bọc dịu hiền như đất mẹ quê cha. Đất mẹ mà. Đất đai là của chung. Mẹ là của chung. Đẻ ra trăm

cái trứng gì đó... Bài hát hay lắm nghe. Mình cùng chung máu mủ. Bạn là tôi và tôi cũng là bạn nữa, chịu chưa?

– Ở đời muôn sự của chung mà. Cứ tự nhiên đi. Tự nhiên như ở nhà. Nhà của tôi cứ coi như nhà của bạn vậy thôi. Đồ đạc của tôi cứ coi như của bạn. Cứ coi như chung vậy đi.

– Thì đồng ý như vậy rồi. Vậy hỏi nỏ bạn có vợ chưa?

– Ủa? Hỏi chi vậy. Đừng có nghĩ bậy nghe cha. Cái này thì kỳ cục à. Nghe không được đâu. Người mình chnhưng bộ Tây tà gì mà đòi chơi kiểu hội đồng. Cha nội này tầm bậy tầm bạ quá trời.

– Thôi đừng có nổi nóng chứ bạn. Giỡn chơi cho vui vậy thôi. Đã nói mình là tri kỷ, ký nghĩa đệ huynh rồi mà. phải có tình có nghĩa chứ.

– Ở, nói vậy nghe được đó. phải có chuyện tình nghĩa điệu nghệ thì mới ấm lòng nhau ở nơi xứ lạ quê người này. Mình cần có nhau lắm bạn ơi. Chuyện tôi nó như vậy, để tôi kể hết tâm sự cho bạn nghe.

*

Chung quanh đây toàn là người Tây, mình cô thế lắm, mình không nói chuyện với nhau thì còn nói chuyện với ai nữa. Ở đây buồn chết được. Họ đâu có cho tôi đi ra ngoài. Suốt ngày đi lại chỉ quanh quẩn mấy căn phòng sơn trắng này thôi. Buồn tình ngồi ngó mông qua khung cửa sổ thì ở ngoài cũng chỉ một màu trắng phau.

Ở đây cái chi cũng trắng. Không phải màu trắng trinh bạch như bạn tưởng đâu, tội là đây trời mà làm gì còn trinh bạch nổi. Đây là loại màu trắng rất vô tình. Bạn hỏi là tình gì hả? Không phải là thứ tình trai gái đâu nghe. Cái đó thì thừa mứa, nhan nhản khắp nơi. Có thiếu chẳng là thiếu cái tình nghĩa kia. Còn màu trắng ở đây là loại dửng dưng, trơn tuột từ trên trần nhà cho đến bốn bức vách tường trơn trợt, với thứ ánh sáng trần truồng lạnh lẽo của những ngọn đèn ống néon. nhưng ở bên trong bốn bức tường này ít ra còn có mấy sưởi, có hơi ấm thở được. Còn ngoài kia, bạn thấy không, mùa này buốt giá, chỉ toàn một màu trắng tang chế bao phủ lạnh lùng. Bạn xem kìa, chiều nay gió lại về nhiều, gió tạt dữ, bông tuyết rơi rụng bay tới tấp, cây cối cũng lạnh run, mùa may những cánh tay khẳng khiu, đen đúa, trơ trụi, chịu chết dè dưới bầu trời màu xám chì nặng chình chịch. Tôi nhìn bọn tội nó mà hải hùng. Bạn thấy đó, chúng nó đang giãy chết, kêu gào, quơ quào. những cành cây đói khát. Tại chịu lạnh không thấu. Có ai cứu chúng nó không? Có ai cứu được đâu. Chỉ lấy mắt nhìn mà thôi. cũng như những kẻ lạc loài ngoài đại dương sóng gào, cũng tan tác, bơ vơ, lạnh, đói, khát...

Bạn coi kìa gió còn luồn qua khe cửa rít lên những tiếng hú ghê rợn. Nghe dễ sợ như đêm đen sóng bủa gào thét, như vẻ mặt danh ác, lạnh lùng của bọn cướp ghe. Gió còn hú lên những tiếng hăm dọa đám người tội nghiệp ở trong tòa nhà này nữa. nhưng tôi không sợ đâu, ở đây ngày đêm lúc nào cũng có nhân viên an ninh tuần tiễu. cũng có được cái lợi đó. tạm yên vậy đi.

Bạn hỏi tôi tại sao vô đây hả? chuyện cũng hơi lòng vòng một chút, mà tôi cũng hết biết tại sao nữa. Chắc là tại tôi sợ đàn bà. Bạn đừng có vội cười, chưa chắc bạn ngon hơn tôi đâu. Để tôi nói bạn nghe từ từ, đừng có hối gấp, bạn còn ở với tôi lâu mà.

Không biết bạn ra sao chứ đời tôi chỉ ngán có đàn bà thôi. Ngán từ hồi nào hả. Để coi, từ hồi còn nhỏ xíu tôi đã ngán cô giáo ở lớp mẫu giáo, bà có cây thước bằng khế tay đau muốn bậy ra quần luôn.

Từ hồi nào tới giờ, chung quanh tôi toàn là đàn bà. Ở trong gia đình, chỉ có ba tôi và tôi là phái nam thôi, kỳ dư là phái nữ hết. Bạn tính coi, má tôi, hai chị tôi và hai đứa em gái. Toàn là nữ phái. Bởi vậy tôi biết quý trọng phụ nữ cũng là chuyện tự nhiên vậy thôi, phải không bạn? Họ là mẹ, là chị, là em gái mình chứ ai vô đó?

Hồi đó hề có ai nói xấu tới đàn bà con gái là có chuyện với tôi à ghen. Hồng phải tôi ngon, chớ nghiệp chịu chơi hết mình à.

Cả nhà chỉ có mình tôi là con trai nên được cưng lắm. Ba má tôi cưng đứa con trai duy nhất thì cũng dễ hiểu, cháu đích tôn của ông nội tôi mà. Bạn biết không? Còn các chị và em gái tôi cũng ủa theo chiều chuộng tôi nữa, thiệt không hiểu tại sao. Có điều tôi cứ bị mọi người theo chọc ghẹo vì tánh hay mắc cỡ, nhưng không có ai ản hiếp tôi đâu. Chỉ chọc ghẹo giỡn chơi vậy thôi. Tôi còn nhớ hoài những ngày tháng êm đềm sống trong sự yêu thương dùm bọc của gia đình, của các chị em, cha mẹ . . .

Cũng lạ là tôi được sống bao bọc giữa đám nữ phái, vậy mà tôi nhất gái lắm. Nữa, bạn lại cười tôi nữa rồi. Tôi nói thật tình đó. Đừng có cười thì mới gọi là tri âm tri kỷ với nhau chớ. Đúng chưa? Đúng hả? Vậy là được rồi.

Bạn hỏi tại sao tôi nhất gái hả? Thật tôi cũng không biết trả lời bạn ra sao nữa. Riêng bạn sẽ hiểu, chuyện rắc rối lắm, đề hạ hỏi phân giải nghe.

Tôi là người tình cảm bạn à. Tôi nặng với chuyện tình, chuyện nghĩa lắm. Bạn biết không? Về vấn đề phụ nữ, tôi không chịu “chậm tiến” đâu. Tôi cũng vẫn mình biết quý trọng phái đẹp lắm chớ bộ. Nhất là các chị em gái tôi . . . Thật là tội nghiệp . . . Tôi thương lắm, có khi nào tôi dám có ý nghĩ bậy bạ gì đâu.

Nhưng hồi tôi mới lớn, tuổi chừng mười ba, mười bốn gì đó, lúc chị Hai tôi về nhà chồng, sau hôm đám cưới, tôi cứ thắc mắc mãi, theo hỏi mấy thằng bạn trong lớp: “Không lẽ chị Hai tao là con gái con nhà dāng hoàng mà cũng có cái vụ đó hay sao?”

Không nhớ tui bạn trả lời bậy bạ gì đó, chỉ nhớ tôi cứ nhất định không chịu tin làm tui nó theo chế ngạo mãi.

Vậy mà sau này tôi phải chứng kiến bạn ơi. Tệ hại ghê gớm . . . Thật là đau lòng hết sức . . .

Bạn hỏi tôi gốc gác ở đâu hả? Bây giờ quen biết nhau rồi, tôi mnhưng dám nói cho bạn hay. Mà phải hứa giữ kín, đừng kể lại cho ai biết nghe không, hết có bạn bè à. Lý do là tôi có nhiều kẻ thù lắm, chúng nó chỉ chực

hại tôi thôi. Tôi cũng còn chưa hỏi gốc gác của bạn nữa kìa, nhưng thôi không quan hệ gì, tại vì tôi tin cậy bạn rồi. Bạn không nói tôi cũng biết, hay vậy đó.

Mình là tri kỷ đã kết nghĩa huynh đệ rồi mà. Huynh cũng cần biết lý lịch của tôi chứ. Bạn nói gì? Đúng rồi phải không? Với bạn bè thì tôi không giấu giếm đâu.

Tôi thiệt người xã Bình Hòa, Gia Định, quê ở xóm Gà miệt cầu Quáo. Đó, thấy không, tôi biết là bạn biết hết rồi mà, tôi nói có sai đâu. nhưng thôi, để tôi kể hết cho bạn nghe cũng không sao. Tôi tuổi con gà, còn bạn sanh năm nào? cũng tuổi Dậu hả? Mình cùng tuổi nhau rồi. nhưng là năm Dậu nào? Năm Ất Dậu hả? Vthờiy là huynh lớn hơn tôi hai con giáp. Mình là bạn vong niên với nhau nghe. Để tính coi. Ất Dậu là năm 1945, năm đặc biệt da. Huynh nhớ không? Lúc đó có hoàng đế Bảo Đại thoái vị, từ ngôi, về làm thường dân. Ông nói: “Trẫm thà làm dân nước độc lập còn hơn làm vua nước nô lệ . . .” gì gì đó, thời mặt pháp mà. Bạn biết không? Đó là năm khởi đầu chiến tranh với giặc Pháp. Bởi vậy tôi nghĩ tuổi gà của chúng mình không khá, từ đó cứ giặc già liên miên hoài. Chắc tuổi gà Ta không hợp hợp với tụi Tây, cũng tự xưng là loại gà Gô-loa gì đó.

Bạn nói sao? Gà mình là loại gà đá hả? Đúng rồi, loại gà tre nhỏ con mà đá ngon da. Qua tới bên này rồi mà cũng còn đòi đá hoài với tụi Tây, rầu quá đi. Bạn hỏi qua bên này từ năm nào hả?

Tôi vượt biển bạn à. hồi 78 cả gia đình tôi gồm bảy người. Ghe nhỏ chỉ bằng nửa căn phòng này thôi, ba thước rưỡi chiều ngang, khoảng mười thước bề dài, chông chất lên nhau như cá mèi hộp.

Bạn bảo có bị chuyện gì không hả? Đâu có gì đâu. Với lại tôi hết nhớ vụ đó, quên rồi. Đừng có hỏi nữa nghe. Cả nhà tụi này bây giờ còn có ba người. Ba má tôi lúc này buồn quá, dọn về ở trong chung cư, chung quanh toàn là người ngoại quốc, có rành tiếng nói của họ đâu. Cui cút chỉ có hai ông bà với nhau. Rầu lắm.

Còn tôi hả? Thì có sao đâu. Tuổi còn trẻ mà, ăn thua gì. Tuy vậy, tình trạng của tôi cũng không khá hơn. Chung quanh chẳng có bạn bè gì ráo trọi. Lại còn nằm trong nhà thương này gần hai năm trời nay rồi, cu kị lắm bạn ơi.

Cũng may còn nói chuyện được với bạn, chớ ăn không ngồi rồi, cả ngày chẳng có chuyện gì để làm thì chán chết được.

Nói cho ngay, ở đây họ cũng có ba cái chuyện vẽ tranh màu cho qua ngày, hay tập thể dục lật vật, nhưng khổ nổi, tôi lại không thích . . .

Còn coi vô tuyến truyền hình hả? Vụ đó tôi còn kị dữ nữa. Cứ nghe trong TV nó nói xấu về mình hoài. Không hiểu sao nó còn chửi xiên chửi xéo tôi nữa chớ. Nó nói dân ông gì mà hèn nhất, sợ chết, không biết nhục, để cho dân bà phải chịu khổ một mình . . . Đó, đó, nó còn hát “Đàn bà đi biển mò còi một mình . . .” gì nữa đó. Mà làm sao đàn bà đi biển một mình hả? Tôi

thiệt không hiểu. Luôn luôn có đàn ông với người nhà đi theo nữa chớ. Tụi nó ở đây thì biết gì? Bộ tụi nó tưởng nó ngon hơn mình sao? Có trong hoàn cảnh thì mới thấm thía bạn ơi.

Đâu phải như trong mấy phim “cô bồi”. Đâu phải cứ dấm đá, bắn giết, rồi giựt súng, bắn qua bắn lại... Trong phim là loại súng giả mà, có bắn nhau cả ngày cũng có chết ma nào đâu. Còn súng thật thì khác xa ghê lắm. Người ta nói súng ống có cô hồn đó. Ngó nó là thấy có chết chóc. Trước họng súng có ai mà dám kháng cự nổi.

Bạn thử nghĩ coi, trong lúc nguy biến bạn có dám chắc mình còn giữ bình tĩnh được không? Đừng có nói ầu nghe, nói thiệt tình đi. Lúc đó chẳng có ai còn đầu óc tỉnh táo để suy tính chuyện gì hết. Trí óc như tê điếng lại chứ.

Bạn biết không, cứ phải chọn lựa, lấy quyết định là tôi mệt rồi. Nhứt là những chuyện quan trọng sống chết thì làm sai quyết định tức thì được hả? Bạn bảo là theo số mạng cho khỏi lo à? Bộ bạn cho là cứ ngồi yên trơ ra đó là hay lắm sao? Dẫu bạn ngồi yên không làm gì hết cũng đã là một quyết định rồi đó! Ở đó mà nói tuân theo số mạng.

Làm hay không làm? Nhào vô hay đứng yên? Muốn chết hay muốn sống? Quyết định đó chỉ có cách nhau trong làn tơ kẽ tóc, chỉ còn là một phản xạ tự động thôi. Cho bạn hay, điệu nghệ anh hùng hay phản bội hèn nhát chỉ cách nhau một tích tắc giây đồng hồ đó. Tôi đã kinh nghiệm rồi.

Tụi trong TV mà biết gì, vậy mà nó cứ lảm nhảm chửi rủa tôi mãi. Đó, nó còn ngạo tôi là con gà ướt, gà mắc nước... Thiệt nghe mà tức ầm ạch. Mà mình với nó có quen biết gì đâu. Nó lại biết cả tên tuổi của mình mới là kỳ cục chớ.

Huynh cũng biết tên tôi rồi chớ gì. Nó nói hoài trên TV đó.

Tên tôi là Nguyễn Văn Xê, có cha mẹ đảng hoàng, có chị em đủ hết. Còn độc thân nghe, 20 tuổi tây, tuổi ta là 21, phải kể luôn một tuổi ở trong bụng mẹ chớ. Hồi mình còn trứng nước là đã có linh hồn, đã là con người rồi, chớ không đợi tới lúc sanh ra đâu. Hồi đó ở trong bụng mẹ tôi đã biết hết. Bạn bảo tôi xạo hả? Tôi còn nghe được tiếng nói nữa là đảng khác. Bạn bảo tôi nói chuyện một mình à? Thì tôi đang nói chuyện với bạn chứ với ai, đâu có nói một mình. Bà bác sĩ ở đây cũng có những câu hỏi lảm nhảm của huynh vậy. “Tên gì, mấy tuổi, có nghe tiếng nói gì không? v.v.” Tôi ngán những câu hỏi đó lắm rồi.

Tôi thứ tư trong nhà, có biệt hiệu là Tư Gà. Tại sao hả? Nói rồi. Tại tuổi Dậu. Với lại tánh tôi hay lôi thôi, lổ ngổ lắm. Lại còn hồi nhỏ tôi thích nuôi gà, nuôi gà Mỹ trong chuồng đó mà. Tôi còn ham nuôi chim cú nữa. Vụ nuôi chim cú hồi đó lổ là quá trời. Ở Sài Gòn ai cũng bị mấy chú trong Chợ Lớn làm giá giả tạo, mọi người đều bị cho vào xiếc hết, kỳ đó ai không bị sạt nghiệp cũng là may.

Lúc đó bạn ở Sài Gòn hả? Bạn có bị lổ như tôi không? Có hả, tôi biết ngay mà, bạn rớt cuộc cũng bị như tôi vậy thôi. Có hơi khác một chút là bạn có vợ

con, còn tôi thì cứ cu ky một mình. Chắc tại tôi “gà” quá chứ gì. Người ta nói nào là gà mờ, nào là “như gà”, “như chim cú” gì đó.

Đó, đó, thấy không, có đứa ngạo tôi nữa rồi đó. Nó nói “gà mờ, mấy gà mờ, mấy như con chim cú...” Bạn có nghe chúng nó nói ngạo tôi không? Tụi nó núp trong vách tường nói lên tôi đó. Bạn bảo không nghe hả? Sao kỳ vậy? Thật bạn không nghe thấy gì hết sao? Chắc bạn bị lãng tai nặng rồi đó. Lâu rồi không ngoáy lỗ tai chớ gì? Phải đi khám bác sĩ để họ rửa tai cho nghe không. Để lâu điếc luôn đó.

Nhưng nhớ đừng có đi khám bác sĩ đàn bà. Tại sao hả? Tại tôi có kinh nghiệm với các nữ bác sĩ rồi. Họ không hiểu mình đâu. Bạn có biết bà bác sĩ R.N. không? Bạn biết bà mà, đừng có nói là không biết. Bà bác sĩ hiện đang trị cho tôi ở đây chớ ai. Tôi biết là bạn rành hết. R.N. là gì hả? Cha này tò mò dữ, là Râu Ngô chớ là gì, cũng tại bà có tóc đỏ au như râu bắp chớ còn gì nữa. Bà tên thật là Renée N., tôi đặt lên chơi vậy mà, để cho dễ nhớ. Đúng không? Bạn hiểu hết mọi chuyện rồi đó. Thấy không, hết chối cãi nghe. Tôi nghe bạn nói “ừ” rồi đó.

Cũng hơi kỳ, từ ngày qua xứ này, tôi nghe hết ý nghĩ trong đầu mọi người. Dù bạn có nói ra miệng hay không cũng vậy thôi. Tôi nghe hết, khỏi phải giấu nghe.

Tôi cho bạn hay tôi còn hiểu được tiếng chim chóc nữa. Mà bạn đừng nói cho ai chuyện này à. Lần trước tôi kể chuyện đó cho bà R.N., bà có vẻ ngạc nhiên lắm, nhưng chỉ một vài giây thôi, bà cũng mau hiểu, gục gặc đầu một lúc, rồi cứ hỏi tôi chuyện đó mãi. Bà nói: “Vậy chứ chim nó nói với anh chuyện gì?” Tôi nghĩ bụng chuyện hiểu đi tiếng chim hót thì có gì lạ lùng đâu. Thiếu gì những thi sĩ nói chuyện với gió, với trăng thì có làm sao? Nghĩ vậy nên tôi mới mạnh dạn nói: “Chim nó kể chuyện đời xưa ấy mà. chúng nó hót véo von nghe hay lắm. Nó nói rằng thuở xưa có một loài chim biển bay xa cả ngàn dặm để tìm quả đào tiên cho bà Tây Vương Mẫu. Một hôm bay qua vùng biển Đông gần vịnh Thái Lan, chim biển tình cờ chứng kiến một vụ cướp ghe tàn nhẫn. Cả đám hải tặc thân mình trần truồng đen dứa đang hăm hiếp tập thể bốn nàng con gái trên boong tàu. Chúng kẻ dao mã tấu vào cổ mỗi người. Bốn đứa con gái nước mắt đầm đìa cắn răng nhịn nhục. Xong rồi chúng còn lừa họ qua tàu cướp chớ đi mất, mặc cho đám thuyền nhân tội nghiệp van lạy xin tha. Chim biển vội bay về báo tin. Bà Tây Vương Mẫu hóa phép đánh chìm tàu bọn cướp biển, cứu bốn nàng thiếu nữ đem về cho ăn đào tiên để được lột xác trường sanh...”

Nghe tôi kể, bà R.N. vẫn mỉm cười không nói gì, vậy mà sau vụ tiết lộ đó bà cho tôi chích thuốc nhiều thêm mỗi tuần, đau ê cả mông. Vì vậy ôi bạn giữ kín giùm, Tây nó ác lắm đó.

Hồi tôi mới qua xứ này, cứ mỗi lần đi xe buýt là có chuyện. Mọi người cứ nhìn mình chằm chằm, cứ làm như mình là kẻ đột Cà Mau không bằng. Rồi chúng nó lăm bằm với nhau nói xấu mình. Mấy lần tôi bị lôi thôi với cảnh sát

cũng vì những chuyện đó. Tại tội nó khiêu khích tôi trước, chúng nó nói mình “Đồ gà ướt, mày gà ướt, đàn ông gì mà chết nhất v.v.” Còn nói tục tiêu nữa chứ. Bạn nghĩ coi, nhin hoài sao nổi. Mà mình có chọc ghẹo gì tội nó đâu, tự nhiên vậy à. Bởi vậy mới có vụ ẩu đả. Tôi đập mấy thằng gậy răng luôn. Tại vậy, lần đó ở quận Q., tôi bị cảnh sát bắt nhốt vô khám hai ngày. Thật oan ức hết sức. Xong rồi, họ không hiểu gì mình cả. Có cãi cũng vô ích thôi.

Tội nó ác lắm bạn ơi, mình chống không lại đâu, cũng như trên biển cả vậy mà. Làm gì có luật pháp, nói chi tới chuyện nhơn đức.

Rồi nó chở thẳng tôi vô bệnh viện này đây. Từ đó mới có chuyện bà bác sĩ R.N. Bà này cũng độc lắm, mấy lần tôi đòi đổi bác sĩ khác mà đâu có được với họ.

Tôi cho bạn hay, bà bác sĩ này có tư thù với đàn ông tội mình. Bạn không thấy mặt bà sao? Tóc tai loe hoe cắt ngắn cùn cốn, lại không son phấn chi cả. Gương mặt tái mét, quạu đeo thuốc loại “hận tình đen bạc” đó mà. Thuở còn xuân thì bà đã tình duyên lận đận. Chẳng hiểu có bị ông nào hiếp đáp gì không mà bây giờ đâm ra hận thù phái nam dữ quá. Tôi đã bảo là tôi có bệnh kín, lại hay mắc cỡ lắm, không thể kể với bác sĩ đàn bà được. Vậy mà bà cũng đòi khám. Tôi đâu có chịu. Bà này thuộc đảng “chủ nghĩa nữ phái” loại quá khích, chỉ lắm le báo thù cho đám đàn bà. Nếu bà khám thì nguy hiểm lắm. Rủi bà thuận tay dè ra cắt di luôn thì rồi đời, hết thuốc chữa. Chẳng qua bà lấy cớ khám bệnh để thực hiện âm mưu “đen tối” đó thôi. Bà có thâm thù với đàn ông đời nào không biết, lại nhè tôi mà hạ thủ thì thật “oan ơi ông Địa”. Bạn thấy không, tôi là người tình ngay đảng hoàng, biết quý trọng phái đẹp chứ phải đâu như loại vũ phu chuyên môn hành hạ đàn bà con gái.

Còn những tên hiếp dâm, những tên cướp biển nhan nhản ra đó sao không thấy ai đến bắt? Bây giờ lại đem tôi ra để báo thù. Không lẽ sanh ra làm đàn ông đã là có tội hay sao? Thân phận đàn ông ở xứ này sao tệ hại quá vậy? Bạn có đồng ý như vậy không? Bạn nói sao? Còn phụ nữ xứ mình hả? Ồ, nhứt là đám phụ nữ vượt biển. Thật tội nghiệp hết sức. Nghĩ tới là tôi muốn tuôn nước mắt. Chẳng lẽ sanh ra làm đàn bà trên biển cả đã là mang tội lỗi lớn? Làm thân phận đàn bà vượt biển sao phải chịu cảnh đau đớn quá vậy? Nhục nhã bất công thái quá! Cũng tại cái đám đàn ông hung dữ, ăn cướp hiếp dâm mà làm vạ lây cho tôi tới bây giờ.

Thiệt khổ quá, tôi đâu phải đại diện cho tất cả đám đàn ông? Tôi là người vô can, vậy mà họ không chịu tin. Hết thấy tội lỗi của đám đàn ông trên thế gian này lại đem đổ trên đầu một mình tôi. Hết nước nói rồi. Bạn bảo tôi phải làm sao đây. Thấy huynh đệ mắc nạn là phải giải cứu nghe. Bạn có kế gì không? Bạn bảo chịu thua hả? Sao yếu quá vậy. Bạn bảo leo rào trốn hả? Bộ không thấy đâu tuyết giá ngoài trời hả ông nội? Muốn xúi bậy cho tôi chết lạnh hả?

Nói thật với bạn là tôi cũng đã thê rồi, mùa hè trước tôi trốn được ra ngoài cả hơn tuần lễ. Bởi tôi muốn tìm bác sĩ đàn ông mình để khám bệnh kín thôi.

Chờ ra ngoài tình trạng còn tệ hơn, suốt ngày cứ nơm nớp lo sợ. Bề gì ở trong này còn có người bảo vệ mình. Xứ Bắc Mỹ này nổi tiếng mất an ninh, súng ống, xì ke, hung dữ lắm, bạn không hay biết gì hết sao? Bạn mới thật là gà hơn tôi nữa.

*

Để tôi kể bạn nghe vụ vượt rào kỳ đó. Lúc đó tôi cứ suy nghĩ mãi, đắn đo hết sức, chỉ sợ có đưa nào đưa mình vào tròng nữa thì chết. Bị chúng gạt năm lần bảy lượt rồi chờ ít ỏi gì. Cái hồi vượt biển đó mà, cứ bị bể hoại. Toàn là những vụ tổ chức “ma” không thôi. Bị mắc mớ mấy lần chờ phải chơi sao. Bạn coi, mỗi lần cứ mất mấy “cây”, riết rồi trong nhà trống trơn, không còn món gì ráo trọi. Lần cuối cùng ba má tôi phải bán luôn căn nhà của ông nội để lại mới góp đủ số cho cả nhà đi. Rồi cuộc thiệt tai hại hết sức.

Thôi, rầu lắm, không nhắc lại chuyện đó đâu, để nói chuyện vượt rào ở đây cái đã. Bạn biết không, cuối cùng rồi tôi cũng phải lấy quyết định, cả đời tôi đã phải khổ sở vì “vấn đề” này, tôi nghĩ tại sao lại không tìm cách giải quyết phứt một lần cho xong? Để dây dưa mãi chỉ càng chịu khổ thêm thôi, chẳng ích lợi gì. Để lâu sợ còn sanh ra biến chứng nữa là khác.

Nhiều khi ở đời phải biết làm liều một chút mới mong ngoi đầu lên được, nhứt là trong xã hội ngày nay bạn ơi. Lỡ ngớ, chậm chạp như tôi thì chỉ “trâu chậm uống nước đục” thôi. Tôi có tật nặng là hay lưỡng lự, xét đi xét lại mãi mọi việc mà không dám làm gì cả. Trước khi lấy quyết định cho một điều gì, tôi thật khổ sở gần chết. Cứ tính đi rồi tính lại, điên đầu luôn. Nhiều khi nghĩ ngợi nhiều quá đến mờ cả mắt, trên đầu như muốn bốc khói. Bởi vậy tôi bị mất ngủ liên miên cũng do cái tật hay lo đó.

Ngó tôi coi, bạn thấy không? Hai cặp mắt cứ thâm quầng, mặt mày hốc hác, đầu còn được cái dung nhan của ngày nào nữa. Phải làm sao gấp rút lên chứ không thì cứ “phòng không gối chiếu”, chần chờ mãi thì chỉ có nước ở giá cả đời thôi. Bạn nghĩ coi, hai mươi mấy tuổi đầu rồi, còn trẻ trung gì.

Lần đó, dù phải qua mấy đêm mất ngủ, cuối cùng tôi đã lấy quyết định leo rào ra ngoài thử thời vận, đi tìm cái “thế giới tự do” một lần nữa. Lần này tôi có sẵn dự tính “đàng hoàng” tôi đi kiếm vợ bạn à. Dù sao tôi có còn gì để mất mát thêm nữa. Đầu có như lần vượt biển hải hùng kỳ đó. Lần này chỉ vượt rào thôi mà, có té rào đi nữa cũng có gì nguy hiểm lắm đâu. Đàn ông con trai đâu xá gì ba cái chuyện lẻ tẻ đó. Nếu may mắn thành công thì đời tôi kể như lên hương luôn. phải sửa sai cái “vấn đề” đó. phải chữa trị nó chứ. Đầu phải cứ để như con nít vậy hoài được. Thật không thể thoái thác, không còn lối thoát nào khác. Tôi tự nhủ: chỉ một lần rồi thôi, một lần cho xong. Chỉ còn cách đi tìm thầy chữa chạy. Dù có phải bị giải phẫu, cắt xén gì tôi cũng phải chịu, miễn là sửa sai được “vấn đề” đó thì thôi.

Bạn có biết thuốc gì hay chỉ cho tôi, thuốc Tàu thuốc Bắc gì cũng được, miễn chữa được cái “vấn đề” thì tôi mang ơn bạn lắm đó, còn hơn xây mấy

kiêng chùa nữa. Bạn hỏi là “vấn đề” gì hả? Thì cũng tại nó mà tôi nhất gái khổ sở cả đời đây. Nó cứ như con nít, coi bộ không làm ăn gì nổi bạn à.

Bạn lại cười tôi nữa rồi. Đừng có vội khí dễ, tay này hồi nhỏ tuy hơi nhất gái, nhưng cũng một cây nghe. Cũng hôn hít đủ thứ hết, hôn miệng kia, chớ không phải chỉ trên má thôi đâu. Bạn không tin tôi hả, vậy chnhưng bạn có biết con nhỏ má lúm đồng tiền nhà ở đầu ngõ hẻm nhà thờ Tân Định không? Biết hả, em tên Lan, bồ cũ của tôi đó nghe. Em có duyên ghê phải không? Cái miệng cười thấy muốn hôn, lại hay cười luôn luôn, đôi môi hồng phơn phớt. Nhứt là đôi mắt hay liếc, ướt ướt. Em hay ăn hàng ở mấy xe bán gỏi khô bò, bò vò viên, bánh cuốn ở xéo trước nhà. Tôi mê mấy món này và cũng mê mẩn luôn cái miệng hay cười khoe đôi má lúm đồng tiền.

Hôm nào đi học về tôi chẳng ghé qua mấy xe hàng bò vò viên đó? Bữa nào không thấy em ra, tôi cứ la cà thật lâu, ăn hết món này đến món khác để nhìn lên về phía nhà nàng. Hình như nàng cũng biết và để ý đến tôi, nên thường tôi chỉ ngồi một lát là có nàng đi ra, có khi còn dắt theo đứa em trai nhỏ. Rồi từ khi tôi điều tra biết được tên nàng, cả ngày tôi cứ gọi thầm tên em, đến nỗi mấy nhỏ em gái tôi nghi ngờ theo chọc ghẹo mãi.

Có một hôm tôi được lén la đến ngồi kế bên nàng ở hàng gỏi khô bò, tôi nghe thoảng mùi nước hoa bông bưởi hay bông lan gì đó làm tôi bàng hoàng. Mà tôi cũng không chắc là nước hoa đâu nghe, nghe lạ lắm, chắc là mùi con gái thứ thiệt, nghe gây gấy khó tả lắm, tới bây giờ nhớ lại tôi còn nghe mê mẩn. Nhớ lúc đó trông bộ tịch tôi ngỡ ngẩn, dờ dẩn ra. Còn nàng thì có vẻ e lệ. Tôi lén nghiêng đầu nhìn qua bên, bất chợt bắt gặp nàng cũng lén liếc qua với nụ cười lúm đồng tiền. Tôi hồn vía như bay mất, lúng túng đến nóng cả hai tai, quên cả đáp lại nụ cười xã giao của nàng. Ăn hết đĩa khô bò rồi mà tôi chưa tìm ra câu nói nào thích nghi. Đầu óc cứ như trống rỗng.

Hình như nàng cũng biết tôi lúng túng, nên cứ tủm tỉm cười khuyến khích hoài. Cuối cùng tôi bậm gan nói một câu vô duyên trống không: “Lan có thích phim sữa rừng gì . . . gì . . . đó không”. Tôi đã uốn lưỡi mấy lần trước khi phát âm mà cũng còn cà lăm. Nàng chớp chớp mắt, lắc đầu nhẹ nhẹ làm rung rung mấy sợi tóc mai bồng bềnh trước trán, “Em cũng hông biết nữa . . .” Thấy tôi cứ mỉm cười lúng túng nàng nói tiếp, “Anh Xê tối nay cho em coi hát đi”. Mẹ ơi, chỉ hỏi một câu mà đã có kết quả. Tôi nghe choáng váng, trống ngực cứ đánh thình thình, không hiểu sao nàng lại biết tên tôi nữa. Tôi không biết trả lời sao hết, chỉ dám gật gật đầu. Tôi không kiếm được câu nào để nói, hồi lâu trước khi đứng lên nàng nói nhỏ: “Đợi em ở cửa rạp Văn Hoa tám giờ tối nay”. Tôi nghe mà không hiểu, không mở miệng nói thêm được một chữ. Nàng đã đi rồi, cả đến mấy phút sau tôi mới hơi định tỉnh.

Bạn nói tôi nhất quá phải không. Thôi tôi không kể chuyện đó nữa đâu. Tại đó là lần đầu, làm sao có kinh nghiệm hả bạn? Nghĩ đi nghĩ lại, tôi thấy chẳng thà như vậy mà hóa ra hay. Bạn thấy không, trong yêu đương người con gái sung sướng biết bao nhiêu. Tôi nhớ mãi cái thời đó, mà chắc người

con gái nào khi yêu cũng vậy, chỗ không riêng gì em Lan của tôi đâu. Cái thuở yêu đương đời đời, với những hẹn hò nhung nhớ, với bao lần giận hờn xa cách . . . Tôi nhớ em lúc nào má cũng đỏ hây hây, lúc nào đôi mắt cũng long lanh bên lên. Nhìn em là thấy liền đôi mắt ử ân tình, em đang sung sướng đó bạn ơi. Mỗi lần nắm lấy bàn tay nhỏ mềm và nóng hổi, mỗi lần hôn em trong bóng tối của rạp hát . . . Thiệt tình mà nói, cảm xúc đến rụng rời. Mà tôi biết chắc nàng cũng cảm động ghê gớm, nhiều lúc tôi nghe như run lên, mềm nhũn.

Chắc huynh hồi nhỏ cũng vậy chỗ gì? Huynh cũng hay bướm, mèo mỗ dữ lắm mà. Lúc đó nếu bạn thử nhìn vô đôi mắt của em Lan coi. Thiệt tình! Cả những lúc giận dữ em cũng mê ly lắm nghe bạn. Em Lan ơi, tội tình chi mà em phải dọa . . . dầy . . .

Nhắc tới em làm nhớ chết được, nhưng thôi, cũng may mà tôi không lấy được nàng. Chỗ không cũng gặp “nát một đời hoa” rồi. Tôi đâu có muốn làm cho em khổ, tôi chỉ muốn cho nàng sung sướng thôi mà. Thiệt đó, phụ nữ chỉ sung sướng trong tình yêu mà thôi. Tôi hồi lấy chồng sẽ bị khổ sở đủ thứ hết. Bị bầm dập nhục nhã lắm bạn ơi. Tại lấy chồng thì phải có cái vụ đó, trốn tránh sao được.

Bạn nghĩ ngờ tôi không nói hết sự thật cho bạn nghe chỗ gì? Mà thôi, cũng không giấu được bạn chuyện gì hết. Nói thiệt ra thì cũng một phần tại kẹt cái “vấn đề” đó mà thôi.

Lúc trốn khỏi bệnh viện, tôi tìm được ông bác sĩ T. nghe nói hay giúp đỡ người đồng hương lắm, chuyên trị bệnh về đường thân. Tại sao hả? Tôi yếu cái phần đó bạn à.

Gặp ông tôi cũng hơi khộp nên nhập đề liền: “Em biết bác sĩ hay thương đồng bào mình, nên mới đánh bạo đến nhờ bác sĩ chữa trị cho cái “vấn đề” của em. chẳng giấu gì bác sĩ, em cũng vậy, em cũng như bác sĩ, em thương đồng bào mình lắm, nên em nghĩ kỹ rồi, em không lấy vợ người Việt Nam đâu”.

Bác sĩ T. ngẩng đầu lên, trố mắt nhìn tôi, bảo: “Ủa, sao anh lạ vậy? Bảo thương người Việt mà không chịu cưới vợ Việt là nghĩa làm sao? Tôi không hiểu”.

Tôi vội nói: “Thì tại em thương phụ nữ người mình nên sợ lấy vợ Việt về làm khổ họ tội nghiệp”.

Bác sĩ T. nói: “Anh nói tôi cũng vẫn không hiểu, tội nghiệp là tội nghiệp làm sao?” Thấy ông bác sĩ T, cứ thắc mắc mãi, tôi đành phải kể: “Lm đã chứng kiến rồi bác sĩ ơi, họ khổ lắm . . . nhục nhã nữa . . . Đâu ai muốn nhìn, đâu có ai mà thêm muốn chuyện đó . . .”

Bác sĩ T. lắc đầu: “Nhưng nếu anh không phải là sở khanh, anh là người đàn ông hoàng, không ăn giựt, ăn chạy, anh hiểu biết bốn phận làm chồng thì tôi nghĩ anh sẽ đem lại hạnh phúc cho người đàn bà anh yêu chứ”.

Tôi nói: “Cũng không được đâu bác sĩ, lấy vợ là phải có vụ đó, mà phụ nữ mình tội nghiệp lắm . . . không được đâu . . .”

Bác sĩ T. thở ra một hơi dài, lắc đầu nhẹ nhẹ, rồi mỉm cười với giọng vui vẻ: “À, thôi rồi, tôi biết ngay, anh thích đầm hơn phải không? Các anh trẻ tuổi độc thân qua đây anh nào cũng như nhau cả, các anh bảo phải trả thù dân tộc gì gì đó phải không?”

Tôi vội đính chánh: “Không phải vậy đâu bác sĩ ơi, em lại càng không thể nào lấy vợ đầm được. Từ ngày qua xứ này, em bị người ở đây ăn hiếp hoài, nên sợ lắm, không lấy đầm được đâu”.

Bác sĩ T. cười bảo: “Anh này khó tánh dữ. Người Âu mắt xanh tóc vàng mà anh còn chê nữa?”

Nghe ổng hiểu lầm hoài, tôi mới nói: “Cũng không phải vậy đâu, không phải em chê họ không xinh đẹp, nhưng thấy họ lớn quá, mình nhỏ con mà”.

Bác sĩ T. cười: “Người mình nhỏ người, nhưng cái vụ phòng the đâu đến nỗi nào. Chắc anh mặc cảm với người mẫu quốc hủ, hết thời thực dân phong kiến lâu rồi, đừng có mặc cảm chứ, anh phải làm rạng danh trai Việt mình mới được”.

“Nhưng vụ đó thì thôi bác sĩ ơi, em thấy hình ảnh đang trên báo ở trường ‘P.’ rồi”.

Bác sĩ T. trợn mắt: “Hình trong báo Mỹ vậy mà chưa mê hủ? Hình người ta chụp nghệ thuật sexy như vậy . . .”

Tôi vội nói lại: “Em thấy sợ thôi, còn ham gì nữa bác sĩ? Tại em nhất gái, lại mặc cảm nữa. Tại . . . tại . . . mình đâu xuể . . .”

Bác sĩ T. lắc đầu: “Anh Xê ơi, không biết tôi có thể giúp gì được cho anh đây?”

Thật chuyện khó nói quá, đã mấy lần tôi mấp máy môi mà không nói nên lời. Thấy tôi cứ ngán ngừ không đáp, ổng cười cười nói tiếp: “Anh không chịu vợ Việt, vợ đầm, chứ anh muốn lấy ai đây? Hay là anh muốn tôi làm mai cho anh cưới vợ Nhật hủ. Anh nào cũng sành điệu dữ. Đúng là ở nhà Tây, ăn cơm Tàu, lấy vợ Nhật. Nhất anh rồi”.

Thấy ổng cứ tiếp tục hiểu lầm, tôi đành nói luôn: “Không phải em khó tánh, nhưng lấy vợ Việt chỉ sợ làm khổ cho người ta, còn lấy vợ đầm em lại càng sợ dữ nữa. Em thà ăn tô hủ tiếu . . . Trái ớt bỏ trong tô hủ tiếu mà . . .”

Thấy ổng trợn mắt ngạc nhiên, tôi càng ngượng dữ, nghe nóng cả mặt mũi, mặc dầu ổng là người đồng hương, lại là đàn ông nữa. Sợ ổng giận tôi vội tiếp luôn không kịp nghĩ ngợi gì hết: “Em thích ăn hủ tiếu mì mà bác sĩ à. Bác sĩ có biết tiệm mì Cây Gòn trong Gò Vấp không? Ngon hết xẩy. Chắc em kiếm vợ người Tàu, nghe nói công dung ngôn hạnh gì đủ hết, lại chiều chồng nữa”.

Bác sĩ T. ngả mình vào ghế dựa, giọng chậm rãi: “Tôi nghĩ anh có vẻ hốt hoảng, lo sợ chuyện không đâu. Chắc anh bị dồn nén tâm lý từ lúc nhỏ. Hay là lúc trước anh có đi chơi bởi ở Ngã Ba, Ngã Năm trên I-lanh Thông Tây gì

dó, rồi mắc bệnh huê liễu nên đâm ra sợ chuyện tình ái chớ gì? Anh thú thật đi. Chỗ đó có còn bị đau nhức gì không? Bây giờ y khoa tiến bộ lắm. Ông khỏi có bể hay thông nòng gì cũng làm được hết. Để tôi cho toa thuốc . . .”

Thấy ông bác sĩ này cứ hiểu lầm hoài, tôi đâm ngán quá. Rồi ông cho thuốc lộn thì chết. Chỗ không đau thì đòi chữa. Thiệt lạ lùng không? Đúng là ông nghi ngờ tôi rồi. Tính dùng thuốc độc địa để trị tuyệt nọc cái giống đàn ông thôi. Mà tôi thiệt không hiểu, ông cũng là đàn ông như mình chớ bộ. Chắc là ông này thuộc loại đạo đức giả rồi. Ông còn rành ba cái vụ đó nữa là khác. Bộ ông không biết là đàn bà con gái con nhà đảng hoàng bị đau đớn, nhục nhã trong mấy cái vụ đó sao? Ông bẽ gì cũng là bác sĩ chớ bộ. Đâu có dốt nát. Tôi đã chứng kiến rồi. Nói thiệt. Thật dã man vô nhân đạo hết sức.

Tôi muốn nói với ông: “Hổng có bệnh huê liễu gì đâu bác sĩ. Thú thiệt hồi nhỏ em cũng có lén phóng với mấy đứa bạn ở chỗ động chị Tình đó. Sạch sẽ đâu có bệnh hoạn gì đâu. Với lại mấy em chơi bởi chỉ có vui thôi. Mấy em điệu nghệ, tình tứ lắm nghe. Đâu có thấy đau đớn khổ sở gì đâu? Chỉ trong vấn đề vợ chồng là em ngán thôi. Nói thiệt với bác sĩ em đã chứng kiến rồi. Tội nghiệp lắm. Tàn nhẫn lắm bác sĩ ơi. Thiệt họ khổ hết còn nước nào nói. Em nói rồi, em không lấy vợ người mình đâu. Làm khổ họ tội nghiệp. Em thà thích tô hủ tiếu mì . . . trong Gò Vấp đó. Ngon hết xẩy. công dung ngôn hạnh đủ thứ hết.”

Bác sĩ T. lắc đầu, ông không nhìn tôi nữa, nhưng vẫn mỉm cười. Ông tháo cặp mắt kiếng gọng vàng ra cầm tay, với tay kéo chiếc khăn giấy trong hộp *Kleenex* để ở đầu bàn, vừa lau đôi tròng kiếng vừa nói: “Nói chuyện với anh cũng vui, nhưng anh thông cảm, tôi bận quá, còn mấy người khách đang đợi ở ngoài. Để tôi ghi cho anh giấy giới thiệu đi khám bác sĩ thần kinh tâm lý vì là ngoài phạm vi chuyên môn của tôi . . . Có lẽ bác sĩ Renée Nadeau ở gần đây tận tâm lắm . . .”

Tôi nghe ông nhắc đến tên bà R.N. nên đâm hoảng quá, vội vàng xua tay: “Thôi, thôi, hkont bác sĩ, hkont cần, bác sĩ có bận thì em xin trở lại khi khác chớ không sao đâu. Thôi em xin chào bác sĩ”. Tôi lật đật kéo ghế đứng dậy, đi như chạy ra cửa, không đợi ông trả lời, không dám ngoái đầu ngo trở lại. Chỉ sợ ông kêu cảnh sát bắt gởi đi bà R.N.

*

Từ phòng mạch bác sĩ T., tôi phóng ra đến đường cái lúc nào không hay. Như người mất hồn, tôi nhập vào dòng người đông đảo trên vỉa hè đường phố. Ở đây, cứ mỗi hè về là đường phố trở nên tấp nập, rộn rịp cho đến khuya. Trên gương mặt mỗi người đều có vẻ hớn hởi, dáng điệu vui tươi trong những y phục mùa hè nhiều màu sắc. Có những thiếu nữ coi bộ con nhà lành trông hơ hởi. Họ đang tung tăng cười giỡn, nắm tay nắm chân với đám bạn trai, có cô còn cặp kè với người tình vừa đi vừa hôn nhau giữa đường nữa. Cho mấy cô cứ việc phô bày. Cho mấy cô cứ việc tiếp tục ngây thơ đi. Các cô

dâu có biết các cô sắp sửa rơi vào bẫy của ái tình. Các cô không biết những gì sẽ xảy đến khi các cô đi lấy chồng hay sao. Nhưng làm sao các cô biết được. Các cô gái đó đâu có chứng kiến những cảnh tượng như tôi. Họ cứ thản nhiên tung tăng khắp thành phố, hít thở cho thật đầy những buồng phổi khí trời trong lành và ấm áp. Thật thấy họ vô tư mà mình ham. Tôi cũng muốn được như họ, tận hưởng những ngày hè quý báu, cho bỏ những trói buộc của những tháng đông dài lạnh lẽo. Tôi cũng muốn ngây thơ vô tư như họ, cũng muốn hưởng đời, chơi cho chết luôn. nhưng làm sao được bạn ơi, lỡ đã biết nhiều sự thật phũ phàng thì làm sao còn vô tư cho nổi. Thiệt người ta điếc không sợ súng vậy mà sướng. “Không biết, người ta bảo ngu dân. Biết, lại buồn đến thân” là vậy. Câu này tôi học lóm trong truyện Tàu nghe. Tại tôi không biết nói chữ, chớ nếu biết chữ Nho như ông nội tôi, xỏ ra nghe còn nổ nữa. Nhưng thôi, bao nhiêu đó cũng nhức đầu lắm rồi. Suy nghĩ nhiều chỉ làm lo lắng thêm thôi. Thiệt, bạn thấy không, càng thấy nhiều chuyện đời càng phát sợ.

Lúc đó tôi nghe thân thể mỗi như, đầu óc choáng váng. Mọi việc càng lúc càng rắc rối quá. Mọi người ở đây sao lại có thể đứng đưng đến như vậy? Họ làm như không biết những gì hung bạo, hiểm nguy đang chờ đợi. Họ vẫn nhớn nhoe, ồn ào khắp đường phố. Thiệt tôi hết hiểu nổi. Mọi việc đều như vượt khỏi tầm tay. tất cả đều quá nhanh, tất cả đều quay cuồng với một vận tốc điện tử chóng mặt. Tôi nghe chán nản, mệt mỏi đến không còn cử động được. Tay chân nghe nặng nề nhấc hết lên nổi. Bên trong tôi như bị rỉ sét, mọi cảm giác như bị cô đọng, mơ màng. Tôi nghe như người mộng du, đi trong giấc mơ của một thế giới khác.

Trên hè phố, mọi người chung quanh tôi đều có vẻ căng thẳng, bận rộn với việc gì, bước chân họ hấp tấp như người đang trễ giờ hẹn. Mà thật vậy, tôi biết họ thế nào cũng có những vụ hẹn hò lén lút, để làm chuyện bậy bạ. Chớ nếu không, sao lại hấp tấp ào ào như đi chạy giặc vậy?

Bạn biết không, dân ông dân bà gì ở đây cũng đều có nhiều máu nóng lắm, nhất là những lúc trở mùa thì tha hồ có những buổi “gió lạnh đêm hè . . .” Sẵn có những phim ảnh, báo chí ở trường phụ giúp vô thêm nữa. Trên đường phố mọi người nhìn tôi với những ánh mắt khi dễ, họ biết tôi nhất gãi, “chậm tiến” về vụ đó. Đáng lẽ họ phải tội nghiệp cho tôi mới phải, một người đã trải qua bao nhiêu thảm cảnh. Họ đâu biết tôi đã ớn da gà, vì đã thấy mặt trái của vấn đề rồi. Đè người ta ra . . . nhục nhã cho người ta . . . dơ bẩn, tội nghiệp cho người ta lắm . . .

Tôi không dám nhìn thẳng vào mắt ai hết. Ở đây họ có hiểu gì về mình đâu. Họ chỉ muốn chế nhạo mình thôi. Đó, đứa nào lại nói tôi lẹ như gà nữa kìa.

Trên đường phố mùa hè hôm đó, giữa những bước chân tấp nập, rậm rạp ồn ào, chỉ riêng có những bước chân của tôi lững thững như một khách nhân du không định hướng, âm thầm, lạc lõng trong dòng thác đời cuồn cuộn.

Mọi người chung quanh đang vui sống những mùa hè của họ, tuy ngắn ngủi mà đậm màu, như những cánh bướm nhớn như bay lượn, như những cánh ve vang lên điệu ca vui sống, giản dị và không suy tính. Theo kiểu ngụ ngôn “con ve” của ông Tây Lã Phụng Tiên đó mà. “Mùa hè kêu ve ve . . .” gì gì đó. Còn tôi, một người lạc đến từ thế giới khác, không một liên hệ, ràng buộc gì với đời sống này, không một kỷ niệm nào ở đây. Một người bên lề cuộc đời. Cuộc đời hung bạo và điên đảo. Chỉ còn có tôi tuy ở bên lề là còn tỉnh táo thôi. Ở đây không ai giống tôi. Ở đây tôi như một người không có cả lý lịch. Một người không mặt mũi. Vô danh. Vô hình. Đâu có ai quen biết tôi trong thành phố này. Dĩ vãng của tôi đâu rồi? Nỗi khổ và nỗi lo sợ của tôi không ai quanh đây hiểu được. Tôi đâu phải là ve, đâu phải là bướm, tôi tuổi gà mà.

Nhưng đâu phải chỉ có dân Tây, dân Mỹ không hiểu tôi. Cả những người đồng hương của tôi ở đây cũng không ai hiểu tôi hết. Cả đến người bác sĩ đồng hương cũng đã bỏ rơi tôi rồi.

Thật không dễ gì khai bệnh. Ông bác sĩ T. là hy vọng cuối cùng, tôi chỉ mong ông khám rồi cho thuốc hoặc giải phẫu một lần cho xong. Vậy mà rắc rối quá. Ai cũng hiểu lầm mình hết. Cả người cùng tiếng mẹ đẻ mà cũng không cảm thông được. Thật sự không ai hiểu mình hết rồi. Cái mặc cảm tôi mang từ nhỏ sao lại đeo đuổi làm khổ tôi mãi. Nước mắt tôi cứ chực trào ra. Mọi vật chung quanh đều nhạt nhòa, không còn thể chất hình dáng gì nữa.

Cả ngày hôm đó tôi đi lang thang khắp thành phố đến rã rời cả chân cẳng. Ở đây bạn bè thì không có, ba má tôi lại ở rất xa, một tỉnh khác cách xa nơi đây đến nửa ngày trời xe buýt. Vả lại đi xe buýt lại càng thêm rắc rối nữa. Nỗi khổ của tôi bây giờ chẳng phải bắt đầu bằng những vụ ẩu đả trên xe buýt đó sao? Trong túi tôi lại không có tiền, bụng đói meo, cả ngày rày có hột cơm nào đâu.

Liên tiếp trong mấy ngày, tôi tấp vô với đám người vô gia cư vô nghề nghiệp lang thang khắp đầu đường xó chợ. Mà tôi cũng không dám đến gần họ lắm, chỉ dám đứng luẩn quẩn xa xa thôi. Trong đám này có những tên mặt mũi có cô hồn, đáng điệu gì mà thấy phát ghê. Đêm đến tôi ngủ ở mấy băng ghế đá công viên. Quần áo dơ dáy hôi hám . . . Nói bạn đừng cười, chớ lúc đó đói quá, tôi lấy lặt được cả hơn tuần lễ là nhờ lục lạo những thùng rác kiếm món ăn thừa.

*

Cuối cùng tôi cũng bị bắt trở về đây. Chắc có người thấy hình dáng tôi không giống ai, nên họ báo cáo với giới chức thẩm quyền. Lúc cảnh sát đến, tôi cứ im lìm đi theo họ, đầu ngẩng cao, miệng mỉm cười, một nụ cười ruồi với nhân thế. Bạn hỏi sao tôi cười được à? Ạ ả lắm bạn ơi, lúc đó tôi vừa thấy thanh thoi, khỏi phải lo đói khát, khỏi phải lo sợ tai nạn gì nữa hết, lại khỏi phải lựa chọn, số phận đã an bài rồi. Nhưng cùng lúc, lại vừa nghe trong còi xa xăm nào đó dâng lên một nỗi thiết tha đau đớn cho cuộc đời. Tôi chẳng tỏ

một thái độ phản kháng hay làm một cử chỉ kháng cự nào hết, cũng chẳng thanh minh bào chữa lấy một lời. Chống cự với đời cũng vô ích thôi bạn ơi. Tôi xót xa tự nhủ trong lòng, quả thật người ta đã bỏ tôi rồi, tôi hết còn là con người. Tôi muốn gào to lên cho mọi người rõ rằng: TÔI KHÔNG MUỐN LÀM LOÀI NGƯỜI NỮA. Bạn nghe rõ chưa? Nếu không, tôi phải hét to hơn nữa, rồi bà R.N. lại bắt tôi dè ra chích thuốc thêm cho, cả hai bên móng tôi đều bị sưng phồng, chai cứng hết rồi đây này! Nếu tôi còn la hét kháng cự, bà sẽ không ngần ngại cho người trói gô tôi lại như một con vật. Phải, như một con vật sắp sửa bị hành hình, cho vào lò sát sinh...

Phận tôi tuổi Dậu, chắc chỉ còn có giống gà mới không kỳ thị, ruồng bỏ tôi thôi. Chỉ còn có tình gà mà thôi... Tôi là người tình cảm mà. Tôi đã nói với bạn rồi. Tôi không thể sống mà không có Tình Yêu được... Từ hồi nhỏ tôi vẫn được sống bao bọc trong tình yêu thương gia đình. Tình yêu thương của bạn bè, cha mẹ. Tình yêu thương của các chị em gái tôi... Chị em gái tôi... Thật hết rồi... Tình người, nhân đạo... Thật hết rồi... Tôi phải sống... Sống trong tình yêu... Dẫu là tình của giống vật... Dẫu là tình gà... Và tôi dấn ra yêu... giống gà bạn à.

Lúc bị bắt đi giữa đám cảnh sát mà đầu óc tôi cứ nghĩ ngợi dẫu dẫu, mặt mũi cứ tỉnh bơ. Bỗng tôi dấn tức cười khan. Bây giờ thì tôi cười ra tiếng. Tôi cười ha hả. Cười lớn giòn giã như trong tuồng hát bội "Lữ Bố hí Điêu Thuyền". Cười như chưa bao giờ được cười thỏa thuê như vậy. Cười trả thù cho những khổ đau của cuộc đời này. Tự nhiên tôi bỗng nhớ tới một cảnh trong phim Charlot làm tôi càng mặc cười dữ nữa. Cười hô hố đến chảy cả nước mắt. Cái anh chàng Charlot này, cả đám bạn bè hồi nhỏ tại tôi đứa nào cũng mê mệ. Đứa nào cũng bắt chước cái dáng đi hề thật là hề đó. Thiệt tức cười hết sức. Tưởng đi hai hàng với đôi giày quá khổ, đôi chân chữ bát. Đôi rách mà lúc nào cũng vẫn điệu nghệ quân tử ra phết, luôn luôn quý trọng phụ nữ. Trong cuốn phim đi đào vàng ở Bắc cực đó, bạn nhớ không? Charlot bị một anh bạn dối quá hoa mắt nhìn thành con gà to tướng, tính rượt bắt làm thịt. Con gà Charlot hoảng hốt, chạy trốn vỗ đôi cánh bành bạch. Lúc đó đang đi, tự nhiên hai cánh tay tôi trở nên ngứa ngáy như muốn cử động mình ên thành hai cánh gà. Tự động đôi tay tôi giăng thẳng ra phẩy phẩy, đập mạnh lên như đôi cánh chim muốn lả lướt tung bay trong gió. Thành linh tôi nghe một vật gì thật nặng giáng vô phía sau đầu đau nhói đến nổ đom đóm, thấy đủ ba mươi sáu ngọn đèn cầy. Tôi nghe đôi chân mềm nhũn không còn đứng vững, mặt đất ngã nghiêng quay cuồng. Nhưng tôi vẫn còn rần sức đập mạnh đôi cánh bay lên một khung trời khác...

Lúc tỉnh dậy, tôi thấy mình đang nằm trên chiếc giường sắt, một mình trong gian phòng nhỏ. Trời đã tối, đã lên đèn, những ngọn đèn ống neon lạnh lẽo. Chung quanh là màu sơn trắng quen thuộc. Đúng đây là nhà thương của bà R.N. Tôi định chống tay ngồi dậy, nhưng bị vướng mắc vào thành giường,

vô phương cử động. Tay chân tôi đã bị cột chặt bằng những sợi nịt da bò to bản có móc ống khóa cẩn thận.

Đây không phải là lần đầu tiên tôi bị khóa cột lại như vậy. Lần trước bị bắt vô dây tôi đã kháng cự dữ dội và la hét đến lạc giọng, nên bị bà R.N. cho trói bỏ vào phòng giam riêng mấy ngày. Nhưng lần này tôi có chống sự gì đâu? Tôi cũng đâu có la hét, tôi chỉ có cười thôi mà. Tôi cũng chẳng cười ai hết, tôi chỉ thấy mắc cười thì tôi cười. Tôi thấy chuyện vui thì tôi cười, có mắc mớ gì tới ai đâu? Chuyện riêng của tôi có can dự đến ai? Vậy mà họ đã đối xử với tôi tột tệ hết nước nói. Tôi có làm gì nên tội hử, Trời? Cả đời tôi hiền lành, chẳng biết đến một con ruồi, con muỗi. Cả đời tôi quý trọng mọi người, quý trọng phái nữ, quý trọng những bông hoa. Tôi đã làm gì đâu? Tôi đã hại đời trinh nữ nào đâu? Tôi đâu dám ruồng bỏ người đàn bà. Tôi đâu phải loại sở Khanh hại đời con gái người ta. Tôi đâu có gian ác, cướp bóc hãm hiếp ai... Trời, cái này tội lỗi mới ghê rợn nhất...

Vậy mà họ theo bắt tôi tận tình. Đến tận nơi tận chốn. Không biết họ thù tôi từ bao đời bao kiếp rồi chưa? Họ coi tôi như một tội phạm nguy hiểm nhất. Còn dám người dám dật, chơi bời, cưỡng hiếp đàn bà con gái con nhà dăng hoàng thì có ai dụng tới đâu? Tội nó nhờn nhờn hành sự...

Nằm trong phòng giam riêng, đầu óc tôi vẫn còn choáng váng. Tôi không nhớ rõ việc gì đã xảy ra. Chỉ nghe đau ran trên đỉnh đầu. Tôi nằm nghĩ ngợi lơ mơ rồi lại thiếp đi lúc nào không biết.

Qua ngày hôm sau tôi mới được cởi trói ra. Đầu óc vẫn quay mòng mòng. Chắc trong lúc tôi mê man, bà R.N. cho chích thuốc vô mộng nữa. Trên đỉnh đầu vẫn còn đau nhói, tôi đưa tay sờ thì quả thật đã mọc lên một cục u to như cái trứng gà, sờ tới càng nhức nhối thêm. Tôi nhớ lại rồi, lúc tôi bị bắt trở vô dây, thấy tôi giăng hai cánh tay đập cánh phành phạch, chắc tên canh sát đi phía sau chơi xấu. Hay là hấn tưởng tôi là gà nên tính đập đầu nấu cà ri. Thiệt tội Tây này đã man hết sức, bộ muốn ăn thịt tôi luôn sao chứ. Tội này dữ quá mà, cắt chim nó nấu canh chua đi.

Bạn thử sờ lên chỗ này coi. Đã hơn nửa năm trời rồi mà sao lạ lùng quá, không chịu lành. Chỗ đó còn trổ da non, theo đồ lôm cứ mọc to ra mãi. Bạn coi nè, đúng là mòng gà trống chưa? Gà này là gà đá, gà nòi nghe. Đá quao à. Gà Gô Loa tội nó mà ăn nhằm gì. Giống gà nòi đích tông nầy của ông nội tôi nổi tiếng khắp miệt Xóm Gà nghe. Loại này đá chết bỏ, chết thối chớ đâu chịu chạy mất. Để bạn coi, mùa hè tới đây tôi sẽ lại leo rào trốn ra ngoài. Bạn hỏi để làm gì hả? Cha nội này nói giả ngộ hoài. Để đi kiếm vợ chớ còn đi đâu nữa. □

TRIỀU HOA ĐẠI

Ở mãi đời nhau

*có còn một chút mùa đông
theo nhau về nở cuối lòng nhân gian
có ai cất bước dịu dàng
cây đời hé búp, lại mang nhánh sầu*

*có tôi quay quắt nơi đâu
theo người, tình lại trở mầu lãng quên
có ai ngồi thật ngoan hiền
trên môi thoáng nở, chẳng phiền lụy sa*

*có ai về vội hóm qua
lời ca dao ấy đậm đà đáng thán
nên chi thôi chỉ một lần
hôm nay, mai nữa, lần khân trở về*

*có thêm chút nắng đêm khuya
nói lên ràng buộc, chia lìa xót đau
mà sao ở mãi đời nhau
chất chiu, lần lửa lạc màu tóc sương*

*có còn lúc nhớ, khi quên
ai kia như thế tình yên một lần
ngày vui, thật cũng phấn vân
đột xa chưa nhú, trời gần đã rơi*

NGÔ NGUYỄN DŨNG

hương cổ thi

*Đường thi chửa ráo mực
giữa muôn dòng thời gian
lương trăng còn thao thức
đêm ẩm màu mang mang*

*Hoa xưa chửa phai sắc
trên cổ tự ngát hương
nét đậm đà giấy bồi
loang loang mùa phong sương*

*Đường thi chửa cạn lệ
dây nước văng trăng soi
tự trầm theo bóng nguyệt
khúc hồ cầm lá lơi*

*Giai nhân còn yên giấc
giữa nghìn trang cổ thi
chờ khắc giấy hạnh ngộ
bước ra giục già: Đi!*

NGUYỄN VIỆT

lẽ sống

truyện ngắn

Bốn giờ rồi nhưng Thùy vẫn chưa đến. Không dẫn được cơn bồn chồn, Phan bước tới mở cửa, nhìn ra dãy hành lang chung cư. Hai bên tường, những cánh cửa im ỉm khép kín của những gian phòng khác, nối tiếp nhau chạy dài hun hút. Và từ trần nhà thấp, dãy bóng đèn rải một thứ ánh sáng buồn bã lên mặt thảm, tạo thành những vòng tròn rời rạc hiu hắt. Vắng vẻ. Tất cả là một vắng vẻ làm Phan cảm thấy cô đơn hơn bao giờ hết.

Phan lại nhìn đồng hồ. Thời gian như dân nở, úp chụp lên người chàng biết bao thất vọng. Một thứ bầy vô vị. Một thứ bầy thừa thãi. Phan đóng xàm cửa lại, đến ngồi trên chiếc ghế đong đưa. Chàng kiễng chân nhịp theo ghế, nghe hơi hướm Thùy như còn vương lại đâu đây.

Hơn hai tháng nay, mỗi trưa thứ bảy Thùy vẫn đến với chàng trong một chu kỳ tưởng không thể nào thay đổi. Thùy đến, tự động mở cửa phòng, gương mặt dịu dịu tỏa một thứ ánh sáng đầy quyến rũ khiến Phan không kềm chế được, chồm tới ôm ghì lấy nàng. Rồi Phan đặt Thùy ngồi vào chiếc ghế đong đưa, rót cho nàng một ly *champagne* ướp lạnh. Qua mấy nhấp rượu, má nàng như hồng hơn, đôi môi nàng như ướt hơn, đôi mắt nàng lung linh như hai giọt sương sớm. Phan đến phía sau ghế, chồm tới trước, cúi xuống hôn vào vùng ngực người yêu đang căng phồng nhịp thở. Chiếc ghế ngã ra sau, tà áo lụa của Thùy nhẹ nhàng rung theo làn môi Phan đang lướt trên da thịt nàng. Hai người không cần nói nhiều lời, nhưng từ tấm khảm, Phan nghe như cả hai đã nhập vào nhau. Khi Thùy vừa cạn giọt *champagne* cuối cùng, thân hình nàng như bốc lửa. Phan đỡ nàng nằm xuống mặt thảm êm ái, say sưa trong một thế giới mà âm dương hòa tan, mà mặt trăng và mặt trời chỉ còn là một thực thể.

Chiều dần xuống, vài cơn gió thoảng mơn man tấm màn cửa sổ. Thùy trở dậy sửa lại sóng áo, mỉm cười với Phan đang nhìn nàng qua tấm gương lớn. Thùy đó, ngấm mãi vẫn không no mắt. Nàng chải tóc, đánh lại chút má hồng,

tô lại chút môi son, rồi hôn nhẹ trên má Phan, trước khi quày quả ra đi, để đến nhà kịp lúc chồng nàng trở về.

Còn một mình, Phan lười biếng nằm dài trên thảm, lan man với phần *champagne* sót trong chai. Chàng uống từng ngụm nhỏ, nghe chất rượu tràn khắp thân thể một cảm giác thỏa mãn, đôi lúc xen lẫn với những tiếc nuối vì đã không gặp Thùy sớm hơn. Khi còn nhỏ, Phan sống trong một khuôn phép lễ giáo khắt khe. Lúc nào chàng cũng phải che giấu những ý nghĩ riêng tư, có khi biến thành những uẩn ức mà cho tới nay cũng chẳng dám nói với ai. Lớn lên, được du học nước ngoài, Phan vẫn tâm niệm những giáo điều kia. Chúng đã giúp chàng vượt qua biết bao cấm dỗi của thế giới Tây phương, nhưng vô tình cũng trở thành một bức tường ngăn Phan với những thú vui bình thường. Phan gác ra ngoài tất cả những ham muốn mà chàng cho là vô bổ, chú tâm xây dựng cho mình một sự nghiệp vững chắc. Bốn mươi tuổi, Phan khá thành công trong công việc nhưng vẫn sống đời đơn chiếc. Tệ hơn nữa, chàng chưa từng dám yêu ai, dù chỉ là yêu thầm. Tình yêu trai gái có một cái gì tội lỗi khiến chàng không muốn lao vào.

Rồi tình cờ Phan quen Thùy. Trong buổi đầu tiên gặp gỡ ở một tiệm sách, chỉ cần một tích tắc ngắn ngủi, Phan nhận ra là mình đã sống quá thiếu sót trong thời gian qua. Tuy biết Thùy có chồng, nhưng Phan vẫn cố theo đuổi nàng. Bản ngã tiềm tàng bấy lâu nay bùng bùng trỗi dậy, chàng đã bất kể tất cả, liều lĩnh xô ngã luân lý, từ chối lương tâm, để chiếm cho được Thùy, dù chỉ vào những chiều thứ bảy ngắn ngủi. Đối với Phan, Thùy là vì sao đưa lối duy nhất, có thể dẫn dắt chàng vào cõi yêu đương tuyệt vời, mở cho chàng những cảm giác lạ lùng trong ái ân nồng cháy.

Phan nhìn đồng hồ, lại mở cửa ngóng về phía cuối dãy hành lang. Màu thảm như đỏ hơn, tụ vào những vòng ánh sáng, xốn xang đập vô mắt Phan. Thùy vẫn chưa đến. Chàng đứng tựa cửa một hồi rồi quay vào tìm bao thuốc lá, rút một điếu, châm lửa. Phan rít một hơi dài, đầu óc có phần nhẹ bớt theo từng cơn khói tỏa. Trên tường, chiếc gương lớn phản chiếu bóng chàng đang nằm trên mặt thảm. Phan nhìn chiếc gương quen thuộc, có cảm tưởng thấy được bóng dáng Thùy đang ngồi trước gương chải tóc. Thùy không đẹp lắm nhưng càng gần gũi, Phan càng thấy nàng có sức quyến rũ tuyệt vời. Khuôn mặt Thùy chẳng có gì xuất sắc, ngoại trừ đôi mắt lá răm, lúc nào cũng có vẻ như đang nhướng lên. Nàng cao vừa phải, thân hình thon thả với làn da tươi mát mịn màng. Thùy ăn nói nhỏ nhẹ, giọng ngọt ngào như rót mật vào hồn Phan, nhất là những lúc hai người cùng ân ái. Thật ra Phan chưa làm tình với ai khác ngoài Thùy, nhưng đối với chàng, cái giọng nói có chất ngọt kia nhất thiết không thể thiếu được để đưa chàng đến tuyệt đỉnh khoái cảm.

Điếu thuốc cháy tàn dần, Phan rít một hơi cuối rồi đứng dậy rót một ly nước lạnh. Chàng đến bên cửa sổ, uống cạn ly nước, cúi nhìn xuống phía dưới khu chung cư. Chiều hè, ánh nắng vẫn còn gay gắt đổ lửa trên con đường loang loáng ảo ảnh. Và trước dãy cao ốc, bãi cỏ vàng úa tênh hênh vài thân

thể trong bộ *bikini* mỏng manh như những sợi dây sắp đứt. Phan nhìn nét cong lồ lộ của đám con gái da trắng đang nằm phơi nắng, lòng không mấy may rung động. Những xác thịt kia dù tuyệt mỹ đến đâu, nhưng nếu thiếu một sự đồng điệu thì cũng chỉ là một hình thức hời hợt, không thể nào lôi cuốn được Phan.

Có tiếng lách cách trong ổ khóa. Phan quay lại, bao nhiêu nỗi bực bội chợt nhanh chóng tan biến. Chàng chạy tới mở cửa, đón Thùy với nụ cười dễ dãi. Sao trễ vậy em? Rồi không chờ Thùy bước hẳn vào phòng, Phan ôm chầm lấy nàng, hôn lên khuôn mặt ánh hồng gợi cảm.

– Đứng, anh . . . Thùy nghiêng người khép cánh cửa lại, nhẹ nhàng gỡ những ngón tay Phan đang bám trên thân thể nàng như những chiếc vôi bạch tuộc.

– Có chuyện gì vậy? Em có sao không? Phan buông người yêu ra.

Thùy không đáp, đến ngồi ở chiếc ghế bành. Thật tự nhiên, chiếc áo lụa hở cổ phơi làn da nàng trắng ngần mát rượi.

– Em uống chút rượu nhé? Phan hỏi, cố kềm chế cơn rạo rức đang tràn trề.

Thùy ngược nhìn Phan, ánh mắt có một cái gì hơi lạ lùng. Vén lại mấy lọn tóc lòa xòa trước trán, nàng ngập ngừng:

– Em đã có thai.

– Em có thai? Phan ngạc nhiên, trong lòng vừa như có một trận mưa trút nước, dập tắt ngọn lửa đam mê mới phút trước còn ngùn ngụt.

Không suy nghĩ, Phan hỏi tiếp:

– Của ai? Phải của anh không?

Đôi mắt Thùy chợt long lanh. Nàng im lặng quay đi. Bên ngoài, ánh nắng chừng gay gắt hơn, tỏa hơi nóng trên khuôn mặt Thùy vừa ửng đỏ. Biết mình lỡ lời, Phan nắm tay người yêu, đặt vào lòng bàn tay mình:

– Ý anh . . . có thể đứa con là của chồng em.

– Anh bị bắt lực. Thùy cúi đầu ấp úng.

– Lâu lắm rồi tụi em không còn ngủ chung.

Có một cái gì lênh đênh trong trí óc Phan, chàng như đang bay trong một thế giới vô trọng lực. Xưa nay ăn nằm với Thùy, Phan chưa bao giờ nghĩ tới chuyện Thùy có thai. Những lúc gần gũi gần gũi, như có một thỏa ước ngầm, hai người đều không hề nhắc tới chuyện gia đình Thùy.

– Bây giờ phải làm sao? Thùy ngẩng lên, hai hàng nước mắt lăn dài trên má.

Đột ngột quá, Phan không biết phải ứng xử thế nào. Chàng ôm người yêu vào lòng, rồi bỗng dưng nghe một niềm kiêu hãnh dâng lên dào dạt. Mình sắp được làm cha! Phan reo nhỏ trong lòng, sung sướng với cái thiên chức to tát mà chàng chưa bao giờ nghĩ tới.

Phan hôn nhẹ trên tóc Thùy, cảm thấy mình như một loài cổ thụ có bốn phận che chở cho sợi tầm gửi yếu ớt.

– Ly dị. Em ly dị rồi mình làm đám cưới. Anh hứa sẽ yêu thương, chăm sóc em và con.

Thùy xô nhẹ Phan ra, giọng nhuốm chút hờn dỗi:

– Ly dị? Anh làm như dễ lắm.

Rồi mũi lòng, nàng khóc nức lên:

– Chồng em mà biết, chắc em không sống nổi.

Phan trấn an:

– Em đừng suy nghĩ nhiều. Ngay bây giờ, em có thể đến ở luôn với anh.

– Chồng em sẽ không bỏ qua chuyện này. Tính anh xưa nay du côn du đảng, em sợ anh sẽ giết em.

– Không đáng sợ như vậy đâu.

Thùy thở dài:

– Có chuyện gì mà anh không dám làm. Mấy vụ bắn nhau ở phố Tàu vừa rồi là do anh làm đó . . .

– Thiệt không? Phan hỏi theo thói quen.

Lần đầu tiên không dẫn được bực tức, Thùy lên giọng:

– Anh không tin hả? Thôi được, anh cứ để mặc em sống chết với cái thai. Nàng đứng dậy, bước về phía cửa.

– Thùy, Thùy. Bình tĩnh lại!

Phan kéo Thùy trở vô. Chàng dìu người yêu ngồi xuống chiếc ghế bành, với tay lấy mấy tờ *kleenex*, lau nhanh những giọt nước mắt ướt đầm má nàng.

– Em đừng lo, anh sẽ có cách giải quyết.

Lời trấn an của Phan như một sợi gió mỏng, không làm vơi bớt bầu không khí ngột ngạt giữa hai người. Chàng ngồi xuống cạnh Thùy, ngập ngừng muốn choàng tay qua vai người tình nhưng lại thôi. Cả hai bỗng lặng thinh. Đâu đây, một con ruồi lạc loài đang vo ve những âm thanh vô vọng ray rứt.

Ánh nắng dịu dần, lung linh vẽ trên tường những vệt nắng nhạt nhòa. Bất chợt Thùy nhồm dậy, chạy đến bên cửa sổ, len lén nhìn xuống đường. Giữa không gian chìm đắm, có tiếng động cơ vọng lại rồi tiếng Thùy thảng thốt như thủy tinh vỡ:

– Thôi chết rồi!

– Chuyện gì vậy? Phan chồm tới, kịp thấy một người cưỡi xe mô-tô vừa khuất sau hàng cây rậm rạp nơi góc đường.

– Chồng em. Chồng em. Thùy thở hắt hển, hai bàn tay hốt hoảng nắm chặt tay Phan.

– Bây giờ phải làm sao? Chồng em chắc đã biết chuyện của tụi mình.

– Đừng sợ. Phan thốt lên, chàng biết trấn an Thùy hay trấn an cho chính mình.

Từ xa, tiếng động cơ vọng đến rõ hơn rồi từ góc đường, một chiếc mô-tô lớn hung hãn chồm tới như một con ngựa chững. Người đàn ông cưỡi xe không đội nón an toàn, mái tóc dài tung bay trong gió. Trên khuôn mặt sần sùi, đôi mắt kính lớn màu đen không giấu được một vết sẹo ở một bên má. Hấn mặt

một chiếc quần *jean* rách rưới với chiếc áo chèn bằng da bạc thếp, phoi đôi cánh tay trần rám nắng, ngoằn ngoèo những hình xăm như muốn nứt ra trên các bắp thịt cuộn cuộn.

Người đàn ông rồ máy đảo mấy vòng trước tòa chung cư rồi ngừng lại ở bãi cỏ phía trước. Hấn xuống xe, gỡ cặp kính đen, nheo mắt nhìn quanh, chậm rãi bước từng bước nặng nề về phía cổng trước của chung cư. Thời gian bỗng ngưng đọng, đè nặng lên thần kinh Phan một căng thẳng tưởng có thể vỡ tung từng mạch máu. Bằng phản ứng của một kẻ đang đứng trước hiểm nguy cận kề, chàng né người tránh ánh mắt của người đàn ông vừa nhìn lên. Tim Phan đập mạnh, hơi nóng ngùn ngụt bốc lên đỉnh đầu. Chưa bao giờ chàng cảm thấy sợ hãi như vậy. Trời ạ, nếu bắt gặp Thùy trong phòng chàng, chẳng biết hậu quả sẽ ra sao. Phan thụt lùi từng bước nhỏ rồi vụt quay lại. Phải làm sao đây? Phải làm sao đây? Chàng cuống quýt như đang rơi vào một cơn trốt mãnh liệt.

Nơi góc phòng, Thùy đứng dựa người vào tường, khuôn mặt nhợt nhạt giàn giụa nước mắt.

– Trốn ở đâu bây giờ? Thùy cố dần giọng.

– Để anh tính.

– Tính gì tính lẽ lên. Coi chừng ảnh có súng . . .

Phan lúng túng, đầu óc hoang mang không còn suy nghĩ được nữa. Căn phòng bỗng như hẹp lại, trở thành một chiếc rọ nhốt hai người để chờ tử thần đến mang đi. Phan ngồi bệt xuống sàn, cảm thấy tất cả sức lực đang tàn lụi theo từng tiếng nấc của người tình. Lảng vảng trong phòng, con ruồi vẫn vo ve những tiếng trầm bổng, nhúc nhối như một vết thương đang giết lán mòn từng tế bào.

Giữa những bối rối tưởng không thể nào tháo gỡ được, bỗng dưng từ dưới đường có tiếng dè máy xình xịch. Phan bật dậy như một cái lò xo, lao nhanh về phía cửa sổ. Dưới kia, người đàn ông đang rồ ga inh ỏi, rồi trong làn khói đen mù mịt, chiếc xe vụt chồm tới trước, phóng vút đi.

Thoát nạn. Phan thở hắt ra, bao nhiêu sinh lực bỗng ào ạt trở về. Đợi tiếng xe mô-tô nhỏ dần rồi mất hẳn, Phan mới quay vào trong. Chàng cố làm vẻ thản nhiên, tiến tới vỗ về Thùy. Ôm người yêu trong lòng mà chàng thấy như đã xa cách ngàn trùng. Một quyết định đến thật nhanh, Phan nâng mặt Thùy, nhìn thẳng vào mắt nàng:

– Em phá thai đi.

Không gian như đặc lại. Thùy lặng người, đôi mắt lá rằm nhướng lên, thăm thẳm nhìn vào hư vô. Rình rập đâu đây, một đe dọa vẫn đang chờ một sơ xuất nhỏ để đổ ập xuống biết bao tai ương. Phan nhắm mắt lại. Từ vô thức, khả năng tự vệ khiến chàng không thể giữ im lặng lâu hơn:

– Em nghe lời anh đi. Anh không ngại tốn kém để em gặp các bác sĩ giỏi nhất.

Không đợi Thùy trả lời, chàng lập lại, giọng nghe có phần khẩn khoản:

– Thùy, nghe lời anh đi.

Con ruồi quanh quẩn này giờ chợt bay vụt ra ngoài, bỏ lại một trống vắng hụt hẫng.

*

Buổi chiều xuống thật nhẹ. Ánh nắng dịu dàng như rưới lên vạn vật một lớp mật óng ả. Mùa thu đã về. Những chiếc lá vàng ỏ lả bay trong gió, phảng phất một cái gì êm đềm nhưng cũng rất tha thiết. Một buổi chiều vàng. Một buổi chiều lẻ loi. Rất xa lạ trong một thành phố mà các tên đường Phan vẫn chưa quen thuộc. Ba tháng rồi, từ ngày quyết định bỏ lại tất cả để đến một nơi chốn khác, Phan vẫn không quên được người tình cũ. Vết thương trong lòng Phan như một chứng ung thư vô phương cứu chữa, cứ tiềm tàng âm ỉ, khiến chàng không còn tâm trí tập trung vào cuộc sống mới.

Phan đến ngồi ở một chiếc băng gỗ trên lề đường. Con phố hẹp chiều chủ nhật, sau một tuần bon chen mệt mỏi, nằm lười biếng giấu mình dưới hai hàng cây uya vàng sắc lá. Phan dựa người vào thành ghế, lơ đãng ngắm bầu trời bàng bạc với những đám mây bông bênh. Gió hiu hiu, hai hàng cây như cúi xuống nhìn Phan. Bỗng dưng chàng có cảm tưởng mình đang nằm dưới mộ, đếm thời gian trôi theo từng chiếc lá lìa cành, mơ mộng một ngày siêu thoát theo những đám mây. Phan chột nghe lòng rờn rợn, thấy mình chẳng còn sức lực để gượng dậy sống với đời.

Mây vẫn bay, càng lúc càng lan rộng như muốn che khuất cả ánh mặt trời muộn màng. Bất chợt, Phan giật mình tự hỏi, mình chờ đợi gì ở những đám mây kia. Một kiếp sau được gần gũi người yêu, hay chỉ là một chiếc lá vô tri giác, chưa kịp nhìn đủ bốn mùa, đã rụng rơi theo gió? Phan ôm mặt trong hai bàn tay, cái rờn rợn trong lòng trở nên nặng trĩu. Hình ảnh Thùy hao gầy với bao khốn khó như hiện diện đâu đây. Phan chột nhớ tới ánh mắt nàng, nhận thấy có một cái gì vừa xót xa, vừa sâu thẳm những thẳm kín mà có lẽ nàng chưa có dịp thổ lộ. Hóa ra bấy lâu nay Phan không hiểu Thùy nhiều lắm. Cái mà trước đây chàng cho là sự hòa điệu giữa hai người, thật sự chỉ là một đồng cảm thể xác, một đam mê thói quen mà thôi. Nhưng dù thế nào đi nữa, đối với Phan, đó vẫn là một tình yêu, một tình yêu không cần đến quá nhiều ngôn từ.

Phan vẫn ôm mặt trong hai bàn tay, đôi vai run lên vì một nỗi ân hận đang dậy sóng trong lòng. Ba tháng trước, với tiếng xe mô-tô sắc bén như một mũi dao nhọn kề trước cổ, Phan chỉ có ý nghĩ chạy trốn. Tình yêu trong giờ phút thập tử nhất sinh, không khác gì một thứ xa xỉ phẩm mà chàng không thể dùng tính mạng để đổi lấy. Lúc ấy, đưa cho Thùy một số tiền, rồi tự dứt bỏ quá khứ để đi tìm một cuộc sống mới, Phan nghĩ rằng sẽ thoát được những rắc rối ràng buộc. Nhưng bây giờ chàng biết mình lầm, đời chàng đã trở thành vô nghĩa từ khi vắng bóng Thùy. Bên cạnh đó, lương tâm Phan cứ ray rứt, không bao giờ để chàng yên ổn. Phan bỗng ước ao được như cơn gió kia,

ôm ấp những nỗi niềm của từng chiếc lá yếu đuối, dù chỉ trong khoảnh khắc. Chàng cúi xuống, nâng một phiến lá không còn nguyên vẹn, rồi nhận ra mình đã xử sự như một kẻ hèn, đã né tránh những trách nhiệm, đã vứt bỏ những tình yêu, mà lẽ ra chàng phải dang tay chấp nhận, bảo vệ, cho dù phải hy sinh cả mạng sống. Phan nhất định phải về thành phố cũ để gặp lại người yêu. Chàng đứng dậy, vùng bỏ chạy. Trong tay, phiến lá vỡ vụn như một định mệnh, cuốn hút Phan vào những thử thách mà chàng chẳng cần biết hậu quả.

Phan trở về căn phòng chàng muốn ở một chung cư, gọi điện thoại đặt vé máy bay, rồi lẹ làng thu góp quần áo dồn vào chiếc va-li nhỏ. Bên ngoài trời tối dần. Ánh nắng cuối ngày chỉ còn lảng dang trên ngọn giáo đường xa xa như một giục giã, thúc hối.

Phan xách hành lý, mở cửa bước ra ngoài. Chàng lục túi tìm chìa khóa, tiện tay châm thuốc rồi quay nhìn căn phòng lần cuối. Rít một hơi thuốc, Phan nắm nắm cửa định đóng cửa lại. Rất bình tĩnh, không như ba tháng trước có lần chàng đã phải xô vội cánh cửa căn phòng cũ, lên đi cửa sau của tòa chung cư trong lúc tiếng xe mô-tô ròn rã ở cổng trước. Nhưng rồi Phan bỗng giật nảy mình, đâu đây tiếng xe mô-tô ngày nào trở về lòng lộng. Phải mất vài giây định thần Phan mới nhận ra tiếng xe có thật chứ không phải từ một cơn ác mộng nào.

Xa xa vọng lại, rồi tiếng xe rú lên, vụt đến gần hơn như một nhát dao chém vào những vết thương chưa lành lặn trong ký ức Phan. Bằng một phản ứng tự nhiên, chàng chạy đến bên cửa sổ, nhìn xuống. Phía trước chung cư, con đường hẹp như uốn mình theo một luồng ánh sáng hùng hổ vụt đi chẳng khác gì sao xẹt. Tim Phan đập dồn dập. Trong ánh hoàng hôn tím thẫm, chàng nhận ra mái tóc dài tung bay trong gió của người cỡi mô tô. Không lẽ nào, Phan tuyệt vọng bật thành lời, thuốc trên môi vô tình rơi xuống sàn. Dưới kia, chiếc mô-tô phóng vọt đi rồi đột ngột quay đầu lại, dừng ngay trước dãy nhà đối diện. Phan nép người sau tấm màn cửa, nghe xương sống chạy dài một luồng lạnh buốt.

Bên kia đường, người cỡi xe tắt máy, bước xuống, đi lừng lững như một con gấu đang dồn mồi vào thế bí. Qua ánh đèn đường vừa bật sáng, khuôn mặt hấn hiện rõ một vết sẹo ở một bên má, và trên cánh tay trần rắn chắc, những hình xăm ngoằn ngoèo như sống động hẳn lên. Đúng là chồng của Thùy, Phan bàng hoàng. Hấn tới đây làm gì? Làm sao hấn biết được địa chỉ? Phan lùi lại, lùi lại như ngày nào còn ở căn phòng cũ, khác chăng là lúc đó có sự hiện diện của Thùy. Còn bây giờ, Phan nhìn mình run rẩy rồi chột hổ thẹn. Chàng nhắm mắt lại, bỗng dưng một ý nghĩ lóe lên trong đầu, Phan thấy mình phải một lần đến gặp chồng của Thùy. Cuối cùng, tệ nhất là một phát súng. Chàng chết, hấn đi tù; hay hấn chết, chàng đi tù, cách nào cũng tốt cho Thùy, cũng sẽ giải thoát nàng khỏi người chồng vũ phu. Phan thở mạnh, hài lòng với cách giải quyết gọn gàng của mình, rồi thật nhanh, chạy lại cửa sổ,

nhìn xuống đường để xem chừng. Bên dãy nhà đối diện, đèn dóm sáng rực như cùng tập trung chiếu vào chiếc xe mô-tô nằm một mình lẻ loi. Có tiếng gõ cửa gấp rút. Phan quay phắt lại, chồm tới chụp chai rượu trên bàn rồi lẹ làng nép cạnh cánh cửa ra vào. Với vị trí này, chàng có thể đập cho tên du đảng một cú trời giáng, nếu hắn dám tông cửa nhào vô.

– Phan à, mày có nhà không? Thành đây.

Phan nhìn qua lỗ kính trên cửa, thở phào nhẹ nhõm. Chàng mở cửa cho Thành, người bạn thân từ hồi mới du học, hiện đang ở căn phòng kế cận:

– Hê, Thành. Có chuyện gì không?

Thành lao nhanh vào, đóng xăm cửa lại:

– Tao ở đây chơi một chút...

Chưa dứt câu, Thành vội vàng chạy tới bên cửa sổ, hé màn nhìn xuống. Từ bên dưới, tiếng xe mô-tô lại xinh xịch nổ, rồi rú lên những tiếng đinh tai nhức óc.

Thành chậm những giọt mồ hôi đang chảy dài trên mặt, quay nhìn Phan, nói trong hơi thở dồn dập:

– Mày có dư tiền không? Cho tao mượn gấp mười ngàn đô-la.

– Để làm gì? Phan buột miệng.

Gỡ cặp kính cận xuống, Thành ấp úng mãi mới thành lời:

– Nói mày đừng cười, con bồ tao đang có mang với tao hai tháng... Tao, tao cần tiền để cho nó phá thai, bằng không, cả hai đứa chắc không được yên thân đâu.

Ngừng lại để nuốt nước bọt, Thành run run:

Này... này giờ mày có thấy cái thằng cỡi chiếc mô-tô quần quần dưới nhà không? Chắc nó đang tìm tao. Giọng Thành lạc hẳn đi. Nó đó... nó là thằng chồng con nhỏ bồ tao đó. □

ĐÀI SỬ

hư vô

*Vóc hoa mơn man
Gãy ngọn nắng sớm
Giọng khê chuông ngân
Đánh tiếng hoàng hôn
Tóc dài rũ ngọn
Cuốn nát cuộc đời
Bước từng vắn lẻ
Đi vào hư vô*

THƯỜNG QUÁN

đá

Người có sẽ hát ca khi người là khí hơi tan vào vùng không?
Đi! Mọi thứ đều đi qua! Hiện hữu của ta bọt rỗng
Niềm kiên nhẫn thánh thiện rồi cũng tiêu vong
— Paul Valéry

*Nơi đá biết sẽ nát hình hài với nắng
Trời đổi thay trời có nói chi đâu
Biến ánh sáng thêm một mùa thâm tạ
Thêm một ngày đi quá cuộc dài dẫu.
Chiều hôm trút ngọc ngồi run nhìn kẻ lạ
Nửa hiên ngoài con mắt đã thăm, sâu
Bóng trên bóng bao phố thành đắp mặt
Kẻ ấy đi qua, tôi đứng lại ngả đầu
Trút những bóng không phải là thân thể
Đã ôm tôi bằng khoảng cách thiên thu
Những chiếc cửa, những con đường đi xuống
Trận nắng rồi trận gió xác xao*

Chiều như một bãi lau sáng nước
Người kêu di như một mụ xẩm mù
Thơ như một tiếng nửa trưa choàng dậy
Bọt sóng hỏa trầm ao giếng cháy lò
Những vùng biển vừa đi qua khổ nạn
Cơn khát nhìn bầu trời như sơ dầu
Màu xanh trang kính! Màu xanh trang kính!
Rễ đã nằm chôn chẳng còn đau
Ai uống rễ xanh? Rễ xanh đang hút
Mạch đất và tủy đá rã màu
Những trận gió kinh hồn đã lấy đi thân tộc
Sống cơ sống đã lạc nơi nao!
Con lạch nhỏ con hoi nằm run rẩy
Vốc nước đục bốc hơi đường kẻ tay
Cộng sự không kêu chiếc dậu không nói
Đất như tim, mỗi nứt nẻ ngày
Vẫn cơn khát nhìn bóng trời trang kính
Chịu cho qua nhận hết dầu là dầu
Căn nhà trống cửa trưa bóng ảnh
Vừa đi qua, chưa tới, lại tiễn chào
Một lần gặp mấy phù sinh soạn sửa

HOÀNG TỪ QUYÊN

đốm lửa

truyện ngắn

Chuông reo hai hồi dài, báo giờ tập hợp. Năm phút sau, phòng hội đồng tấp nập những giáo viên ra vào. Huyền náo những mẩu chuyện trao đổi khi chuông vào lớp. Một cuốn phim mới, một quyển sách hay, một buổi hẹn hò . . . đang là những đề tài sôi nổi của nhóm giáo viên trẻ quây quần ở cửa lớp nhìn ra sân chơi. Mọi hôm không thể thiếu Hoàng ở “câu lạc bộ bỏ túi” ấy. Song hôm nay anh lặng lẽ ngồi một mình ở góc phòng, vẻ mặt trầm ngâm và dường như không để ý tới ai. Thỉnh thoảng, anh lại thở sâu vào, đôi mày nhíu lại. Anh đang bị dẫn dắt bởi một ý định đau xót: bỏ nghề.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại khuôn mặt của người trưởng phòng tổ chức khi anh mở tờ công lệnh ghi đậm mấy chữ “Sở Giáo Dục Thành Phố”, nói khẩn khoản:

– Tôi không hề có nguyện vọng được phục vụ giáo dục. Tôi muốn tập trung cho công tác nghiên cứu. Muốn đi dạy thì ngay từ đầu tôi đã thi vào đại học Sư phạm.

Ông trả lời gọn lỏn:

– Đó là sự phân công của trường và bộ. Tôi không thể có ý kiến gì thêm.

Ông đưa mắt nhìn người đứng bên cạnh anh. Anh bước ra khỏi phòng, bất mãn và chán ngán.

Anh về trường phổ thông, muốn kiểm tra lại mình trước khi thực sự từ chối sự phân nhiệm của tổ chức. Giờ lên lớp đầu tiên là tiết dạy thay cho một giáo viên nghỉ bệnh. Anh viết rõ hai chữ “Tất Đền” – tác phẩm anh đã chọn để làm luận văn tốt nghiệp với bao nhiêu hào hứng say mê – trên bảng và

quay nhìn học trò; anh tưởng như các em cùng muốn chia sẻ với anh lòng yêu mến ấy. Anh dừng lại ở chi tiết chị Dậu bán con, người tê đi vì xót xa. Long lanh trong ánh mắt các em là nỗi đau đớn và căm phẫn tột cùng. Anh chấm dứt bài giảng trong một cảm xúc bàng hoàng. Anh đã từng sống qua những giờ học mà người thầy và tác phẩm chiếm lĩnh trọn vẹn tâm hồn nhưng không khi nào anh có thể ngờ rằng mình sẽ tạo ra không khí đó, cảm xúc bàng hoàng đó. Anh sẽ đứng nơi đây, trên bục giảng này, vì anh đã tìm thấy thêm ý nghĩa cho việc nghiên cứu văn học. Nghiên cứu để làm gì, nếu không phải để khám phá và truyền đạt? Đối tượng để truyền đạt của anh là đây: những em học trò có trí tuệ đang khơi nguồn, có tâm hồn sáng trong và mơn mớn ước mơ đang đâm chồi, nẩy lộc. Và vậy đó, thay vì bỏ nghề, anh đã đến với ngôi trường này với một tình yêu đầu mới nhen nhúm nhưng không kém phần mãnh liệt và say đắm. Những ngày ấy, anh không bao giờ nghĩ rằng sau này mình có thể bỏ nghề.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại bốn năm trời qua dưới mái trường đậm đà những kỷ niệm đẹp đẽ. Bốn lớp học trò đã nối tiếp nhau qua cổng lớn, đến với trường đại học, đến với xã hội, với cuộc đời.

Bỏ nghề? Các em học trò của anh chắc sẽ cảm thấy nhiều mất mát. Tấm lòng các em đôn hậu và trong sáng ngàn nào. Mỗi hôm qua đây thôi, khi anh vào lớp với một bàn tay xây xát vì chưa quen với việc đóng thùng mà anh nhận làm thêm, khuôn mặt non nớt của các em bỗng chùng lại, xa xót. Giờ học ấy, các em hết sức ngoan ngoãn và tích cực. Một cách chia sẻ vô cùng đầm ấm để thương, ngoài lòng anh mong ước.

Bỏ nghề? Các bạn đồng nghiệp của anh chắc hẳn sẽ bị bất ngờ. Học kỳ I, sau khi dự tiết thao giảng, một chị bạn đồng nghiệp hẳn khoắn nhìn mãi vào cổ áo sờn, vạt hỏi anh:

– Giờ nào anh cũng dạy hết mình như thế hay sao? Sự tận tâm ấy có cái nghịch lý với cuộc sống của anh hiện giờ... tôi nghĩ như vậy.

Anh đứng sững lại một lát:

– Chị và tôi, tất cả chúng ta, các em học trò của chúng ta đều bị những khó khăn đè nặng trên mỗi cuộc đời. Cuộc hành trình mới của đất nước – chị và tôi cũng như mọi người đều đón nhận cái đáp số nghịch lý, không phải chờ khi bài toán giải xong, mà trong mỗi phút, mỗi giờ, có điều tôi tự nguyện với lòng là không để lạc bước chân mình. Tôi không nỡ đem những khó khăn của mình đến với lớp học khi các em cũng có những thiệt thòi riêng. Và lại khi bước vào cửa lớp, dường như tôi quên đi tất cả, tôi chỉ nhớ rằng mình đang là người gieo hạt và các em học trò của mình sẽ làm nên những mùa gặt lớn.

Phải, hoàn cảnh của anh hình như đã lùi bước trước những đôi mắt học trò dăm dăm nhìn anh, thương yêu tin cậy. Bỏ nghề? Đầu chỉ là ý định của hôm qua, hôm nay. Đó đã là một ám ảnh dày vò anh nhiều tháng trời.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại cử chỉ ân cần của người bạn học cũ, hiện giờ là tổ trưởng của tổ hợp sản xuất phụ tùng xe đạp, “Nếu cần, cậu cứ đến với mình, thu nhập khá lắm, vợ chồng mình bây giờ đỡ vất vả rồi, cuộc sống đã ổn định”.

Bỏ nghề? Anh nhớ lại khuôn mặt chấy nằng của một người bạn học khác, “Xin lỗi, tao tiêu một ngày bằng cả tháng lương mày! Mày định bám theo cái nghề này đến bao giờ?”

Những câu trao đổi ngắn ngủi thế thôi, thế mà bao lần anh đã tưởng đời mình đã rẽ vào một khúc ngoặt mới dưới sức ép của những lời nói đầy hiệu lực đó, trước những khó khăn dồn dập.

Ý định bỏ nghề bây giờ không chỉ vì chọn lựa nhiệm vụ này hay nhiệm vụ khác. Đó đã là sự giằng co của nhiều cách sống.

Năm ngoái, khi vợ anh trở bệnh, nằm bệnh viện nhiều ngày và phải xin nghỉ dài hạn, kinh tế gia đình trở nên mối lo toan thường nhật, anh đã quyết định bỏ nghề. Buổi chiều trước khi gửi lá đơn xin nghỉ việc lên ban giám hiệu, anh ngồi chấm xấp bài tập làm văn số bốn cho học trò. Anh chấm thật kỹ trong tâm trạng bùi ngùi nghĩ rằng đây là lần chấm bài cuối cùng cho các em. Nhưng càng chấm, nỗi vui mừng về sự tiến bộ của các em đánh bật đi tâm trạng bùi ngùi. Công sức của anh trong một học kỳ qua đã được các em thể hiện thật xứng đáng và vô cùng tế nhị. Ngay cả Ngọc Loan, cô học trò viết chính tả và ngữ pháp nặng nề trong bài viết số một bây giờ cũng đã có được lối hành văn sáng sủa. Lá đơn đó anh đã xé ngay vào buổi chiều hôm đó với cảm xúc phấn chấn cao độ.

Bỏ nghề? Quyết định ấy cho đến mãi hôm nay vẫn còn là một dự định. Khi thì buổi học cuối cùng – như anh tưởng – bỗng thật sống động. Lời giảng của anh có một đường bay hết sức nghệ thuật để đến với học trò và anh nhận được một “liên hệ ngược” như mong mỏi. Khi thì, những biểu hiện đậm đà của tình đồng nghiệp làm anh cảm kích sâu xa . . . Dự định bỏ nghề vẫn chỉ là một suy nghĩ day dứt nội tâm anh chứ chưa bao giờ được bày tỏ và càng về sau này, khi dự định đó trở lại anh càng bị dẫn dắt sâu sắc và anh hiểu rằng mỗi ngày qua dưới mái trường này lòng yêu nghề của anh ngày một thiết tha hơn. Thật đau xót thay! Anh nghĩ, nếu anh không bị những khó khăn riêng và chung chi phối, hẳn không bao giờ lòng yêu nghề đó lại bị thử thách liên tục như những ngày tháng vừa qua. Mỗi lần xếp được dự định bỏ nghề đi là mỗi lần lòng anh reo vui dặc thảng. Những lần đó, trong tâm trạng một người tìm thấy lại hạnh phúc, anh vẫn thường tự nhủ lòng yêu văn học của anh trước đây chỉ ở mức độ ngưỡng mộ một nhan sắc; phải trải qua bao nhiêu khó khăn để lòng ngưỡng mộ ấy chuyển hóa thành tình yêu chân thật và chung thủy!

Vừa bước vào lớp anh đã thấy có cái gì bất ổn. Tiếng xì xào vẫn cứ nổi lên đầu anh đã đứng trên bục. Anh vẫy tay, ngồi vào ghế. Quanh đây bàn đầu gần cửa ra vào, các em vẫn xôn xao bàn tán. Nhiều ánh mắt e ngại nhìn anh. Chắc hẳn có chuyện gì đó không hay. Sao các em không nhanh chóng nói cho anh rõ?

Hường đã bước ra khỏi chỗ ngồi. Em dùng dằng một hồi lâu như không muốn nói.

– Thưa thầy... em mới mất cây viết máy.

Mặt em tái xanh đau khổ. Giọng nói run run. Anh thở sâu vào một cái, không nói năng gì. Mọi tiếng xì xào chìm xuống. Lớp im phăng phắc. Trên khuôn mặt của anh bây giờ có vẻ gì tuyệt vọng mà các em đã bắt gặp hồi ba Tuần hốt hải tới trường báo tin Tuấn trốn học đi Đà Lạt; hồi Lan đem theo một tập giấy chằng chịt để quay trong giờ kiểm tra... Phải chi thầy có thể nói lên điều đó.

– Thưa thầy, em mới mất đây, hồi ra xếp hàng đầu giờ. Hướng nói tiếp, giọng nói nghe cứ như lời nức nở.

Anh hiểu. Gia đình em nghèo, đông anh em. Cây bút đó ba em đã hết sức chắt chiu mới mua được để thưởng cho khi em thi đậu vào cấp ba. Ngày biết kết quả, em nôn nao ra cửa đợi ba về. Quái ác thay, mọi hôm ba về rất đúng giờ, còn hôm nay bóng tối đã buông xuống mà chưa thấy ba đâu. Mãi tám giờ tối, ba mới về tới. Thì ra, ba đã biết được kết quả và tan ca, ba đi thẳng xuống phố, mua thưởng cho em cây bút máy bấy lâu nay em mong ước. Khi ba mở rộng bàn tay to lớn, lăm lem dầu mỡ cho em thấy món quà, em xúc động rưng rưng nước mắt. Ba đã yêu thương và hy sinh cho con cái cả cuộc đời ba, cây bút ấy, với Hướng, là một bảo vật. Trên trang báo tường viết về những kỷ niệm đẹp nhất, em đã viết về cây bút của ba cho.

– Thưa thầy...

Em bỗng run lên, không nói tiếp nữa. Em nghèo. Chưa bao giờ anh thấy em ăn một món quà gì trong giờ ra chơi. Nghèo nhưng gìn giữ mình từng li từng tí. Áo quần, sách vở phăng phiu, sạch sẽ. Đi học đúng giờ. Bài vở đầy đủ. Hết sức gương mẫu.

– Thưa thầy, thầy cho em...

Em bậm môi lại, ngập ngừng. Cây bút của ba cho không lẽ không bao giờ em được cầm nó trên tay nữa sao? Em sẽ nói thế nào đây với ba mà chiều nay khi ba má đi làm về? Tại sao cây bút của em lại mất ngay trong lớp? Bạn bè em, từ đây, ba má sẽ nghĩ gì?

Em ngẩng đầu lên, quả quyết, nhưng ánh mắt thầy làm em chùng lại. Thầy hiểu cả. Dưới kia, những bạn bè em tỏ thái độ đồng tình. Có rất nhiều em hăng hái bỏ cặp lên bàn, nôn nóng được nói lên rằng mình thắng thắn. Cây bút mới mất đây. Có thể ở một cái cặp nào trong lớp, nó đang sợ hãi nép sau những cuốn tập. Từ đầu năm đến giờ, lớp chưa hề bị mất cặp. Giá như bây giờ cây bút được tìm thấy trong cái cặp của một em học trò... Anh hình

dung học trò lấy cấp bị khám phá. Em sẽ cúi gằm xuống, mặt mũi đỏ bừng không dám nhìn ai để khỏi đối phó với những ánh mắt khinh bỉ. Em sẽ vênh váo, xác xơ cái lại, giữ thái độ ngang bướng? Em sẽ tìm mọi cách biện hộ đối trá, gạt lường.

Anh nhìn em học trò đang đứng trước mặt. Khuôn mặt nhỏ nhắn chưa phai nét hoảng hốt. Bất giác anh đưa tay về túi áo, nơi có cây bút máy do lớp chủ nhiệm năm học đầu tiên anh về trường tặng anh ngày các em liên hoan ra trường. Anh rút cây bút ra, giữ lại trong tay một lát. Lớp chủ nhiệm của anh năm ấy chắc sẽ không buồn, không trách anh đâu. Người học trò của anh rất xứng đáng.

– Thầy cho em.

Hường lùi lại. Cây bút Pilot 57, màu cà phê sữa, xinh xắn. Cây bút này thầy đã soạn giáo án. Cây bút này thầy đã chấm bài cho em, sửa những chỗ sai, khen ngợi em những chỗ viết hay, viết đúng. Cây bút này có khác chi người bạn của thầy. Đôi khi, những đồ vật trên tay thầy vụt biến đi đâu mất, rất lâu mới trở lại: cái đồng hồ, cái nhẫn đeo ở ngón tay áp út... chớ cây bút này từ ngày học đến nay chưa bao giờ em thấy rời thầy. Nó theo thầy, gần gũi, thân thiết biết chừng nào. Không, sẽ không bao giờ em dám nhận.

Thầy vẫn đưa cây bút về tay em:

– Cây bút kia, ba cho em phải không? Thầy cho em cây bút này, em cứ coi như...

Thầy còn trẻ, trẻ hơn ba nhiều lắm, nhưng chưa bao giờ em làm trái ý thầy, cũng như ở nhà, em đoán trước ý muốn của ba. Em không thể nào... Em nhìn thầy. Thầy nhìn vào mắt em. Ánh mắt thầy như ánh mắt ba. Thương mến bao dung. Nước mắt bắt đầu rưng lên. Em muốn lắc đầu. Nhưng thầy đã đặt cây bút vào những ngón tay đang run rẩy của em. Em đi về chỗ. Tủi cực quá, em gục xuống bàn khóc lên nức nở.

Trên này, anh đã mở sổ kiểm tra bài. Bài tiết giảng văn, “Tầm nhìn xa” hôm ấy đã trở thành một trong những lần lên lớp thoải mái nhất của anh.

*

Anh về nhà muộn hơn thường lệ. Khi thấy vợ anh ra đón ngoài cửa có vẻ thư thái, lòng anh như nhẹ nhõm.

– Học trò đợi anh này giờ. Anh kéo ghế ngồi cạnh người học trò. Em nhìn dăm dăm xuống bàn. Em cao lớn là thế, bây giờ trông nhỏ bé hẳn đi. Tâm trạng nặng nề không chỉ để dấu ấn trên gương mặt bơ phờ mà còn hằn lên dáng điệu và cử chỉ. Em không nói và không nhìn anh. Nhưng phút im lặng lúc này đối với anh quý báu xiết bao. Em bỗng đưa tay nắm lấy tay anh. Cái táo bạo có thể hiểu được. Lòng bàn tay của em ướt dầm mồ hôi. Em đứng lên và đến lúc đó em mới dám nhìn thầy. Đôi mắt con trai thường ngày lạnh lẽo, giờ này bỗng đỏ hoe lên khi nói mấy tiếng rất nhỏ mà rõ mồn một: “Em xin lỗi thầy”. Anh đặt bàn tay của anh lên vai em nhẹ nhàng âu yếm. Bóng

em mất hút trên con đường đã bắt nắng hoàng hôn. Anh cúi xuống, triu mến nhìn cây bút máy trên lòng bàn tay mình. Vài giờ, trước đây, cây bút đã bị hoen ố; và trên tay anh lúc này, vết hoen ố đã được gột rửa để cây bút hồi phục lại nét tinh khiết thường ngày. Sự tinh khiết trải qua thử thách càng sáng ngời và đẹp dễ. Niềm vui cứ như đợt sóng trào dâng, lớn mạnh vỗ vào tâm hồn anh, làm mềm mại những góc cạnh mới đây thôi đã làm anh nhức nhối.

Con đường trong nắng chiều đi xuống như bỗng rực sáng hẳn lên. Trên con đường ấy, em học trò của anh đang trở về nhà, đang muốn khóc, đang muốn mỉm cười, đang muốn xúc động đến nghẹn ngào như anh bây giờ. Cái bực giảng, chỉ trong khoảnh khắc thôi, anh hiểu rằng sẽ là nơi khám phá vô tận về lòng trân trọng và yêu mến con người. □

LƯU HY LẠC

giữa đêm

*Khuya dạm hỏi củi mười phương
Lòng chuông hừng mọi phía giương mắt nhìn
Thê thiếp chảy nước ân tình
Lội dưới bất chi ảnh hình lư không
Gọi giết giọng ngập mặt sông
Lũ lư cuốn mất dấu đồng quanh mơ
Nhón nháo ở ngõ ngách, bờ
Bật dựng dậy mở cơ hờ thịt da.*

không đề

(Gửi TPK)

*Ngó về nưc thê lư lư
Giữa gang tấc mà rợn tóc người
Mặt âm hồn mở mắt cười
Đợi tối bữa chụp bóng đời trăm luân
Có chăng đôi chữ gian truân
Mới hôm sớm nhuộm buộc hần đời đau . . .*

LUÂN HOÁN

một chút buồn bỗng dừng

bài một

*ngoảnh lại một đời bát ngát thơ
đời ta lộng lẫy quá không ngờ
cảm ơn thiên địa cho ta thơ
cảm tạ giai nhân dạy ước mơ*

*ta đã yêu em đến thế à?
lòng ta em còn hiểu hơn ta
lâu nay cứ tưởng mình vay mượn
một chút tình em để thở ra*

*chợt biết rằng em quý hơn thơ
chợt hay ta sống đến bây giờ
chẳng qua là để làm thi sĩ
trau chuốt em thành những áng thơ*

*tội lỗi này đây sám hối chăng?
bao nhiêu kinh kệ chắc không bằng
thả rơi thân xác vào cát bụi
trần trọc làm chi nữa ánh trăng!*

*ta đã về sai chỗ ta đi
hồn đâu linh hiển mà em quý
câu thơ tuyệt mệnh không đành viết
em thử coi giùm trên khóe mi*

*à thế . . . là em cũng còn yêu
lòng ta sung sướng biết bao nhiêu
một giây ảo tưởng hồn siêu thoát
đừng khóc thầm em, chỉ bấy nhiêu . . .*

bài hai

*cử tưởng rằng tôi đang tiễn người
bước năm mươi bước lại quay lui
quần quanh phòng khách xoay vào bếp
bước mãi không qua nổi ngưỡng*

*người đã đi rồi, chắc thành thơ
ta chứng như thấy trên vành môi
vết răng ghim giữ dòng hận tủi
vừa rơi vào tim ta đó thôi*

*ôi lệ của người hay của ta
hình như cũng ngân đó xót xa
xin người cho phép ta nâng bút
sao khựng tay vì người hay ta?*

*thôi thế đành thôi, bất lực thôi
tưởng thơ thay đất tiễn chân người
nhói lòng hiểu rõ từng hồn chữ
không công giùm nhau cạn hết lời*

*thôi thế đành thôi, bất lực thôi
bước năm mươi bước lại quay lui
tiễn người chỉ ngộ chân ta bước
quanh quần buồn theo một kiếp người*

THẾ UYÊN

những du ký của tương lai

diễm sách

Từ nhiều năm, tại hải ngoại, hồi ký là một trong những thể văn được sử dụng nhiều. Cả một quốc gia đã tiêu tủng ở Đông Nam Á đâu phải là chuyện nhỏ, do đó từ cấp lãnh đạo đến thường dân – chưa kể những nhà báo nhà văn – thiếu gì điều để ghi lại, phổ biến cho nhau biết, và để lại chứng từ cho thế hệ sau. Nhưng dù do ai viết chẳng nữa, thể văn hồi ký, như tên gọi của nó, vẫn là chuyện hướng về quá khứ và của quá khứ. Đọc những cuốn sách này, cùng lắm là độc giả rút ra được một số kinh nghiệm nào đó về lịch sử.

Nhưng vấn đề là *Việt Nam bây giờ* và Việt Nam tương lai sẽ ra sao? Người đọc gốc Việt hải ngoại từ nhiều năm thường chỉ tìm hiểu được những vấn đề này qua những ký giả báo chí, vô tuyến truyền hình, các nhà sưu khảo . . . không phải là Việt Nam mà thôi. Ít có báo chí, hội đoàn đoàn thể nào của người Việt cử người về tận nội địa để tìm hiểu mọi vấn đề. Bởi thế có sự mỉa mai đâu đây là làm người Việt hải ngoại mà cứ phải tìm hiểu các vấn đề của đất nước mình xuyên qua cái nhìn của người ngoài.

Phải đợi sang thập niên 90, với tình hình thế giới đổi thay, sự đối nghịch Nga-Mỹ không còn, chúng ta mới thấy xuất hiện một thế hệ mới, tinh thần mới, thay thế cho “thế hệ nội chiến” và tinh thần cũ của chiến tranh lạnh. Những người viết có tinh thần mới và thế hệ trẻ hơn này biết hưởng tự do và cư xử như người tự do hơn nhiều. Họ đi đây đi đó, đi Đông Âu như Phạm Quốc Bảo, đi Nga như Đinh Quang Anh Thái . . . và dĩ nhiên họ không ngại gì mà không về thăm quê hương cũ Việt Nam. Những du ký về những nước Cộng sản của Đông Âu cũng như về chính Việt Nam, lần này do người Việt viết, mỗi ngày xuất hiện mỗi nhiều.

Nhưng in thành sách, về Việt Nam, viết có nhận xét chu đáo với suy tưởng đáng kể, mới có được hai người. Đó là Bùi Đông Triều và Nguyễn Quốc Cường. Hai người này đều không phải là nhà văn nhà báo, họ chỉ là những chuyên viên kinh tế mà thôi. Không làm chính trị do đó không bị lập trường chính trị nào bóp méo cái nhìn của mình, hai người này đã không những cung cấp được cho độc giả gốc Việt hải ngoại những ghi nhận về Việt Nam hiện tại, mà còn đưa ra được những suy nghĩ, dự đoán cho Việt Nam tương lai.

*

NGƯỢC GIÒNG CỬU LONG của Nguyễn Quốc Cường

Ngược Giòng Cửu Long, Ký Sự Một Chuyến Đi của Nguyễn Quốc Cường, không đề tên nhà xuất bản, xuất bản tại Houston, Texas, USA, 1992. Sách 110 trang, hình bìa của Trần Cao Linh, không đề giá bán cũng như không ghi địa chỉ phát hành.

Mở cuốn du ký ra, độc giả nên lướt qua phần “Mở đầu” bởi vì tác giả dùng phần này lo rào trước đón sau, chắc là để đề phòng nhỡ có ai chụp nón cối sau này – mặc dù bản thân tác giả đã từng là cựu sĩ quan bộ binh của quân lực miền Nam xưa kia.

Nhưng đến trang 7, tác giả đã dám đi một đường “ta cứ là ta” để nhận xét như thế này về quyết định di Việt Nam của mình: *“Tại sao họ (những ký giả, cựu chiến binh Mỹ) về được mà mình lại không dám về? Đáng lẽ họ phải là những người có một lòng hận thù hơn chúng ta, vì không có một mối tình tự dân tộc, tuy vậy, tại sao họ tự cho họ cái quyền thăm thú và bàn tán về đất nước tôi, dân tộc tôi? Tại sao họ lại tự cho họ cái quyền có một thái độ rộng lượng, trong khi chính tôi lại bị phủ nhận cái quyền đó của mình?”*

Đã nghĩ như thế thì tác giả đi thôi. Và ghi lại những nhận xét và cảm nghĩ, về Việt Nam hiện tại, về cả quá khứ nữa.

Riêng về nhận xét về quá khứ, Nguyễn Quốc Cường đã độc đáo ở điểm chiếu cái nhìn của chuyên viên kinh tế vào vấn đề nguyên nhân đưa đến thất bại của hai miền Nam Bắc trước đây:

“Vào khoảng thời gian đó, miền Bắc đã không còn nghĩ đến việc bảo tồn sức sống của dân tộc và đã dồn toàn lực vào việc xâm chiếm và tận diệt miền Nam. Trong khi đó, chiến lược chống đỡ của miền Nam cũng đưa đến việc dồn mọi phương tiện nhân sự vào chiến cuộc, thiếu một chính sách nhân dụng dững dẩn và hợp lý để bảo tồn tài nguyên và nhân lực quốc gia. Đảng Ká-ki đã tràn ngập và chằng chịt trong mọi cơ cấu và hệ thống. Những sự bố nhiệm quân nhân vào mọi ngành, mọi cơ quan, quy chế ngấm đặc quyền đặc lợi lan tràn, đưa đến tình trạng tê liệt những hoạt động của chính phủ trong những lãnh vực ngoại giao, thông tin, phát triển, đưa uy tín miền Nam đến một cấp độ yếu kém thê thảm. Chính phủ và dư luận quân chúng tại những nước Tây phương, đáng lẽ phải thuận lợi cho miền Nam Tự do, thì phần đông lại tỏ ra khinh miệt, khiến cho những tầng lớp sinh viên Việt Nam du học tại đó trở nên hổ thẹn với

sự liên hệ với miền Nam, và khi họ lên tiếng chỉ trích thì thường bị chính quyền vờ dũa cả nắm và coi tất cả là “thiên tả”, “Cộng sản”. Trong khi đó thì chế độ quân dịch mãn đời đã đưa những tinh túy của dân tộc vào vòng lửa đạn . . .” (trang 33-34)

Tuy có cái nhìn quá khứ như trên, Nguyễn Quốc Cường không để quá khứ ám ảnh và chi phối tương lai. Anh viết: “. . . Tôi thừa biết rằng không thể, và cũng không nên, hy quên những gì đã qua và không bao giờ trở lại. Chỉ bằng hãy nghĩ đến những gì mọi người có thể đóng góp được vào việc gây dựng tương lai, trong những điều kiện và hoàn cảnh hiện tại, và vĩnh viễn đóng trang sử đó lại, đồng thời hy vọng rằng những kinh nghiệm đau thương trong quá khứ sẽ khai phóng lòng người, để cho những trang sử mới không còn chứa đựng những đổ vỡ”. (trang 42)

Với “một lòng người” đã được “khai phóng” như thế (chữ của chính tác giả), Nguyễn Quốc Cường đi trên mọi nẻo đường, mọi phố phường của Việt Nam, và đã nhìn thấy nghe thấy và có những nhận định khá chính xác về mọi vấn đề của Việt Nam cuối thế kỷ 20. Dưới đây người điểm sách chỉ nêu lên vài mục chính, về những vấn đề người Việt hải ngoại đang quan tâm nhất.

Về thế hệ nội chiến và thế hệ hậu chiến: Nguyễn Quốc Cường đã đưa ra nhận định căn bản sau: “Nếu cả hai bên (Quốc và Cộng) vẫn tiếp tục giữ một thái độ quy trách tập thể như trên thì, chẳng lẽ, mỗi thù thù nào sẽ phải tiếp tục lưu truyền qua bao nhiêu thế hệ? Mặt khác, những thế hệ hậu sinh có sẵn sàng chấp nhận nuôi dưỡng một mặc cảm hận thù hoặc tội lỗi cha truyền con nối không? Tôi vẫn nghĩ là không, và ý tưởng này đã được kiểm chứng, một phần nào, qua những câu chuyện của tôi với những thế hệ ở Việt Nam”. (trang 44-45)

Tác giả cho biết trong những trang kế tiếp tâm trạng của thế hệ hậu chiến tại Việt Nam. Đối với con cháu các đảng viên Cộng sản kỳ cựu, lớp này mặc dù phê phán nặng lời lỗi lầm của đảng trong quá khứ, nhưng chỉ đòi hỏi cha chú trao quyền lãnh đạo về kinh tế lại cho mình mà thôi. Đối với lớp trẻ ngoài đảng, dù họ có tốt nghiệp từ các nước Đông Âu và Liên Xô cũ chẳng nữa, nguyện ước của họ về tương lai vẫn không bao gồm mục lật đổ đảng, phá hủy chế độ. Lý do vì:

“Mặc dù những người trẻ mà tôi đã gặp và nói chuyện, cũng có thể được coi như những thành phần cấp tiến, nhưng đâu sao, họ cũng thuộc thành phần thống trị, cho nên không tránh khỏi khuynh hướng thiên về sự bảo vệ những định chế, và tỏ ra không muốn cố võ cho những trào lưu cải tổ sâu rộng, mà họ cho là có thể đưa đến những sự xáo trộn khó kiểm soát. Đó cũng là một quan điểm thận trọng để giải thích, vì những xáo trộn ở Đông Âu, ngoài việc đưa đến sự hỗn loạn xã hội, còn làm tiêu hủy tất cả những tầng lớp được tâu đãi, trong đó có họ. Có lẽ chính điểm tâm lý cấm cản đó đã làm cho những thành phần trẻ cấp tiến sẵn sàng nhượng bộ phe bảo thủ và chấp nhận những hạn chế cởi mở chính trị”. (trang 50-51)

Nguyễn Quốc Cường cũng nhận xét khá sâu sắc về thái độ của thành phần dân “Ngụy” cũ. Đối với những người thuộc diện được phép ra đi, diện đoàn tụ gia đình hay H.O., thì co cụm lại tránh mọi phiền nhiễu, để cho chuyến đi sau này của mình được an toàn. Còn đối với đại đa số, do chính sách đổi mới, đã dễ thở hơn trước nhiều nên đã có thái độ thỏa hiệp trên thực tế. Thái độ này thật dễ hiểu và Nguyễn Quốc Cường đã diễn tả bằng những hình ảnh khá sống động như sau:

“Họ như những người đang từ một nồi nước sôi, nay được thả vào một nồi nước, tuy trong thực tế, vẫn còn nóng, nhưng, đối với họ, cũng đã đem lại một cảm giác tương đối mát mẻ, dễ chịu hơn trước. Cũng chính vì lý do đó, mà những người còn ở lại đều thực sự muốn tận dụng những cởi mở kinh tế để tạo dựng cho mình một vị thế tương đối vững chắc và an toàn”. (trang 53)

Vấn đề tồn vong của chế độ Cộng sản Việt Nam: Nhiều người Việt hải ngoại thường bị ám ảnh bởi câu hỏi sau: Liệu chế độ Cộng sản cổ lỗ sĩ này còn tồn tại bao lâu nữa? Có cơ may nào lật đổ chế độ đó không? Nguyễn Quốc Cường đã giải đáp như sau:

“Trừ phi nhà nước Cộng sản trở lại một chính sách hà khắc và cấm đoán những quyền tự do buôn bán, thì những sự bất mãn của dân chúng sẽ chỉ ở mức độ chủ trích, ta thán và châm chọc, và khó có thể trở thành những mầm mống nội loạn”. (trang 51)

Vấn đề dân chủ: Nguyễn Quốc Cường là một chuyên viên kinh tế, về Việt Nam để khảo sát thị trường cho ngành hàng không . . . ngoại quốc, vậy mà anh lại có những nhận xét tới nơi tới chốn về vấn đề dân chủ tại Việt Nam, xưa cũng như nay, trong cuốn sách có số trang khiêm tốn này. Cách nhìn của anh, lối phân tích của anh, là của một trí thức ngay thẳng và sáng suốt nữa.

Trong phần “Tổng kết một chuyến đi”, tác giả đã viết ra nhiều đoạn rất văn chương về bút pháp, và rất tình người về nội dung, thí dụ như đoạn sau:

“Nếu tôi là nhà tu hành, thì tôi sẽ không thể cầm được lòng từ tâm, và sẽ phải nghĩ đến những cách cứu giúp những đứa trẻ ăn mày hoạn nạn nói trên. Nếu tôi là người y sĩ, thì tôi không khỏi bị ám ảnh bởi những đau đớn của nhân loại, nhất là nếu phần nhân loại đó lại là những người cùng dòng máu với tôi. Nếu tôi là một nhà giáo, thì tôi sẽ phải băn khoăn, và tìm cách cứu vớt những đầu non vô tội để đem chúng ra khỏi cảnh tối tăm của trí óc. Nếu tôi chỉ là con người đứng trước những cảnh khổ của con người, liệu tôi có thể kìm hãm được cảm xúc hay không? Liệu tôi có để cho những ràng buộc hoặc ám ảnh của quá khứ vây hãm và chặn bước chân tôi?”. (trang 93-94)

Câu hỏi tác giả nêu lên trên đây là một vấn đề lớn, một vấn nạn cho lương tâm mỗi con người Việt hải ngoại, dù họ trước đây đã rời Việt Nam vào thời điểm nào và với tư cách gì. Nhưng dù cách trả lời của mọi người có thể khác nhau, đưa đến những thái độ và hành động khác nhau, nhưng họ sẽ ít hay nhiều lâm vào tâm trạng mà tác giả miêu tả giản dị như sau, ở phần cuối cuốn sách gần trang nhưng nhiều ý này:

“Tôi về để thấy một quê hương xa lạ, một dân tộc không còn là của tôi, vì tôi đã có những gắn bó khác. Dù cho tôi có nói cùng ngôn ngữ với họ, nhưng tôi cũng vẫn cảm thấy những cách biệt nào đó giữa họ và tôi... Đất nước Việt của tôi, ngày nay, đối với tôi, đã trở thành quê ngoại, một nơi tôi sẽ tiếp tục tới thăm, và khi xa cách, tôi sẽ luôn luôn mong nhớ”.

“Nhưng tôi sẽ không trở về”.

*

CON ĐƯỜNG CÁI QUAN CỦA ĐỆ TAM THẾ GIỚI của Bùi Đông Triều

Con Đường Cái Quan Của Đệ Tam Thế Giới, *Bút ký của Bùi Đông Triều, do T&D Associates xuất bản, Virginia, USA, 1992. Trần Văn Thế trình bày, phụ bản của chính tác giả, 162 trang, giá đề US\$10.00. Địa chỉ phát hành: 644 University Blvd. East, Silver Spring, MD 20901, USA.*

Nếu lùi ra xa một chút mà nhìn lại, chúng ta dễ thấy một đặc tính của nền văn học Việt Nam hải ngoại trong gần hai thập niên vừa qua. Đó là *Buồn*. Là *Nghiêm Túc*. Là *Ưu Thời Mẫn Thế*... Lướt một vòng quanh báo chí hải ngoại từ 75 tới nay, ít thấy có mục khôi hài, châm biếm.

Kiểm điểm những người cầm bút, hầu hết đều viết nghiêm túc, làm thơ buồn hiu. Mãi những năm gần đây chúng ta mới thấy xuất hiện một vài người viết vui (và dĩ nhiên hay nữa) như Vũ Huy Quang, Bùi Bảo trúc, Đỗ Kh... Vấn đề đặt ra là: sự thực cộng đồng Việt hải ngoại nói chung có phải là một cộng đồng buồn thiu, tới ngày than thở theo cái kiểu: “*Khô héo lá gan cây đình Ngự, Buồn vui giọt lệ nước sông Hương*” hay không? Câu trả lời, đối với tuyệt đại đa số, sẽ là không. Nếu bị hỏi cho rõ thêm, thì câu trả lời sẽ đại khái là “Cuộc đời có buồn nhưng cũng có vui”.

Trong khi chờ đợi những chủ biên các báo, các người cầm viết đủ loại phản ảnh trung thực hơn nữa cuộc sống hải ngoại – nghĩa là gồm cả buồn lẫn vui – thì cuốn bút ký *Con Đường Cái Quan của Đệ Tam Thế Giới* của Bùi Đông Triều vẫn dễ nổi bật về đặc tính thứ nhất của nó, là vui và lạc quan. Tính chất vui, lạc quan này biểu lộ ngay từ lối chọn hình minh để đăng ở bìa chót: Bùi Đông Triều khoanh tay mà cười – chứ không chọn hình nghiêm trang như đa số các tác giả khác. Như vậy chưa đủ. Mở sách đến trang 3 đã thấy tác giả để cả trang cho lời trích dẫn sau: “*Nụ cười là ký hiệu của sự đau khổ... đã vượt giai đoạn của nước mắt*”. (Và tác giả cũng vui tính đến độ không buồn chú giải câu nói này là của ai nữa! Ai mà chịu khó đọc đến trang 147 mới hân hạnh được biết đó là một ông triết gia Hegel nổi tiếng vì viết lách rất là nhức đầu).

Vốn là một chuyên viên, có dùng chữ thượng thặng cũng không sai lắm, về kinh tế, Bùi Đông Triều đã mang cái tài kinh bang tế thế của mình đi phục vụ khắp thiên hạ, từ Mỹ, Pháp, các nước Tây Phi tới Mã đảo, và Lào nữa. Anh đã đặt bước chân từ hải giai huynh đệ ấy đến Thái, và dĩ nhiên... cả Việt Nam nữa. Hậu quả là, như chính anh đã thú nhận:

“Tôi đã bước chân trên những con đường đa dạng. Có đối tượng (các nền văn hóa các nước dị biệt anh đã sống) để phân bì, nên lúng túng trong việc lựa chọn phương cách khẳng định sự hiện hữu của mình”. (trang 23)

Mang “vấn nạn” ấy ra hỏi vợ thì bị nàng mắng liền: *“Anh thật gàn dở, ám ớ! Cỏ mọc đầy sân không chịu cắt. Con khóc không chịu dỗ, cứ ngồi đó làm ông đồ gàn mãi.”* Tuy vậy, sau đó nàng cũng góp ý: *“Trước khi anh đòi ‘chọn’ nước Mỹ, thử hỏi dân Mỹ có ‘chọn’ anh không đã nào?”* Trước lời phản truyền như vậy của vợ, Bùi Đông Triều đã thoái mái kết luận: *“Vợ mình thì đương nhiên có lý rồi. Và cũng rất tình nữa chứ”*. (trang 15-16)

Ở nơi anh có một sự ngay thẳng, như Trần Tế Xương, Hồ Xuân Hương thuở trước (nghĩa là không ngại nói tới chuyện sex với một nụ cười đầu đó). Khi đến Tây Phi phục vụ, thấy toàn phụ nữ đen thùi lùi, anh mất tinh thần thấy rõ. Nhưng rồi:

“Tôi mới bước chân đến Phi châu, tôi nhìn quanh mình rồi tự nhủ sẽ đi tu. Chẳng phải khó khăn gì, hoặc khinh rẻ ai. Chỉ tại mình không quen mắt mà thôi! Một tháng sau, ra đường thấy mấy bóng đen cũng không đến nỗi nào. Ở thêm hai tháng nữa, lại thấy họ duyên dáng, hàm răng cười trắng ra phết. Cho tới khi tu được sáu tháng thì thấy ai cũng đẹp hết. . . . Để rồi vui vẻ đi đến kết luận buồn bã rằng mình thật không có căn cốt tu đắc đạo!”. (trang 20)

Trong thời gian ở Bangkok, anh tình cờ gặp một cô gái đẹp như mơ, kích tác lý tưởng. Anh tán, mời về phòng và: *“Rồi tôi ngắm cặp đùi dài như dòng Cửu Long, và trắng như dải Ngân hà của cô mà thấy nổi máu nóng, muốn làm nhà thám hiểm đi lên tận nguồn sông. Cô gái mặc cỡ, má đỏ ửng như mạn Chiang Mai, cử khúc khúc ngồi gác chân chữ ngũ. . . như bực giữ oản! Thôi đời, của gì càng che giấu lại càng nhiều cám dỗ, tôi đành nài nỉ. Nhân nài nỉ nỉ. . . Nhà thám hiểm tôi được đích, chuta kịp ca khúc ca chuyển thắng, đã khám phá ra. . . có cả cây cổ thụ chắn ngang dòng suối! Tôi tỉnh hẳn rượu, tỉnh hẳn cơn mê. . . Hóa ra cô gái này là một Cậu Gái! Tôi vội vã mời cậu xuống nhà. . .”* (trang 137-138). (Xin chú giải: Cậu Gái, người Mỹ thường gọi là She-Male, không phải là người lạ cái mà là một phụ nữ có đủ vóc dáng nữ, kể cả bộ ngực. Chỉ có cơ phận sinh dục lại là của nam nhi bình thường).

Nếu Bùi Đông Triều ngưng câu chuyện kể ở đoạn trên thì anh cũng . . . thường thôi! Nhưng tác giả đã xứng mặt nam nhân quen thói giang hồ vùng vẫy, bằng cách viết thêm như sau: *“Sau đó tôi trần trọc, không hiểu sao cậu gái lại có một nhan sắc quyến rũ đến như vậy. Rồi nhớ tới một đoạn văn của André Gide: “Phải tận hưởng mọi khía cạnh của cuộc sống!” tôi bỗng tìm ra chân lý, vùng dậy, chạy như bay xuống nhà, cốt sao kiếm lại cậu gái. . . . Than ôi, cậu đã mất dạng rồi. Xin dành lỗi hẹn cùng ông Gide!”*

Bùi Đông Triều cũng kể lại cho chúng ta về những người Việt độc đáo mà anh đã gặp ở những xứ xa xôi ấy: Một phụ nữ giàu có làm chủ động điểm ở Bangkok vốn gốc Huế học Couvent des Oiseaux; bà Tàu chủ tiệm cơm ta ở Côte d'Ivoire đã lấy Tây, lấy Ta, lấy Mỹ, lấy Tây đen già rồi sau cùng lấy

Tây đen trẻ xứ này; một phụ nữ Bắc mặc áo tứ thân bán hàng giữa chợ xứ Niger (bà đi quá lâu nên tưởng phụ nữ Việt Nam còn ăn mặc như vậy); ông nhà nho tân thời uống Chivas ôm gái tơ xứ Kenya; cô vũ công xinh đẹp đa tình ở Madagascar (xuất thân bán thuốc lá lẻ trên vỉa hè thành phố Hồ Chí Minh); ông cư sĩ Phật giáo ở Liberia mong hoàng dương Phật pháp bằng cách sáng chế ra tràng hạt có năm hạt thôi (để khế cơ khế hợp với dân bản địa vốn hơi kém toán!)

Nhưng dĩ nhiên Bùi Đông Triều viết sách không cốt chỉ để kể chuyện đường xa xứ lạ cho bà con nghe. Khi chọn nhan đề *Con Đường Cái Quan của Đệ Tam Thế Giới*, anh đã bộc lộ nguyện ước muốn đi tìm một đường lối kinh tế chính trị tốt nhất cho những nước Á Phi mới độc lập sau đệ II thế chiến, đặc biệt là cho Việt Nam.

Vấn đề đầu tiên anh cố giải quyết là độc lập hoàn toàn về chính trị có là chìa khóa cho phát triển kinh tế hay không. Và bài học thứ hai là bài học ngược anh đã tìm thấy ở xứ Côte d'Ivoire. Lãnh đạo xứ này sau khi độc lập đã không thực hiện thủ độc lập chính trị toàn diện, mà mời chuyên viên Pháp ở lại giữ mọi chức vụ lớn và trung cấp trong chính quyền, thậm chí cho Pháp để cả một trung đoàn ở lại. Hậu quả là đất nước này phát triển nhanh, thủ đô hào nhoáng xa hoa không thẹn với năm châu bốn biển. Làm Bùi Đông Triều phải nhận xét như sau:

“Dù biết xứ [Côte d'Ivoire] vẫn còn mắc trong vòng kèm tỏa của cật mẩu quốc [Pháp] song thực tế là người nông dân, người lao động Ivoirien đã được hưởng thái bình, gia đình không tan nát vì bom đạn, không mắc thảm cảnh chia ly, kẻ di người ở lại. Lại có mức lợi tức bình quân cao gấp năm lần lợi tức người nông dân, người lao động Việt. Tôi tự hỏi tranh đấu chính trị nhằm mục đích lấy lại chủ quyền hay là làm cho dân giàu. Độc lập mà nghèo hèn, hoặc nó lệ mà trù phú, thì con đường nào ít cay đắng, ít tủi hổ hơn? Nghi mãi cũng chưa thấy có câu trả lời nào thỏa đáng”. (trang 42)

Bùi Đông Triều đặt câu hỏi như trên là để dẫn tới những vấn đề khác, chứ tác giả dư biết là dân Việt vốn quen “thà chết chứ không làm nô lệ” từ lâu rồi. Bởi thế anh phóng tầm nhìn về các nước Đông Á và Đông Nam Á để coi những quốc gia cùng hoàn cảnh với Việt Nam đã giải quyết vấn đề chủ quyền chính trị và phát triển kinh tế quốc dân ra làm sao. Với tư cách một chuyên viên đi làm cố vấn kinh tế cho nhiều nước khác nhau, anh tóm lược rất hay tương quan giữa chủ quyền chính trị và viện trợ cùng đầu tư của ngoại quốc như sau:

“Đến giờ này, các nước châu Phi (và một số nước ở Á châu nữa) vẫn còn trong vòng kèm tỏa kinh tế lẫn chính trị của Âu Mỹ.

Phương tiện kèm chế cũng nhiều. Trật hết phải kể đến chính sách Viện Trợ. Mục đích của viện trợ là giúp cho các nước nhược tiểu có vốn để phát triển nền kinh tế bản xứ. Giúp vốn bằng cách cho vay tiền với lãi suất thấp, hoặc cho không. Viện trợ có thể theo dạng song phương: nước tiên tiến trực

tiếp cho tiểu quốc vay. Hoặc viện trợ qua các cơ quan quốc tế (như Ngân hàng Thế giới, Quỹ Tiền tệ Quốc tế) theo dạng đa phương. Song chính sách viện trợ – dù song phương hay đa phương – luôn luôn có những điều kiện đính kèm. Chẳng hạn như phải mua thiết bị, dụng cụ của nước viện trợ sản xuất... Hoặc phải thuê chuyên viên do cơ quan viện trợ chỉ định. Trừ qua trừ lại, số tiền viện trợ thực sự tới tay người nhận bị thuyên giảm rất nhiều.

Chính sách viện trợ song phương của nước tiên tiến cũng nhằm củng cố quyền lợi của chính mình trước đã. Hãy nghe ông Chester Crocker, một nhân viên cao cấp của chính quyền Reagan luận về đề tài trên:

“Chính sách viện trợ song phương của chúng tôi hướng về những lãnh vực nào có lợi cho chúng tôi, và sẽ được dùng để thúc đẩy chính quyền bản xứ thay đổi chính sách hầu đem lại lợi ích cho thành phần tư nhân tại bản xứ và tại nước ngoài (Mỹ quốc)” (Báo South, số tháng 11-1981, bài của D. Peiris).

Lâu lâu nước dần anh lại dọa dẫm cắt viện trợ để làm áp lực chính trị với chính quyền bản xứ, bắt thay chính sách này, đổi chính sách kia!

Trong lúc đó, các chuyên gia lại đề ra thuyết “Phân công quốc tế”, khuyên nhủ tiểu quốc nên chuyên về những ngành sản xuất, những hoạt động cần nhiều nhân công và kỹ thuật thấp... như ngành nông chẳng hạn! Lý thuyết thì thật chỉnh, nhưng trên thực tế đã “lệ thuộc hóa” nền kinh tế tiểu quốc: buộc tiểu quốc vào vai trò cung cấp nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp, và biến tiểu quốc thành thị trường tiêu thụ sản phẩm kỹ nghệ của nước tiên tiến. Sự liên hệ trên tương tự như liên hệ mẫu quốc và các thuộc địa hồi thế kỷ 19!

Sau chót, những vị cố vấn Âu Mỹ tại Phi châu cũng có thể coi như phương cách trực tiếp để “giám sát” các nước bản xứ”. (trang 73-76)

Đó là một mô tả chính xác và thực tế. Nhưng là về phía chính quyền giàu mạnh của các nước Âu-Mỹ, Nhật. Còn các chính quyền các nước nhỏ chậm tiến đối phó (và sử dụng) ra sao đối với chính sách trên, thì mỗi nước một khác. Bùi Đông Triều đã dành nhiều trang sách để cho chúng ta biết rằng: Có những nước may mắn có thành phần lãnh đạo sáng suốt và giỏi, thí dụ như Nam Hàn, Đài Loan, Singapore thì đã thành công trong việc nương tựa vào vốn liếng đầu tư và nhân tài các nước lớn để phát triển thành công đất nước mình. Có những nước bất hạnh có lãnh đạo tồi, kém sáng suốt, thí dụ như Phi Luật Tân thì đất nước nợ đũa ra mà mức sống của dân vẫn không khá. Có những nước đã chọn “con đường tắt” như Thái Lan, nương dựa tối đa vào vốn liếng và chuyên viên Nhật, nhưng vì quên không áp dụng những cải cách xã hội kèm với phát triển kinh tế, nên sự thịnh vượng chỉ tập trung trong các thành phố và cho giai cấp thượng lưu. Hậu quả là Thái Lan lâm vào thế chông chênh về cả kinh tế lẫn chính trị nội bộ. “Xét cho cùng, ánh đèn của ngọn hải đăng Vọng Các chưa phải là ánh đèn có đủ sức soi hướng đi tương lai cho các nước Đông Dương”. (trang 131)

Bùi Đông Triều cũng đúc kết kinh nghiệm bao năm mang tài đi “làm giúp” cho bao nhiêu nước Á-Phi, như sau:

“Có rõ dã tâm của ngoại nhân, song ngửa tay nhận viện trợ chưa chắc đã là điều quấy, nếu biết dùng vốn viện trợ cho đúng cách. Nghĩ cho cùng, điều quan trọng là nên thực tế! Biết tránh những chiêu bài, những khẩu hiệu trống rỗng... Có hào khí ngất trời, tất sẽ không chịu quy lụy ngoại bang. Nhưng rồi lấy đâu ra vốn để phát triển đất nước?”

Ngày nay nước nhược tiểu muốn tiến, cần đến khối óc thương nhân, chẳng cần tới hào khí của chàng Kinh Kha!” (trang 90)

Sau cùng, sau khi làm cố vấn kỹ thuật cho chính phủ Lào, Bùi Đông Triều cũng trở về thăm Việt Nam năm 1991. Suốt cả cuốn sách, đến bây giờ mới thấy tác giả có giọng buồn rầu, bởi vì: *“Trở về quê hương, chỉ thấy nước Việt có tên trong số đoạn trường thế giới. Đổ nát và điêu tàn, thua thiệt những nước lân bang. Quê hương với muôn vàn khó khăn. Trên đủ mọi phương diện...”* (trang 160)

Bùi Đông Triều mất vui vì còn chính nhận định sau của mình:

“Ngày nay, sự lựa chọn của tiểu quốc trở nên phũ phàng hơn: giữ chủ quyền kinh tế, nhưng trong cảnh đói rách, hoặc chấp nhận ảnh hưởng của cường quốc, với hy vọng người dân đủ ấm no... Con đường Cái Quan của Đệ Tam Thế Giới đã trở thành đường mòn khúc khuỷu của thế thăng bằng bấp bênh giữa sự thịnh vượng trong vòng lệ thuộc, và nền độc lập trong cảnh túng quẫn”. (trang 153). □

HOÀNG CHÍNH

Lội lội, hạt cát sông hằng

Vén lên

gió gọi tôi về

áo đôi tà vương cái thề hẹn xưa

Mở hé hé cái đong đưa

điều tôi lỏng gió, không ngờ đứt dây

Sợi mềm

nắng vương trên cây

phất phơ giữa chốn đầy đầy, căng căng.

Tội tôi, hạt cát sông Hằng

toàn ôm ngực rộng

ho khan giữa đời.

MAI KIM NGỌC

chị em

truyện dài

CHƯƠNG BỐN NHỮNG VẾT CHÂN CHIM

11.
Mình sắp tới rồi,” Tâm nói. Cô giật mình quay sang bên thấy em đang gọng gàng đưa xe ra khỏi xa lộ. Cô mỉm cười nghĩ chỉ ít phút nữa là cô gặp Lương. Bao nhiêu gian truân cũ bỗng không còn quan trọng nữa. Lương vẫn yêu cô, chính Tâm đã nói với cô như vậy. Tương lai quang đàng thoải mái, và không còn gì cản trở hạnh phúc của hai người trong những năm tháng sắp tới...

Tâm lái xe vào khu chung cư có cổng gác và tường cao bao quanh. Người gác-dan chắc đã được Lương dặn trước, nhìn qua số xe rồi mở cổng cho Tâm vào. Hoàn cảnh những hàng cây cắt xén mỹ thuật, những mảnh vườn cỏ xanh mát. Một cặp trung niên người địa phương nằm phơi nắng bên hồ bơi rộng hay đánh quần vợt tại mấy chiếc sân gần đấy. Cô thấy khung cảnh quá xa lạ với lối sống ngày xưa của Lương. Đây không phải là đồng quê Hố Bò hay khu y sĩ nội trú của bệnh viện Chợ Rẫy. Khi cô tỏ ý ngạc nhiên không thấy con nít, Tâm cất nghĩa:

“Khu này là khu của dân có tuổi và độc thân. Nửa chừng xuân, khá giả, độc thân hay vừa ly dị xong. Đám này ở Mỹ nhiều lắm, sống vội sống vàng, như sợ ngày mai chết rồi không kịp hưởng nữa...”

“Vậy sao?”

Cô nghĩ vô tình mà Tâm tả đúng tình trạng của Lương, cũng nửa chừng xuân, cũng ly dị, và chắc cũng khá giả. Tâm đậu xe vào bãi, mở ví lấy tấm giấy nhỏ ghi sẵn địa chỉ. Cô theo em chui ra khỏi xe. Tiếng cười ngật nghẻo lẫn với tiếng khoát nước của một cặp nam nữ đang trũng giỡn từ phía hồ bơi làm cô khó chịu. Cảnh nô đùa ồn ào của những người đã không còn trẻ nữa nghe

như lạc lõng nhố nhăng. Nghĩ đến Lương có thể cũng nhố nhăng như họ, cô thấy nôn nao lo lắng. Cô chùn chân lại. Giá nói chuyện điện thoại với anh trước, ít nhất cô cũng hình dung được anh đã thay đổi đến thế nào.

Bàn tay cô rịn mồ hôi. Cô tự nhủ thầm, “Vô lý, mình không còn con nít nữa. Phải bình tĩnh mới được...” Nhớ lại phép trấn tâm tập được từ hồi sống tại thiền viện, cô thở chậm lại và từ từ hít một hơi dài và sâu. Không, chỉ có hiện tại là quan trọng. Cô sẽ không để cho gánh nặng của quá khứ cũng như lo lắng của tương lai phá hoại cuộc tái ngộ này...

Tâm vừa đi vừa dò số nhà. Dừng lại trước một căn chung cư, nó vui vẻ nói, “Đây rồi.” Nhìn qua vai em, cô đọc tấm danh thiếp nhỏ dán trên cửa:

Bác Sĩ Trần Văn Lương.

Bệnh Lý Tổng Quát.

Vừa bấm chuông, Tâm gọi lớn:

“Anh Lương ơi, em đây. Mở cửa cho em.”

Bên trong có tiếng xào xạc. Rồi có tiếng người nói vọng ra:

“Tâm hả? Cửa mở đấy, em đẩy mà vào.”

Hoàng nhận ra tiếng Lương tuy giọng anh khàn hơn so với ba mươi năm trước. Cô còn thoáng ngạc nhiên vì anh không chạy ra đón khách, Tâm đã đẩy cửa. Một mùi hăng hắc trong nhà bốc ra làm cô khựng lại. Cô nhớ đến mùi bệnh viện, mùi thuốc sát trùng...

Một người đàn ông ngồi xe lăn trườn tới. Chớp mắt để làm quen với bóng đêm cô nhận ra Lương đang ngược lên nhìn cô, nét mặt rạng rỡ vui mừng. Anh hỏi dồn dập:

“Hoàng. Em qua bao giờ? Em khỏe không? Sao không gọi anh trước?”

“Trời ơi, anh làm sao vậy?”

“Anh mới bị liệt, độ bốn tháng nay. Phải nằm bệnh viện gần một tháng đấy.”

“Sao không cho em hay?” Tâm trách.

Lương không trả lời, tíu tít mời hai chị em vào nhà. “Lâu lắm không gặp nhau, thật là mừng lắm...” Anh vừa nói vừa loay hoay quay hướng xe để lăn về phía phòng khách. Lương chỉ chiếc sofa trắng mời hai chị em ngồi. Nhưng vừa yên chỗ, cô đã nhấp nhộm khi thấy anh gắng sức chuyển mình từ xe lăn sang ghế bành. Khoát tay như trấn an cô, anh nói:

“Em khỏi lo, anh xoay sở một mình quen rồi... Mà em tới lâu chưa?”

“Em vừa tới chiều qua. Nhưng mà nông nổi làm sao?”

“Anh bị bại liệt hai chân... Bệnh tủy xương sống. Thật là bất ngờ.”

Đảo mắt nhìn quanh căn nhà vắng vẻ và bữa bộn, cô buột miệng:

“Không ai săn sóc anh sao?”

“Có chứ. Hồi mới, nhà thương cho người đến tập cho anh hằng ngày. Bây giờ anh vẫn thuê người hằng tuần tới giúp những việc nặng trong nhà. Mai mới là ngày họ tới.”

Anh lại nói:

“Anh vẫn tập làm lấy. Trước sau rồi mình cũng phải sống tự lập. Bệnh tật thì bệnh tật, lệ thuộc người ta mãi, đâu có được.”

Tâm trách anh:

“Tâm không thể tưởng tượng nổi . . . Đau ốm thế này mà không cho em hay.”

Anh cắt nghĩa:

“Hồi mới đau, anh cứ nghĩ sẽ bình phục trong một hai bữa . . . Về sau thì lại quá bận rộn với trị liệu . . . Họ bắt anh tập suốt ngày, không tập thì chạy điện . . .”

“Tâm giận anh lắm, anh biết không?” Tâm vẫn ảm ức.

Anh cười hiền lành:

“Thôi thì anh nói thật nhé . . . Nhiều lần anh muốn gọi em mà rồi cuộc lại ngàn ngại. Bán thân bất toại trong chiếc xe đẩy có cái à . . . mặc cảm của nó.”

Anh quay đầu tránh mắt hai chị em, còn Tâm bậm môi như găng cho khỏi khóc. Cả ba yên lặng giây lâu. Rồi nuốt khan, Tâm nói:

“Anh chị ngồi đây nói chuyện đi, em chạy xuống bếp làm trà uống nhé.”

Hoàng biết Tâm kiếm cớ trốn xuống bếp chùi nước mắt. Thấy anh vịn vào thành ghế bành như lấy đà đứng dậy, cô đưa tay cản lại, bảo để cô xuống giúp em. Bếp nào chả là bếp, cô sẽ tự động tìm ra đủ mọi thứ.

Nhưng cái bếp của Lương làm cô ngạc nhiên. Gạo muối đều đặt ngay dưới sàn vừa tầm tay người ngồi. Một chiếc rề-sô điện lưu động kê trên chiếc ghế dẫu nhỏ cạnh bình nước uống 5 ga-lông có vòi sẵn. Bát đĩa trong chạn đều xếp dón lại dưới mấy tầng thấp, còn các tầng cao đều bỏ trống không dùng. Một đồng chén tách còn nằm trong chậu rửa bát như đợi bàn tay nội trợ không bao giờ tới. Cô mở tủ lạnh, tất cả đồ ăn cũng đều xếp ở mấy ngăn dưới.

“Anh làm vậy cho nó tiện.” Cô ngẩng lên thấy anh đã chuyển sang xe và lặn tới cửa bếp tự bao giờ. Cô lúng túng nói cho có nói:

“Anh tự túc được như vậy là giỏi lắm.”

Lương khen cô:

“Tâm vẫn đẹp như xưa . . .”

Cô nhìn mặt anh, biết anh chỉ muốn đưa câu chuyện ra khỏi đề tài bệnh tật. Nhưng cô chau mày. Trong cái bếp kỳ dị và hoàn cảnh bất thường này, lời khen riêng tư nghe sao lạc lõng. Cô cảm ơn anh, lúng túng vì không thể khen trả lại anh một lời tương tự. Anh lại nói:

“Lần trước gặp Tâm, hay tin em đang đợi giấy sang Mỹ, anh vẫn nghĩ bao giờ em tới, anh sẽ lái xe đưa em đi thăm thắng cảnh tiểu bang này. Bây giờ thì . . .”

Anh ngần ngừ rồi bỏ lửng câu . . . Cô rùng mình nghĩ đến hai chữ “quá trẻ” anh chưa nói ra. Cô muốn an ủi anh mà lưỡi cứng lại, những lời vừa nghĩ ra trong đầu chưa nói mà đã nghe trống rỗng như chuyện xã giao hời hợt.

Anh làm bộ lạc quan bảo là y sĩ, anh biết bệnh anh. Chịu khó tập tành, anh sẽ thích nghi được với đời sống hằng ngày. Thế nào rồi mai kia cũng hy vọng hành nghề trở lại. Anh làm bộ thản nhiên tự tại, tựa như người bị cầm ở nhà nghỉ ngơi một vài buổi đợi bệnh thuyên giảm.

Nhưng anh không lừa được cô. Cặp đùi bại xuôi xếp lếp dưới lớp chăn ca-rô tố cáo cái yếu đuối tội nghiệp của anh. Vừa rửa bộ trà đã mốc meo từ bao giờ, cô thắc mắc về gia đình anh, về sự săn sóc của vợ cũ và đám con anh.

Cô kiểm chuyện vặt nói, “Em mới sang, nhiều tin quốc nội sốt dẻo, anh muốn nghe chuyện gì nào?” Anh bảo thế thì hay quá, và anh hỏi cô về các bạn bè cũ. Cô cho anh hay những khó khăn vật chất tinh thần của họ, ai mất ai còn, ai ở ai đi... Nghe cô kể xong, anh bảo, “Thế hệ mình, ai cũng già rồi, và ai cũng khổ cả.” Câu chuyện cứ thế, nhạt nhẽo cho đến khi ấm nước sôi. Tâm tìm thấy một hộp bánh LU, đem bày ra đĩa. Hai chị em dọn trà ra phòng khách, và anh lại leo đèo lăn xe theo.

Lát sau mọi người yên vị, và anh tự tay rót trà đãi khách. Anh nói với cô, “Lẽ ra anh phải đưa Tâm và em đi ăn trưa nay, bữa tiệc hàn huyên của anh em mình mà. Nhưng anh tàn tật thế này thì đành chịu.”

Cô nghĩ liên hệ cô với anh, nhìn chỗ nào cũng vấp phải những “lẽ ra” những lỗ làng lớn nhỏ. Nhưng giọng anh hoàn toàn bình thản khi nhắc đến hai chữ tàn tật làm cô buồn vì anh đã đóng kịch với cả người thân. Cô lại nghĩ nếu anh yếu hèn hay than vãn thì cũng chẳng hay ho gì hơn. Ngã nào thì cũng ngọt ngọt thế thôi. Cô đáp xã giao:

“Chúng em ăn sáng muộn, không đói.”

Rồi cô mời Lương lát nữa ra phố ăn trưa với hai chị em.

“Chắc không được đâu, Hoàng ạ. Anh chưa quen sử dụng xe lăn trong tiệm ăn.”

Không khí yên lặng nặng nề. Tâm đề nghị:

“Em có ý kiến. Anh chị ngồi đây, em chạy ra chợ Việt Nam kiếm đồ về nấu hủ tiếu Nam Vang. Ngày xưa anh Lương mê món này lắm phải không?”

Mặc cho Lương và cô cản, Tâm xách ví đứng dậy. Cô ước ao có thể theo em đi chợ. Nhưng không nỡ làm hành động tàn nhẫn ấy, cô chỉ ngồi nhìn theo.

Mở cửa bước ra đường, Tâm quay lại nói với, “Em đi chỉ một lát là về thôi.” Cánh cửa đóng lại, và cô biết cô phải đối đầu một mình với cảnh huống bất hạnh của Lương.

*

Cô biết Tâm dành cho cô cơ hội riêng tư với Lương. Nhưng cô cũng thấy nó muốn chạy trốn cái cảnh bẽ bàng này. Cô mỉm cười nghĩ em cô vẫn vậy, bao giờ cũng tránh né. Hồi còn bé hễ bị mẹ mắng, dù mắng oan, nó luôn luôn lánh đi chỗ khác cho đến khi mọi chuyện yên ổn mới mò ra. Và nó bao giờ cũng may mắn, những phiền toái cứ tự động theo thời gian mà biến đi...

Còn cô, bao giờ cô cũng trực diện với những may rủi của cuộc sống. Nhưng cô đang trực diện với gì đây? Cô ngắm anh trên chiếc ghế bành đối diện, râu sần sùi chưa cạo, da mặt nhăn nhúm. Anh bất giác cúi đầu, và cô thấy rõ mái tóc anh đã bắt đầu thưa thớt, chân tóc dọc đường ngôi rộng bạc trắng làm màu đen của thuốc nhuộm giả tạo một cách thê thảm. Cô kiểm chuyện nói:

“Em mới sang đây, cái gì cũng lạ cả. Anh kể cho em đời sống bên này đi.”

Cô lại lỡ lời. Tủ túng trong nhà về bệnh tật thế này, anh biết gì ngoài cảnh sống của người tàn phế. Nhưng anh vẫn làm mặt vui. Anh kể cho cô nghe chuyện mưa nắng, chuyện hành nghề hồi còn mạnh khỏe. Anh cũng kể cho cô nghe về thiên nhiên ở Cali. Biển đẹp lắm và núi rừng cũng đẹp lắm. Nam Cali có sa mạc mênh mông, mùa xuân hoa đại nở từng búng. Bắc Cali có rừng lim cổ thụ, với những cây lim khổng lồ, lỗ hổng gốc cây rộng đủ chiếc xe lái qua . . . Anh lại kể nông thôn phía gần biên thủy Mễ Tây Cơ ruộng đồng bát ngát, trồng lúa như bên mình. Anh khoe:

“Họ cũng có cò nữa, Hoàng ạ. Thấy cảnh đàn cò trắng bay là là trên đồng lúa xanh, cứ tưởng như còn ở nhà . . .” Cao hứng, anh dự tính:

“Bữa nào anh chở em đi xem . . .”

Thấy cô nhìn xuống đôi chân tê liệt của anh, anh vớt vát:

“Bao giờ có tiền, anh sẽ mua một cái xe chế riêng cho người tàn tật, ga với thắng đều điều khiển bằng tay . . .”

“Anh nghĩ việc bao lâu rồi?”

“Quá lâu . . . Lợi tức bây giờ không có, cái nhà này chắc cũng sắp bán,” anh gượng cười trả lời. Rồi anh cúi đầu ngồi yên, cam phận và tội nghiệp.

*

Sau cùng anh nói tới chuyện cô và anh. Anh hỏi cô:

“Em còn trách anh không?”

“Em không bao giờ trách anh.”

Nói xong, cô buồn bã nghĩ thầm trong đầu là chuyện giận hay trách sao như đã hết quan trọng từ lâu. Cô ước mong cô có thể nói cô vẫn yêu anh và cô tha thứ tất cả, những câu nói chưa thành lời đã dội lên những âm vang không thật. Anh lại nói:

“Tất cả là số mệnh thôi. Nghiệp chướng của anh, nghiệp chướng của em.”

Cô nhìn tượng Đức Mẹ treo trên tường, biết anh chưa dối đạo, và hai chữ nghiệp chướng anh vừa nhắc tới nghe như chuyện đầu môi. Thần kinh căng thẳng, cô buột miệng:

“Em nghĩ chuyện anh với em ăn nhằm gì đến số mệnh. Nó giản dị hơn nhiều lắm.”

Cô nhớ tới Huệ, người ở gái mà anh lấy làm vợ vì làm người ta mang bầu. Cái náo nức lúc ngồi trang điểm trước bàn phấn của em sáng ngày đã tan biến đi đâu. Trong cô chỉ có cái lạnh lẽo của lòng thương hại. Thương hại

anh, thương hại cô, thương hại hoàn cảnh của cả hai người. Và cũng cái lòng thương hại ấy đã giúp cô ghi nhận là cô đã tàn ác với anh. Ân hận, cô nói chữa:

“Chẳng qua là mẹ em có quá nhiều thành kiến cổ hủ . . .”

Anh thở dài nhẹ nhõm, nhìn cô như biết ơn. Rồi như đổi ý, mắt anh cứng lại, anh say mê kết tội mình:

“Em không nên khắt khe với mẹ. Thật ra anh là một con người xấu đặc biệt. Mà anh xấu đã từ lâu, từ khi còn ở nhà em hay trước đấy nữa. Mẹ em biết vậy nên mới phản đối hôn nhân chúng mình . . . Thật ra ít có ai vợ đang đau ốm mà đi ngủ với con ở.”

Câu nói của Lương như gáo nước lạnh dội xuống cô. Cô chưa xót thấy cuộc tái ngộ mỗi lúc một nặng nề hơn. Anh lại nói tiếp:

“Bây giờ thì cái khả năng làm chuyện xấu của anh cũng không còn nữa .”

Anh dứt lời giữa chừng, bèn lên cúi xuống nhìn tấm chăn ca-rô che khoảng bụng dưới của anh. Cô nhìn theo, không nghe thẹn thùng hay lúng túng. Cô chỉ thấy mình già lắm, và lòng cô lạnh tanh. Và cô đặng cay vì sao mọi chuyện lại phải dung tục xấu xí thế này. Cô với bình trà định rót thêm ra tách. Bình trà đã cạn. Thế là hết thật, cô thầm nghĩ. Rồi cô ngồi lặng yên.

Bên ngoài Tâm gọi cửa, “Hoàng ơi, mở cửa cho em.” Tiếng em gái tới với cô như một sự cứu rỗi, và cô nhẹ nhõm đứng dậy.

12.

Có Tâm, không khí tươi sáng hơn.

Lương nói:

“Em đi chợ mau thật.”

“Em ra tới phố bồng nảy ra ý kiến là mua đồ nấu sẵn mau hơn . . . Coi này, từ món chính cho đến tráng miệng, cái gì cũng ngon lành cả . . . Hôm nay ăn tạm vậy đi, bữa khác sửa soạn trước, em sẽ trở tài tự tay nấu nướng đãi anh chị.”

Rồi Tâm giục Hoàng:

“Chị giúp em dọn bàn đi, mình ăn cho nóng . . .”

Bữa cơm trôi qua nhạt nhẽo, mặc dầu Tâm cố gắng làm mọi người vui bằng cách gợi lên những câu chuyện vô thưởng vô phạt. Lát sau nó nhắc tới chị Năm. Lương bảo:

“Không có hủ tiếu Nam Vang nào ngon bằng hủ tiếu của chị ấy. Về sau khi ở với anh, chị Năm còn học thêm nhiều món Bắc nữa.”

“Hai vợ chồng ở với anh có được lâu không?” Tâm hỏi.

“Chưa được một năm, thật là đáng tiếc.”

“Tại sao?”

Anh nói, mắt nhìn xuống mâm cơm:

“Cũng tại chị Năm không bao giờ quên thời gian còn ở với ba mẹ em. Lúc nào chị cũng nhắc chuyện cũ, do đó xung khắc với Huệ . . . Về sau chỉ còn

bác tài làm cho anh. Chị Năm ra phố mở tiệm ăn, phát tài lắm. Tiệm gần quân y viện, nên mỗi trưa anh ăn ở đấy thay vì về nhà. Nhiều buổi tối lục dục với Huệ, anh cũng ra tiệm ăn, có khi ngủ lại, và tính đồ đồng, anh ở đẳng vợ chồng chị nhiều hơn ở nhà . . .”

Ngất lờ anh, Tâm đổi đề tài. Nó bảo nó nghe nói bây giờ anh viết cho mấy tờ nguyệt san Việt ngữ. Anh gật đầu. Anh bảo anh rất thích viết lách, vừa giải trí vừa đem lại lợi tức cho anh. Họ trả ba chục đồng một bài. Chịu viết đều, một tháng có khi kiếm được hai ba trăm đô-la. Cô hỏi như vậy là nhiều hay ít, Tâm bảo khoảng một ngày lương của anh khi anh còn khỏe mạnh. Tâm lại hỏi:

“Nhưng tại sao em không bao giờ thấy tên anh . . . Anh dùng bút hiệu gì?”

“Thầy Lang Vườn. Phần lớn họ nhờ anh viết về những mục y học thường thức.”

Tâm phá lên cười. Nó bảo hóa ra anh là tác giả loạt bài *Trai Gái Trước Ngưỡng Cửa Hôn Nhân*. Nó có con bạn mê mục ấy lắm, và hay khoe hạnh phúc gia đình tốt hơn là nhờ anh . . . Tâm lại hỏi:

“Anh có viết về văn học không?”

“Có, thỉnh thoảng anh viết truyện ngắn hay làm thơ, nhưng ký với bút hiệu khác . . .”

“Bút hiệu gì?”

Anh lúng túng. Tâm giục:

“Nói tui em nghe đi.”

“Là Hoàng Lương. Như trong truyện *Giấc Kê Vàng* ấy.”

Tâm cười ranh mãnh. Hoàng nói:

“Cho em coi thơ của anh đi.”

Anh sung sướng:

“Em đọc thật nhé?”

“Thật chứ anh.”

Cô thấy vui đã làm anh sung sướng mà không cần phải nói dối. Anh nhanh nhẹn chuyển qua xe lăn lái vào phòng học. Lát sau anh trở ra đưa cho Hoàng một phong bì lớn.

“Để tặng em đây,” anh rụt rè nói.

Hoàng mở phong bì. Vẫn không ngẩng lên, cô bảo Lương:

“Em đọc bây giờ nhé . . .”

“Em cứ tự nhiên.”

Tâm xen vào:

“Đưa em đọc cho . . .”

Hoàng đưa cho em tập thơ. Tâm nhìn qua bài đầu rồi lên giọng ngâm nga:

Những Vết Chân Chìm.

Để tặng Hoàng, kỷ niệm một vụ nghỉ hè . . .

Bờ biển sớm

Sóng chưa buồn thức giấc

Mặt trời còn ngái ngủ chân mây
 Gió man mác gọi về trên da thịt
 Cảm giác êm đềm tự buổi thơ ngây.

Bãi cát trắng trải dài theo vịnh
 Gợn ghề in hình mấy dấu chân chim
 Rón rén về đâu xa tắp cuối ghềnh
 Hun huít đi vào quá khứ lênh đênh

Thương nhớ mông mênh
 Miên thùy dương khác
 Tuổi hoa niên hai đứa chúng mình
 Khi cuộc sống hãy còn trẻ lắm
 Cây bông gạo sân trường đỏ thắm
 Tình học trò phượng nở mùa thi
 Yêu ơi, con gái đến thi.

Em còn nhớ gì?
 Mùa Hè năm ấy
 Nón nao bóng giấy lao xao
 Thương nhớ dạt dào
 Mà tình rứt rề như buổi sơ giao.

Những hôm ngắm sao
 Biển thanh vắng trời cao vời vợi
 Bát ngát Ngân hà
 Một triệu ông sao mất ngủ
 Ôm bệnh tương tư mắt mở thâu đêm

Sương khuya bên thềm
 Từng giọt nhạt khoan
 Vi vút bên rừng phi lao thao thức
 Theo gió bay vào lay bức màn the
 Xôn xao giấc mộng đêm hè
 Người em gái nhỏ
 Nhắc nhở cho em tình tôi chưa ngỏ
 Rón rén âm thầm như bước chân chim

Kỷ niệm thâm sâu tận đáy con tim
 Năm tháng trôi qua tôi vẫn đi tìm
 Những mảnh thân thương quăng đời đánh mất.

Đọc xong bài thơ, Tâm ngưng lại, nét mặt thoáng buồn. Nó nói:

“Chưa ai tặng em một bài thơ như vậy. Anh Hoài em không bao giờ làm thơ, anh ấy chỉ thích xây xa lộ thôi. Tình anh ấy thẳng như con xa lộ tám tuyến xuyên tiểu bang...”

Rồi chớp mắt thật mau, lấy lại bình tĩnh, nó trêu Lương:

“Có phải bài thơ viết về vụ hè ba em đưa cả nhà ra Nha Trang chơi không? Tại cái biệt thự của bác Xuân ấy, với cái hiên trồng hoa giấy và rừng phi lao gần nhà. Em còn nhớ anh hay ra thềm ngồi một mình cho đến khuya vẫn chưa vào. Không ngờ ông anh ra đấy tương tư bà chị em... Một triệu ông sao mất ngủ... Chao ôi là mùi...”

Không đáp lời Tâm, Lương hỏi ý cô:

“Được không em?”

Hoàng nói:

“Hay lắm. Hay lắm lắm, anh ạ. Những đêm hè lần đi nghỉ mát ấy, em vẫn còn nhớ...”

Chưa hết câu cô đã phải ngưng lại. Cô cảm thấy giọng cô như muốn vỡ... Đã chú tâm làm bộ khen thơ Lương một cách vô tình như khen một bài thơ hay của bất cứ ai, cô đã xúc động bất ngờ khi những kỷ niệm cũ bị gọi lại. Lòng cô như mềm đi. Cô bất giác cười với anh, để ngạc nhiên thấy nụ cười của mình như có phép màu. Khuôn mặt già cỗi của anh bất thần thay đổi. Dưới lớp da nhăn nhúm, cuộc sống bấy lâu vắng mặt nay bỗng trở về. Mắt anh từ nãy đến giờ chỉ có bất an và ngượng ngập, bỗng sáng lên với một nguồn yêu đời mới. Và đôi mắt ấy cười lại với cô, nụ cười biết ơn mà chan chứa yêu thương.

“Em đọc nữa nhé?” Tâm tỉnh nghịch đề nghị. “Xem nào, bài tiếp theo là *Bờ Giếng Trong Mơ*... Chắc cũng mùi lắm...”

“Thôi đừng có vô duyên. Trả lại cho chị...”

Tâm kháng cự lấy lệ rồi đưa lại tập thơ cho cô. Rồi nó đứng dậy xuống bếp pha cà phê và sửa soạn đồ tráng miệng.

*

Hoàng ngồi ôm tập thơ vào lòng. Cô nhìn anh, nhìn căn phòng. Cùng ngoại vật này mà sao như có thân, tựa hồ như cô có một nhãn quan mới nhìn được cái gì tốt đẹp lắm cất giấu trong khung cảnh tầm thường này. Cô khẽ nói một mình, “Anh cũng còn nhớ chuyến ba đưa cả nhà ra Nha Trang nghỉ mát sao? Hồi ấy đã có gì đâu... Em chưa về thăm Hố Bò với anh... Chưa nhận được lá thư đầu tiên của anh... Làm sao anh nhớ?” Cô ngồi nhìn ra cửa mơ màng. Cô không rút tay lại khi anh cầm tay cô. Cô ngồi yên nghe anh hôn trên vai cô, cái hôn nhẹ như một ý niệm. Một cảm giác êm đềm bao phủ lấy cô, và thần trí cô buông thả trôi về quá khứ.

Trong một giây, cô sống lại cái đêm hè năm ấy. Con Tâm nằm bên cô đã say ngủ từ lâu. Lưng quay lại cánh cửa sổ thấp mở ra hàng hiên, cô thao thức

dợi giấc ngủ mà giấc ngủ không tới. Cô nhắm mắt nhưng hình ảnh anh vẫn hiển hiện trước mặt. Anh ngưng dần đã lâu rồi, vậy mà giác quan của cô vẫn căng thẳng, bèn nhậy đến đau đớn, để bắt lấy từng động tĩnh bên ngoài. Cô biết anh còn thức, có lẽ đang ngồi bên góc bụi hoa giấy góc hiên, ngắm trời ngắm đất . . . Hâm hấp trong cái nóng ẩm của đêm nhiệt đới, da thịt cô như bốc cháy với những khát thèm chưa thành hình thành ý, đam mê sôi bùng mà mơ hồ như cái mơn trớn bâng quơ của lá màn đang theo gợn gió nhẹ nhẹ ve vuốt lưng cô . . . Cô nghe tiếng côn trùng than van ngoài vườn vẫn hòa với tiếng vi vút từ rừng phi lao vọng lại. Cô nghe gió lùa nắm bông giấy khô trên hàng hiên xào xạc . . . Sau cùng cô nghe tiếng cây banjo bị nhấc lên, bụng đàn quẹt nhẹ vào sàn gạch, âm thanh trống bông khô khốc, và cô biết anh đang đứng dậy sửa soạn vào nhà. Tiếng chân đều đặn bỗng như thoáng chân chữ khi anh đi ngang phòng cô. Nằm nhắm mắt quay mặt vào tường mà cô như thấy rõ sự việc bên ngoài, thấy anh đang nhìn vào cửa sổ, và cô nín thở, sợ hãi mà vẫn mơ hồ chờ đợi . . . Nhưng cô lầm, anh không dừng lại và lát sau cô nghe tiếng cửa phòng anh mở ra rồi đóng lại. Thế là hết, và cô vụt quay mình nhìn ra cửa sổ để thấy cảnh vật bên ngoài tắm trong ánh sáng mờ ảo của một vòm trời đầy sao . . . Sao Tua Rua chênh chếch lưng trời, chắc đã khuya lắm . . . Cô nằm như vậy ngắm sông Ngân hà, nơi cả triệu ông sao từ xa lắc xa lơ đang nhấp nháy trên cô. Lát sau nửa thức nửa ngủ, cô tìm chòm sao Bắc đẩu mà không thấy . . . Cô thoáng tội nghiệp cho sao Hôm sao Mai . . . Rồi cô ngủ thiếp đi, và khi ngọn gió mát đầu tiên từ bể thổi vào, cô nằm mơ thấy mình đi vào giấc mơ của Lương, nơi đó cô ăn nằm với anh như vợ với chồng . . .

“Hoàng, anh yêu em, bao giờ anh cũng yêu em.”

Tiếng Lương làm cô chợt tỉnh giấc mơ ngày để thấy mặt anh sát gần mặt cô, đam mê say đắm. Anh nói như người xưng tội, “Tìm tha lỗi cho anh. Lẽ ra anh không có quyền nói gì với em nữa . . . Không được chờ mong gì nữa .”

Cô không đáp, lẳng lặng hôn anh. Cô nghe môi anh khơi sống dậy trong cô những cảm xúc thân thương, những rung động êm đềm cũ, xa xưa mà mới mẻ như ngày hôm qua. “Anh, đêm hè ấy là của em, sao anh biết mà tả được?” Cô hỏi Lương mà không cần nghe trả lời. Cô là anh và anh là cô, và cô biết trời sinh ra hai người để yêu nhau, để chỉ là một. Cô là vợ Lương từ đâu, tại sao bây giờ hai người mới tìm được nhau.

“Cà phê ngấm rồi,” Tâm vừa nói vừa lịch kịch đẩy cửa bếp bưng khay bánh ra. Hoàng kịp thời buông Lương ra đứng dậy dọn bàn cho em có chỗ đặt bánh. Lương cũng xốc vác giúp cô một tay. Nhìn anh khéo léo thích nghi với đôi chân bại liệt, với qua với lại, nhặt nhanh đĩa bát xếp lại một chồng gọn ghẽ, cô bất giác nghĩ ai săn sóc cho anh không hẳn phải vất vả lắm . . .

Cô tức cười nhớ lại phản ứng ban đầu của cô khi bước chân vào căn nhà này. Sao cô có thể trẻ con và ích kỷ đến thế. Hoàn cảnh thật ra không thể thảm. Dù già, dù bán thân bất toại, anh vẫn tích cực và lạc quan, vẫn tự túc

tự cường. Cuộc sống như thế này chưa hẳn là tàn phế. Cô nghĩ đến tương lai của chính cô, và cô thấy mơ hồ một cảnh sống không hẳn là không có hạnh phúc . . .

Và cô cười một mình. Trong khốc mắt cô thấy con Tâm cũng đang cười ranh mãnh. Con này tinh ma lắm, không biết nó đã thấy cái gì. Nhưng nó vờ đi như không để ý đến cô. Nó nói với Lương:

“Tâm không ăn trắng miệng với anh được đâu.”

“Sao vậy?” Cả cô và Lương cùng ngơ ngác hỏi.

Tâm nhìn đồng hồ:

“Ba rưỡi rồi. Bốn giờ em có hẹn với nha sĩ của em, đi đường cũng mất hơn nửa tiếng.”

“Thật là tiếc. Nhưng em nhất định phải đi sao?” Lương nói, vẻ thất vọng hiện ra mặt.

Tâm làm bộ chị cả:

“Hai người nghe em đây. Hai người vui vẻ với nhau là em mừng lắm. Vậy mà có lúc em đã tưởng tuyệt vọng đấy . . . Nhưng em có việc mới phải đi, chị Hoàng có hẹn với nha sĩ đâu mà đi theo em . . .”

Rồi quay sang Lương:

“Vậy thì em gửi chị lại anh Lương, tối em sẽ trở lại đón.”

Lương quay lại nhìn Hoàng, khẩn cầu và chờ đợi. Cô nói:

“Em khỏi cần đón chị. Nhưng chị nhờ em chuyện này.”

“Chị nói đi.”

“Tối nay khi trở lại, mang giùm cho chị bộ đồ mát và túi son phấn của chị.”

Tâm sững sờ:

“Em không hiểu.”

Cô thản nhiên nói:

“Chị ở lại chơi với anh Lương đêm nay.”

(Còn tiếp)

tìm đọc

CÁI CHẾT SAU QUÁ KHỨ

tập truyện thứ hai của TRẦN VŨ

Hồng Linh xuất bản

ĐÀO HUY ĐÁN

“dấu huệ hồng”, tập thơ trữ tình của triều hoa đại *điểm sách*

Dấu Huệ Hồng là tập thơ đầu tiên của Triều Hoa Đại, một nhà thơ đã thành danh khi còn ở trong nước, được trình làng trên dòng văn học ở hải ngoại. Đây là một nhà thơ kỳ cựu đồng thời với Diên Nghi, Kim Tuấn, Từ Thế Mộng, Cao Hoàng Nhân, Luân Hoán, Thành Tôn, Thái Tú Hạp, Hà Nguyên Thạch ...

Tập thơ trình bày rất đẹp trên giấy quý màu tái của hoa Kim liên, tranh bìa Võ Đình với các phụ bản Lê Quang Xuân (ảnh), Nguyễn Hữu Nhật, Hồ Thành Đức, Hoàng Xuân Sơn (họa), do Thái Tú Hạp chăm sóc và Sông Thu xuất bản.

Thơ của Triều Hoa Đại có những câu phảng phát nét trữ tình của ca dao, nhưng vượt lên ca dao, ngôn ngữ thơ anh sắc sảo hơn, thuần chất sáng tạo hơn.

*Hôm nào hoa nở trong em
Thử là con sóng tràn lên nỗi sầu
Cuối vườn nở ngát hương cau
Hồn dường có mỗi một màu lãng quên
Ra về mỗi nhớ mỗi quên
Động lòng, thương rụng đóa sen nhụy vàng*

(Vẽ Bóng, trang 101)

Triều Hoa Đại là một nhà ảo thuật của vần điệu, của âm nhạc trong thơ. Sở trường của anh là lục bát. Dù sắp xếp cách nào, những câu lục bát của anh cũng reo những âm hưởng bàng hoàng vào tâm hồn người đọc. Ta hãy đọc những câu lục bát ngắt ngang của anh trùng trùng điệp điệp trong tập thơ.

*Sông xuôi
đưa nước về đâu?
Cuối ngàn mây thắm, thắm màu biệt ly
Vắng rồi
từ buổi chia lìa
Bấy nhiêu thôi nhé, lòng nghe trũng buồn*

(Bài thơ hoa đào, trang 87).

Ngoài ra lời thơ năm chữ cũng được tác giả sử dụng bằng một chiêu thức thao túng và ngoạn mục:

*Ôi căn nhà xưa đó
Có ai về nữa không
Thắp giùm lên ngọn nến
Theo năm tháng bập bùng*

(Chim xưa chốn cũ, trang 15).

Cái đặc sắc trong thơ của Triều Hoa Đại là ở những chữ rất đơn giản, vậy mà mỗi chữ gửi sâu vào lòng độc giả những dư âm kéo dài, những vang vọng thật ngậm ngùi. Anh sử dụng những ngữ pháp rất ít, thơ như vậy là ít trang điểm phấn son, vậy mà, dung quang của thơ lồ lộ ra một vẻ đẹp dị thường.

*Khi không bỗng thấy mình đối khác
Tóc trắng bay quanh những sợi buồn
Vê nhé, ngày mai tàn nắng rọi
Giọt nào khuya khoắt mảnh trăng suông*

(Nắng xuân phai, trang 67).

Cái trữ tình trong thơ của Triều Hoa Đại mơ màng, phiêu diêu mang bóng khói hình sương, hư trộn vào thực, giả lồng với chân. Thơ như thế trải vào tâm hồn người đọc biết bao không gian bát ngát.

*Hôm qua lên núi ngắm trăng
Bỗng dẫu lòng đã băng khuâng côi về
Giăng màn ngủ tạm dưới khe
Nửa đêm bóng động, trăng kê bóng trăng*

(Trăng thôn nữ, trang 27).

Nhà thơ đã sáng tác những câu thơ như vậy thì công việc đưa thơ vào một cõi kỳ diệu hơn, thoảng khỏi chiêm đàn ngào ngạt, đượm hương đạo hạnh nhiệm màu vẫn là công việc dễ dàng thôi.

*Cám ơn buổi tối hôm qua
Thủy ngồi ở đó ngỡ là hư sinh
Ngắm thương thương quá phận mình
Xuôi dòng nước biếc phù sinh mấy mùa
Cám ơn hoa lại nở ra
Nhánh vàng trộn lẫn nhánh tà dương bay
Người về, hơi ấm còn đây
Khóc cười mấy thuở chim bay cuối ngàn*

(Tiễn biệt, trang 54).

Triều Hoa Đại đã ngưng viết báo, đã ngưng làm thơ trên 20 năm. Anh đã bắt đầu sáng tác lại giữa năm 1989, giữa mùa văn chương hải ngoại bắt đầu thịnh phóng.

Thơ anh cũng như bao tiếng thơ khác ở hải ngoại, trước hết, những bài hoài hương có một chỗ khá rộng rãi đối với các đề tài thơ khác:

*Thế rồi...
sao nữa bạn ta
Ngập lòng thương nhớ quê xa ngàn trùng
Người buồn
trời có buồn không?
Ngóng thuyền
thuyền buộc
cuốn dòng nước trôi*

(Về đâu, trang 62).

Nhất là bài *Trong mơ* (trang 79), tác giả giải bày tấm lòng hoài hương của mình rõ rệt hơn:

*Đêm qua về lại quê nhà
Trong mơ nhưng vẫn thấy ta ngậm ngùi
Vầng trăng nửa mọc hừng dỗi
Nửa còn thoi thóp chẳng soi bóng vàng
Vườn nhà bướm lạ bay ngang
Chờ con tóc mẹ điểm hoàng hôn bay*

(Trong mơ, trang 79).

Ngôn ngữ thơ của thơ hoài hương càng đơn giản càng làm cho tấm chân tình của tác giả biểu lộ sung mãn hơn. Thơ hoài hương mà được cấu trúc

bằng ngôn ngữ đậm đà trau chuốt, hoặc câu kỳ bay bướm chỉ tổ làm cho tấm chân tình bị phai loãng đi. Đặc biệt nhất là dù ngôn ngữ của Triều Hoa Đại trong thơ hoài hương tuy đơn giản là vậy mà vẫn sáng đẹp, quý phái. Cái đơn giản trong thơ nếu gặp tay ai khác sử dụng thì trở nên xoàng xĩnh, nếu không rơi vào chỗ thô thấp. Nhưng đối với anh thì khác, anh biết dùng cái bình đạm để làm cho ngôn ngữ trở nên trong vắt, làm cho ý tình anh bộc lộ tràn đầy.

Trong *Dấu Huệ Hồng* có vài bài thơ nói lên thảm cảnh cốt nhục tương tàn, chẳng hạn bài *Mùa xuân?* trang 90:

*Người nằm xuống chửa xanh năm mồi
con hoang dằng cán xé lẫn nhau
tranh đoạt phù vân còn sót lại
hồn linh thiêng chắc hẳn u sầu*

*Ôi ngày tháng quân quanh trăm lối
dặm đường về, dặm một nỗi quên
tình cốt nhục đành tay xé toạc
Đau phận mình, nhục cả anh em*

Đây, như các bạn đọc đã thấy, người thơ Triều Hoa Đại đâu có thể nhắm mắt bịt tai trước mọi cảnh lâm than ngang trái xảy ra hằng ngày trên cố hương chúng ta. Anh vẫn có lúc từ lối thơ trữ tình rẽ qua tiếng kêu đau thương trên đất nước để cộng hưởng vào nỗi đau chung của dân tộc. Chúng ta hãy nghe nhà thơ còn nhắc chúng ta những bạo hành đã man được ngục trang đạo đức:

*Em Thu Hương yêu quý
hãy cố bước mà đi
dẫm lên bọn phù thủy
đã xố ngả đời em
chúng vẫn thường to tiếng
đạo đức ở đâu rồi
ở trong ngôi nhà cổ
ở cuối vườn lá che*

(*Cảnh nhà*, trang 69 và 70).

Thơ của anh còn được bay ra ngoài biển Đông để chứng kiến:

*Cạnh chỗ tôi ngồi
một cụ già đang khóc
ôi chiếc thuyền nan
chở những đòn đau
trên biển sóng bao la*

(*Còn ngày mai*, trang 35 và 36).

Dù với đề tài nào, Triều Hoa Đại cũng vẫn bộc lộ tình ý thiết tha của mình. Nhưng anh vẫn hồn hậu, mực thước, nên sự bộc lộ kín đáo, điềm tĩnh. Tiếng thơ do đó súc tích và truyền cảm hơn. Và nhà thơ của chúng ta trước mọi đổ vỡ, vẫn còn giữ một niềm tin.

*Và hy vọng sẽ đến
bình sáng như mặt trời
bạn phù thủy sẽ chết
chúng phải chết đón đau
chúng phải đến tội ác*

(Cảnh nhà, trang 70).

Cái buồn, cái đau của anh kín đáo, nhưng niềm hy vọng lại làm cho anh hồng bột, cho nên anh bộc lộ tình cảm có hơi huyền ảo, có hơi quá đà. Nhưng mà, nếu xét cho cùng, tác giả còn đứng ở trong cảnh đổ vỡ, trong đêm tối chưa trôi qua. Những lời hò hét ấy chỉ để trấn an cơn đau. Cái khéo là ở đây. Chính là ở những lời hy vọng đó, độc giả vẫn thấy vết thương của tác giả vẫn còn tươi, niềm đau của anh chưa dứt, và tấn bi kịch vẫn kéo dài.

*

Dấu Huệ Hồng là một ly *cocktail* pha đủ mùi rượu cay, đắng, ngọt, nồng. Người thơ đôi lúc đưa thơ vào cõi tâm linh, đôi lúc đưa thơ vào điệu tình tự quê hương, đôi lúc đưa thơ vào cõi ấn tượng chấp chờn những nét siêu thực, đôi lúc đưa thơ vào thăm cảnh dân tộc từ trên quê hương tù ngục cho tới lúc vượt biên, lúc định cư.

Như vậy thì ở hai đề tài dạt dào tình tự quê hương và tiếng bi ca trước thăm cảnh dân tộc, Triều Hoa Đại chỉ làm một cuộc đóng góp với bao tiếng thơ khác ở hải ngoại. Thơ của anh ở trên hai đề tài đó chưa làm nổi bật được thần trí sáng tạo của anh, dù anh sử dụng ngôn ngữ thơ rất thuần thực, rất nhuần nhuyễn, dù anh chọn những hình ảnh độc đáo:

*Nhớ thuở xa xưa bằng hữu có
bỗng đâu tan tác mỗi phương trời
nhiều húc, lắm khi ngồi đối bóng
bóng, người ngơ ngẩn chuyện buồn vui*

*chẳng hẹn, bạn xa quay trở lại
ghé nhà quay quắt nỗi tang thương
cạn ly uống tận lòng khó héo
tâm sự đầy vơi nỗi đoạn trường*

(Chuyện cũ, trang 107).

Chính cái đặc điểm ẩn tượng pha đôi nét siêu thực mới làm thơ Triều Hoa Đại thăng hoa vào cõi tuyệt vời lồng lộng sự sáng tạo. Thơ như vậy mang một khám phá mới, một vóc dáng mới:

*Tặng em một khúc ca dài
ngang trời hoa cúc miệt mài dấu thân
dời che khuất nẻo dương trần
về vui với lá hoa ngân trắng thu
nửa mai nếu được đến bù
nhớ là hoa ấy trùng tu cố thành*

(*Lá hoa ngân*, trang 13).

Từ cõi ẩn tượng, từ nơi siêu thực, tác giả lặn vào địa hạt tâm linh. Thơ lại ngát hương thiền phong thiền vị:

*Hôm về thăm lại chùa xưa
thấy hoa lá vút dong dưa trên cành
chút mùa xuân thoảng mong manh
lời chim gọi khê tên mình dẫu đây
mặt hồ sen động, tâm lay
không không có có đùa bay áo người*

(*Xuân qua chùa*, trang 94).

Triều Hoa Đại khi ra hải ngoại sáng tác thật phong phú. Anh đã đóng góp các tạp chí như *Việt Nam Tự Do*, *Canh Tân*, *Làng Văn*, *Văn Học*, *Thời Tập*, *Nắng Mới*, *Hoa Sen*, *Chính Ngôn*, *Sóng*... Giữa rừng thơ rậm rạp và bát ngát, thơ anh vẫn có chỗ đứng vững chắc và sáng chói. Anh đã hợp với các làn sóng thơ như Nguyễn Mạnh Trinh, Hoàng Xuân Sơn, Luân Hoán, Thái Tú Hạp, Lưu Nguyễn, Cung Vũ, Nguyễn Tất Nhiên, Bắc Phong, Vũ Kiện, Cao Hoàng Nhân, Trang Châu... thành một đợt sóng lừng lững khua động không ngớt vào cảm quan người đọc biết bao âm hưởng lâu dài. □

ghi nhận đó đây

Thi sĩ Quách Tấn qua đời

Thi sĩ lão thành Quách Tấn đã qua đời tại Nha Trang hôm 21-12-1992! Sinh ngày 24 tháng 1 năm 1910 tại làng Trường Định, huyện Bình Khê, tỉnh Bình Định, trong suốt sáu mươi năm cầm bút, Quách Tấn đã để lại cho hậu thế một văn nghiệp đồ sộ gồm mười chín tập thơ và bốn mươi tác phẩm văn xuôi hoặc biên khảo. Các tập thơ đã được xuất bản gồm: *Một Tấm Lòng* (1939), *Mùa Cổ Điển* (1940), *Động Bồng Chiêu* (1966), *Mộng Ngân Sơn* (1967), *Giọt Trăng* (1973), và *Tố Như Thi* (dịch thơ Nguyễn Du, 1973). Về văn, có: *Trăng Ma Lầu Việt*, *Nghìn Lẻ Một Đêm*, *Đời Bích Khê*, *Đôi Nét về Hàn Mặc Tử*, *Xứ Trầm Hương*, *Nước Non Bình Định* . . . đã được xuất bản trước 1975. Một số rất lớn tác phẩm khác của thi sĩ gồm biên khảo, hồi ký văn học, thơ . . . kết quả của một đời cầm bút cần cù và đam mê, hiện chưa được xuất bản.

Quách Tấn đến với làng thơ, Hoài Thanh nhận định, như một sứ giả đời Đường. Hoài Thanh viết: *"Theo gót nhà thơ, tôi đi vào một thế giới huyền diệu. Ở đây người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn ràng, những lời reo vui vẻ đều không. Một sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc chắn nặng nề lên hết thảy. Tình cảnh ở đây không còn là những tình cảnh ta vẫn thường quen biết. Tình cảnh ở đây đã biến thành một thứ lương mầu nhiệm."*

Tính chất lung linh mầu nhiệm Hoài Thanh ghi nhận nơi thơ Quách Tấn trong giai đoạn đầu của thi nghiệp, có thể nói là ưu điểm nổi bật của thơ Quách Tấn. Nhiều người trách thơ Quách Tấn trau chuốt quá, cổ điển quá, ông gần như lạc lõng giữa những bạn thơ cùng thời cùng quê như Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, Xuân Diệu, Yến Lan. Điều đó chỉ đúng đối với hai tập thơ đầu tay Hoài Thanh dẫn chứng trong *Thi Nhân Việt Nam*. Càng về sau, thơ Quách Tấn càng mộc mạc đơn giản, trong khi vẫn giữ trọn vẹn được sự cô đọng, hàm súc và vô cùng tinh tế.

Những năm cuối cùng trước khi mất, thi sĩ bị mù, sáng tác hay viết thư cho bạn hữu phải nhờ đến con cháu. Tuy vậy, sức làm việc của Quách Tấn vẫn không giảm sút. Di cảo nhà thơ để lại quá nhiều, hiện do gia đình và bạn bè tại Việt Nam và hải ngoại lưu giữ. Chắc chắn trong thời gian sắp tới, bạn

đọc sẽ đọc được ít nhất ba tác phẩm nhà Quê Mẹ hứa ấn hành: *Bóng Ngày Qua*, *Ghi Dấu Thời Gian*, và *Lã Đường Thi*.

Cởi trói . . . trói lại . . . và siết!

Tin thi sĩ Quách Tấn qua đời đến cùng lúc với những sách báo thư từ cuối năm 1992 bặt bẽ từ Việt Nam gửi qua. Giờ tờ tuần báo *Văn Nghệ* số 50 ra ngày 12-12-1992 của hội Nhà văn Việt Nam, thấy đăng trang trọng ngay trang nhất bài viết của Vich-to Ro-dốp, nhà viết kịch Nga. Bền mừng! Vì hai lý do: Đăng lời một nhà viết kịch, dù chưa rõ ông Ro-dốp là ai, nhưng chắc chắn phải là cố Havel của Tiệp Khắc. Lại dùng chữ “Nga”, chứ không dùng chữ “Liên Xô”. Đọc xong bài dịch, mới thấy nhầm lẫn lớn lao! Mới thấy các ông bà nhà văn hiện đang điều khiển tờ *Văn Nghệ* đã tìm thấy nơi Ro-dốp một người đồng hội đồng thuyền. Hãy nghe nhà viết kịch Nga phát biểu về những vận động tự do dân chủ hiện đang xảy ra ở Nga:

– *Trước đây tôi xuất ngoại với tư cách là công dân của một cường quốc vĩ đại mà uy tín được toàn thế giới thừa nhận, còn bây giờ tôi cảm thấy như mình bị lãng nhục.*

– *Số toét những gì tốt đẹp trước đây là việc làm vô liêm sỉ*

– *Những gì đã xảy ra trong nước đối với tôi là một tấn bi kịch, cuộc sống hiện tại, nói đúng hơn là chiêu hướng hiện nay của nó, đối với tôi, rất là tệ mạt. Tệ mạt bởi tính tâm thường của nó, bởi sự định hướng của nó nhằm đến những thú vui chứ không phải những niềm vui của con người. Tôi rất lúng túng, thậm chí không thể làm việc được . . . bởi vì tôi thấy chung quanh đang diễn ra một cái gì rất khó hiểu.*

Đã có một nhà viết kịch cỡ lớn của Nga mở lời, ban biên tập tờ *Văn Nghệ* không còn e dè gì nữa. Những tác phẩm từng được đón nhận nồng nhiệt thời cởi trói ba năm trước đây, thế nào rồi cũng bị đưa lên bàn mổ. Giờ tiếp các trang trong tờ *Văn Nghệ*, mới thấy chuyện mình tiên đoán đã xảy ra từ lâu. Từ hơn nửa năm về trước.

Sau khi cuốn *Lý Luận và Văn Học* của Lê Ngọc Trà được giải thưởng phê bình của hội Nhà văn năm 1991, cả đội ngũ bảo thủ của giới lý luận phê bình như Trần Thanh Đạm, Hà Xuân Trường, Bảo Định Giang, Trần Đình Sử, Phương Lưu, Nguyễn Văn Lưu . . . nhảy vào mổ xẻ chê bai, bài đăng gần như thường xuyên suốt một năm trên tờ tuần báo của hội Nhà văn, trên *Tác Phẩm Mới*, *Nhân Dân Chủ Nhật*. Các bài viết đều cùng một giọng, cái giọng tuyên huấn. Có khác một chút so với thời *Nhân Văn Giai Phẩm* là bây giờ không dám truy chụp những tội tày trời như chống Đảng, chống cách mạng nữa. Chỉ “trao đổi” về một đôi điều “thiếu cơ sở khoa học” mà thôi. Phe bên vực Lê Ngọc Trà không có chỗ lên tiếng, bền dòn hết về tờ *Cửa Việt*, tạp chí văn nghệ của tỉnh Quảng Trị do Hoàng Phủ Ngọc Tường chủ biên.

Trên hai số *Cửa Việt* 16 và 17, trong bài “Bàn Tròn”, Nguyễn Văn Hạnh, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Trần Hữu Tá, Lê Ngọc Trà, Lữ Phương mạnh mẽ

phản pháo, đích danh gọi phe kia là phe bảo thủ, cơ hội, hủ bại, đàn áp đổi mới. Thế là có chuyện! *Văn Nghệ* lại mở chiến dịch, ngay trên số báo 50 mỏng manh đã có tới hai bài của Hoàng Nhân và Trần Đình Sử nhắm vào công kích kịch liệt “Bàn Tròn” của *Cửa Việt*. Tạp chí *Văn Nghệ Quân Đội* cũng nhảy vào đánh hồi. Cả văn lẫn võ hợp lực, kết quả trông thấy: *Cửa Việt* bị đóng cửa. Chỗ tạm trú cuối cùng của phe chủ trương đổi mới văn nghệ không còn!

Số phận những cây bút mới

Tránh đụng chạm tới chính trị, một số những cây viết trẻ chủ trương tìm kiếm phát hiện những tài năng mới, thoát ra ngoài cái dù tuyên huấn lẫn sức ép của thị trường. Họ họp nhau làm một tờ tạp chí, tờ *Văn Học và Dư Luận*. Ra được năm số, tờ báo phải tạm ngưng để chờ quyết định của cấp trên, nghĩa là chờ tới Tết Congo. Trong thời gian còn sống, *Văn Học và Dư Luận* phối hợp với nhà xuất bản Văn Nghệ thành phố Hồ Chí Minh mở cuộc thi truyện ngắn dành cho những cây bút mới chưa là hội viên hội Nhà văn. Số người tham dự cuộc thi đông đảo, trải suốt ba miền đất nước. Nhiều người viết trẻ tham gia cuộc thi, nhưng cái kết là báo đã bị đóng cửa, lấy điển đàn dâu mà công bố lần lượt các truyện hay đã qua vòng sơ tuyển. Túng thì phải tính! Tờ báo vận động giấy phép ra một tuyển tập truyện ngắn, đăng mười truyện dự thi. Đa số các truyện kỹ thuật viết còn yếu, trừ truyện ngắn của Phan Thị Vàng Anh và Trần Đức Tiến. Nhà xuất bản lấy nhan đề truyện của Trần Đức Tiến, *Miền Cực Lạc*, làm nhan sách. Bìa là hình chụp một cô gái mặc áo rất tiết kiệm vải, khiến độc giả nghĩ ngay đây là một tập truyện thuộc loại XXX. Thế mới biết sức mạnh của thị trường khủng khiếp thế nào trên cái chợ sách báo tại Việt Nam!

Nội dung các truyện trong *Miền Cực Lạc* quá hiền so với những truyện của Nguyễn Huy Thiệp, Dương Thu Hương, Phạm Thị Hoài, Nhật Tuấn, kịch Lưu Quang Vũ, phim Trần Văn Thủy, ký Phùng Gia Lộc, Trần Huy Quang... Nhưng thời thế đã đổi! Sách vừa ra, tuyên huấn, công an văn hoá đã ra tay. Tuyên huấn cho người soi kính hiển vi tìm từng câu từng chữ nguy hiểm. Công an sưu tra lý lịch các tác giả và những người chịu trách nhiệm xuất bản *Miền Cực Lạc*. Chuyện không có gì mà làm âm ỹ, chắc chắn không phải do giá trị thuyết phục của các truyện ngắn vừa in. Chỉ còn một cách giải thích: là nhà nước muốn dần mặt lớp trẻ. Viết chuyện khiêu dâm, chuyện vụ án, chuyện điểm tình học trò thì mặc sức viết, mặc sức in. Nhưng tuyệt đối không được đụng đến uy quyền của nhà nước. Xê ra cho người ta lo “ổn định để phát triển”. Từ đây, hãy nhớ là hết rồi cái thời cởi trói. Nguyễn Du làm thơ khơi khơi, mà cũng trở thành nhà tiên tri lỗi lạc. “Cởi ra rồi lại buộc vào như chơi!”

Cha làm thầy, con đốt sách

Trong *Miền Cực Lạc*, truyện *Kịch Cầm* của Phan Thị Vàng Anh được đăng ngay phần đầu. Truyện thật ngắn, không đầy ba trang kể chuyện một ông bố nhà giáo đạo mạo nghiêm khắc với học trò và hay cau có la mắng vợ con. Một hôm cô con gái lớn bắt gặp mảnh giấy bố viết hẹn hò với tình nhân. Cô lặng lẽ đi photocopy hai bản sao, một bản đút túi, một bản đưa cho bố lúc ấy đang ngồi đọc báo (chắc là đọc xã luận báo Nhân Dân). Đưa cho bố bản sao xong, cô con cười, “một cái cười ngang hàng”. Cô đã giành lại quyền tự do, quyền bình đẳng với ông bố, không phải vì cô ngỗ nghịch bất hiếu, mà chỉ vì từ đây cô biết bố sống giả, nói giả. Con giành được quyền sống thì bố bắt đầu chết mòn trong một bi kịch câm. Ông hết rao giảng đạo đức ở trường, hết dám cau có la mắng vợ con, sống lầm lũi như cái bóng. “Lẩn thân, như mơ, ông tưởng tượng ra một đám tang, một bà vợ, mấy đứa bé mịt mù khóc lóc cùng nhang khói. Chỉ một đứa, nó lặng lẽ đứng bên quan tài, một đứa con gái lầm lũi và cương quyết, như đang canh gác một phạm nhân.”

Nguyễn Khải đọc *Kịch Cầm* than thế hệ trẻ “không chút xót thương, không chút dung thứ, tha hồ biểu lộ mọi sự căm ghét và khinh bỉ với cái người đã đẻ ra nó”. Ông còn thay mặt thế hệ ông bố khuyên răn: “Sự khôn ngoan của cộng đồng đã dạy người ta rằng có nhiều chuyện phải nhớ nhưng có nhiều chuyện cũng phải biết quên đi”. Nguyễn Khải nói giống y cách nói của Ro-dốp. Cả hai chỉ muốn nhớ tới thời “vĩ đại” vàng son nhưng lại muốn hậu thế quên đi những trại tập trung, những đội cải cách ruộng đất, những màn tố diêu, những cách mạng văn hóa, những Nhân Văn Giai Phẩm...

Phan Thị Vàng Anh là ai mà viết những lời độc địa đến nỗi Nguyễn Khải đọc xong “muốn vùng chạy và hét lên”?

Xin thưa: Cây bút trẻ này là con gái của nhà thơ Chế Lan Viên. Phải chăng đây là kinh nghiệm riêng tư của cô con gái một nhà thơ lớn suốt đời tận tụy với Đảng và nhà nước: Như nhân vật nữ trong *Kịch Cầm*, Phan Thị Vàng Anh so sánh những điều thân phụ cô nói trong gia đình và những điều ông viết lên giấy, hiểu hết mọi sự nhưng cứ giả vờ ngoan ngoãn lễ phép. Chờ đến khi cha cô mất đi, cô mới viết những điều lâu nay ấp ủ. Cầu xin cho linh hồn người quá cố được bình an!!

Văn chương và chính trị

Nếu Phan Thị Vàng Anh lấy hứng từ chuyện gia đình ra viết *Kịch Cầm* thì kể cũng buồn cho những tài năng văn chương tự nguyện làm con hạc gỗ trong cung miếu triều đình. Nói rộng ra, là tương quan giữa văn nghệ và chính trị. Đề tài nầy lửa đây! Giấy mực tốn khá nhiều cho cái chuyện dăm dăng này, tới nay vẫn chưa tới hồi kết cuộc.

Người ta bảo: “Này các ông văn nghệ, các ông là cái thá gì mà đòi đứng ngoài, đứng trên. Các ông là công dân, và cũng như mọi người, các ông trước hết phải làm phận sự công dân. Nước đang loạn, dân đang khổ, các ông

"Ta là ai?" như ngọn gió siêu hình
Cầu hỏi lục vô thời nghìn nấn tắt.
"Ta vì ai?" khẽ xoay chiều ngọn bắc
Bàn tay người thấp lại triều chồi xanh.

Những năm cách mạng chưa về, vườn ta có hoa
mà không đậu quả
Rạng liễu tâm hồn chưa xanh tơi mà đã úa vàng
Nhiều chim bằng chưa bay đã hóa cu nhà, chim sâu ăn đất
Chưa gặp trời đã gãy cánh giữa lồng nan
Bàn tay muốn gieo đã nắm nhầm hạt giống
Lẽ ra cầm tờ truyền đơn thì khoe văn tực bán hồn
Cờ chiến đấu úp trong mùi hương phấn
Trong khói hương chùa lẫn với dầu môi son...

Văn chương và đường công danh

Nói như thế hoá ra người viết văn, làm thơ, soạn nhạc không còn cơ hội “làm lớn” hay sao? Xin thưa: Còn đấy! Còn nhiều hơn trước là khác! Sau khi chế độ Cộng sản sụp đổ rùm rụp ở nhiều nơi, thiên hạ đâm chán với mấy ông chính trị gia chuyên nghiệp. Họ ưa cái gì thoải mái, cái gì không có máu có lửa. Văn nghệ sĩ tự nhiên có giá trong các cuộc bầu cử, nhất là các văn nghệ sĩ từng can đảm cất lên tiếng nói phản kháng chế độ đảng trị. Vaclav Havel nhà viết kịch trở thành Tổng thống Tiệp Khắc, làm cả thế giới hân hoan chờ đón mùa bội thu của cuộc cách mạng nhưng. Tên ông chỉ mờ đi từ khi cuộc cách mạng nhưng trở thành cuộc ly dị nhưng phân đôi nước Tiệp Khắc. Rồi nào Arpad Goncez nhà văn nhà dịch thuật trở thành ông lớn ở Hungaria, triết gia Zhelyu Zhelev ở Bulgaria, nhà nghiên cứu âm nhạc Vytautas Landsbergis ở Lithuania. Ông cuối cùng không gặp may trên đường công danh, vì có

lễ chính trường không đâu vào đó như một nhạc viện. Mới đây, dân chúng Lithuania bỏ phiếu hạ ông xuống, đưa một tay Cộng sản đã tân trang bằng chủ nghĩa quốc gia lên nắm chính quyền. Cõi bộ văn nghệ sĩ nhẩy ra làm quan không được thuận buồm xuôi gió bằng ở lại làm văn nghệ. Lâu lâu, gặp ông lớn nào chịu chơi mời ra biểu diễn một phát (như các thi sĩ Mỹ Robert Frost, Maya Angelou được Tổng thống John F. Kennedy và Bill Clinton mời đọc thơ trong lễ đăng quang của họ), thì làm thi sĩ cung đình một lần rồi thôi, chờ đợi ở lâu sẽ thành loài hạc gỗ.

Kobo Abe từ trần

Tin mới nhất *Văn Học* nhận được từ Nhật Bản: Nhà văn kiêm kịch tác gia Kobo Abe đã từ trần hôm thứ sáu 22 tháng 1 năm 1993, hưởng thọ 68 tuổi.

Bạn đọc Việt Nam biết tới Kobo Abe từ thời thập niên 60, khi bản dịch cuốn tiểu thuyết nổi tiếng đương thời của ông, cuốn *The Woman in the Dunes*, được nhà văn Trùng Dương dịch sang Việt ngữ (nhan đề *Người Đàn Bà trong Cồn Cát*) và phát hành rộng rãi tại miền Nam. Cuốn tiểu thuyết này đã được dựng thành phim năm 1964, và chiếm giải thưởng đặc biệt tại đại hội điện ảnh Cannes. Tác phẩm này cũng đã được đề nghị tranh giải Nobel văn chương, nhưng vì tác giả không muốn dính vào những chuyện ồn ào trong văn đàn, nên văn giới Nhật rút lại lời đề cử. Ngoài tiểu thuyết, Kobo Abe còn viết nhiều vở kịch, cả văn lẫn kịch đều thường đề cập đến nỗi cô đơn của con người và sự khám phá niềm vui tinh thần và trí tuệ khi tìm thấy tự do ngay trong nỗi cô đơn.

Kobo Abe sinh năm 1924 tại Tokyo, Nhật Bản nhưng trưởng thành tại Mãn Châu, nơi thân phụ ông hành nghề y khoa. Lớn lên, ông nối nghiệp bố, tốt nghiệp Đại học Y khoa Tokyo, nhưng lại bỏ nghề thuốc, cả đời chuyên tâm viết văn, làm thơ. Năm 1947, ông tự in tập thơ đầu, nhan đề *Thi Tập của Một Nhà Thơ Vô Danh*. Ông chỉ bắt đầu được chú ý với tập tiểu thuyết đầu tay nhan đề *Bảng Chữ Đường ở Cuối Phố* xuất bản năm 1948. □

*

thư độc giả

Thư của bà Lê Thị Phương Khanh (Tustin, California)

Là một độc giả trung thành, tôi rất hoan nghênh phần nhận định văn nghệ của quý báo. Riêng trong số 79, tháng 11-1992, có hai bài khá đặc biệt (tuy hơi dài) của hai tác giả trẻ là Trần Vũ và Sĩ Liêm.

Trần Vũ là một cây viết tài năng, thường có nhiều nhận xét sâu sắc và lối hành văn khá độc đáo. Tuy nhiên, tôi sững sốt khi đọc mấy hàng sau đây của

ông trong bài *Tùt Bút Xám*, ở cuối trang 112: “Càng bị ngược đãi, càng hận thù 30 mươi triệu người miền Bắc: Cái nguyên nhân đem đến bất hạnh hôm qua và hôm nay. Miền Bắc có thấy không?”

Chúng ta cần phân biệt rõ ràng, và không bao giờ đồng hóa đảng Cộng sản với nhân dân Việt Nam. Đó là một điều sơ đẳng. Ở miền Bắc cũng vậy. Có thể nói mấy chục triệu dân miền Bắc là nạn nhân đau khổ nhất của Cộng sản Việt Nam, những tên đao phủ của dân tộc. Nỗi thống khổ của dân miền Bắc chìm đắm trong đáy địa ngục đỏ, và nỗi căm hờn của họ là một sự thực không chối cãi được. Chỉ khác một điều là dân miền Bắc đã bị khốn khổ vì nạn Cộng sản 30 năm *trước* nhân dân miền Nam. Phải vô cùng ấu trĩ, cận thị, và thiếu suy xét mới không phân biệt nỗi người dân miền Bắc và chính quyền Cộng sản Việt Nam. Chẳng lẽ, Trần Vũ, một tác giả rất có khả năng, lại có thể viết, trên giấy trắng mực đen, những hàng chữ vô ý thức, nông nổi và hằn học một cách xô bồ như vậy! Mầm mống chia rẽ Bắc Nam là nguyên nhân suy yếu và diệt vong của Việt Nam. Chẳng lẽ Trần Vũ lại không thấy sự thực đó?

Về bài *Lời Thù Tội Trong Thành Ghetto* của Sĩ Liêm, tôi thấy có nhiều nhận xét rất đáng bàn thêm, vì đó là những hiện tượng văn nghệ đặc biệt ở hải ngoại.

Sĩ Liêm nhấn mạnh mặc cảm tự ti của một số nhà văn hải ngoại đối với cái gọi là “văn chương phản kháng” ở quốc nội. Tôi rất tâm đắc điểm này. Những Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài... không phải là thần thánh, làm ta phải “nấc cụt trong sáng tác”. Theo tôi nghĩ, đứng về mặt thuần túy văn nghệ, họ chưa và không phải là những tài năng xuất chúng. Còn về mặt chính trị thì rõ ràng là họ phản kháng để bảo vệ chế độ. Phản kháng, chửi thề vào mặt Bộ Chính trị, mà vẫn khơi khơi, vẫn được o bế, như trường hợp Dương Thu Hương thì quả là một nghi vấn! Họ là cò mồi hay là cái gì?

Tôi cũng đồng ý với Sĩ Liêm về những tác hại của hiện tượng *ghetto* trong văn giới hải ngoại. Hiện tượng bè phái, phe đảng ở đâu cũng không tốt. Ở Mỹ, Pháp, Canada... đa số những nhà văn có chút tên tuổi thường sống với nhau riêng rẽ trong môi trường của họ, trong vòng tường *ghetto*. Theo Sĩ Liêm, họ đề cao và đăng bài, in sách của bè bạn thôi. Còn người không cùng phe nhóm thì dù có tài năng cũng không được nâng đỡ. Do vậy đã có nhiều nhà văn trẻ đã bị “ế”, bị trù dập, không được khuyến khích để phát triển tài năng. Đó là một điều tai hại: Văn nghệ cũng như một khu rừng, rất cần sức sống trẻ, mạnh, để sau khi tre già thì còn có măng mọc.

Có một điểm tôi không đồng ý với Sĩ Liêm khi ông viết: “*Văn chương miền Nam lấy nội dung làm chính, văn chương miền Bắc và miền Trung lấy cái chữ nghĩa làm cốt.*” Sao lại có thể vơ đũa cả nắm và phê phán một cách hồ đồ, nông nổi như vậy! Miền nào cũng có những tác phẩm hay và dở. Nếu văn chương Bắc, Nam có khác nhau thì ở đâu, chứ không phải ở điểm kỳ quặc

mà Sĩ Liêm đã nêu ra. Không nên khơi dậy tinh thần kỳ thị trong văn học. Chỉ nêu lên những nét đặc thù, tích cực của mỗi miền, những điểm mà tổng hợp lại sẽ vẽ nên khuôn mặt văn học Việt Nam nói chung.

Kết luận, tôi thấy hai tác giả Trần Vũ và Sĩ Liêm có những nhận xét khá bộc trực. Nhưng theo thiện ý, các vị đó nên bình tĩnh và thận trọng hơn, nên trình bày cho có mạch lạc và bố cục rõ ràng, nhất là nên chăm sóc thêm về hình thức bài viết vì *Văn Học* chủ yếu là một tờ báo . . . văn học.

Dù sao tôi cũng hoan nghênh phần “nhận định văn nghệ” của quý báo và sự nhiệt tình của hai tác giả kể trên. □

*

hộp thư văn học

Anh Vũ Đình Lâm (Pháp): Rất tiếc bản vẽ của anh dùng làm phụ bản cho số báo Xuân, giờ chót nhà in cho biết không in được. Và vì thế mới có sự sơ sót. Xin anh thứ lỗi cho. Mong sớm nhận được những bản vẽ khác của anh. Thân.

Anh Tường Năng Tiến (San Jose, California): Tiền li xì anh gửi chỉ đủ “hai chữ” chứ làm gì được “bốn chữ” như anh yêu cầu! Dù vậy, chúng tôi cũng đã triệt để thi hành lời dặn dò kỹ lưỡng của anh về các khoản “linh tinh” đó. Đạo này hình như nợ áo cơm khá nặng nên chữ nghĩa thừa cơ bay bổng dẫu mất tiêu rồi, phải không? Thân.

Chị Lê Thị Thấm Vân (San Jose, California): Tắm thiệp Tết tuyệt đẹp! Thân.

Anh Nguyễn Ngọc Khôi (Apple Valley, California): Thành thực cảm tạ anh đã lưu tâm đến những nỗi khó khăn của tòa báo. Phần thưởng quý giá nhất chúng tôi có được là sự chia sẻ từ phía độc giả như anh. Sẽ có thư riêng. Thân.

*

ĐÍNH CHÍNH

Do sự sơ suất của tòa soạn, trên số báo Văn Học Xuân Quý Dậu, nơi cuối phần mục lục đề phụ bản là của Vũ Đình Lâm. Xin chữa lại là của Đình Cường. Tòa soạn chân thành cáo lỗi cùng hai họa sĩ Đình Cường, Vũ Đình Lâm và bạn đọc.

BÁC SĨ
TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

7309 Arlington Blvd, Suite 314

Falls Church, Va 22042

(703) 560-0388 / 560-0389

**CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG
TAI NẠN XE CỘ**

**NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:**

Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều



MINH VĂN

P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA

Điện thoại: (703) 204- 9239

Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	NGÀY QUANH QUẢN	\$10.00
Truyện dài	CÔI SA MÙ	\$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên Dung Thân)		
Tập truyện ngắn	NIỀM VUI UNG THU'	\$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:

CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của Hồ Trường An

KẼ ĐÀO MỎ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**

CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỖNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoạn văn nhan đề: *Mù U Năm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Dũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dừa Hấu Càn Đức, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dừa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ

Bạt của Lê Văn Lân

Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân

**Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi,
Lê Kim Sơn . . .**

Giá bán 10 Mỹ kim

Hội mua tại các hiệu sách

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803

Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em

Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẫu

Bệnh phụ nữ

Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC

NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:

Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM

Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Cung Chúc Tân Xuân

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

**X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND
MAMMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE**

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.

Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101

Westminster, Ca 92683

Tel: (714) 893-1915

Fax: (714) 898-8142

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

**Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI
THƯƠNG . CAO MÁU**

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.

Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.

Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.

Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.

Bệnh cao áp huyết (cao máu).

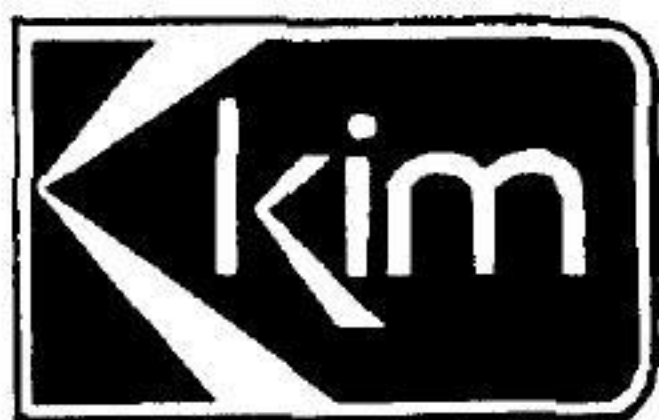
Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.

Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: (714) 531-5056

14558 Brookhurst St.

Westminster, Ca 92683



ấn quán

1528 S. La Cienega
Los Angeles, CA 90035
Phone: (310) 559-0413

- NƠI TIN CÂY NHỰT
- TRONG MỌI DỊCH VỤ ẤN LOÁT
- ĐEN TRẮNG, HAY NHIỀU MÀU



ĐẶC BIỆT VỀ SÁCH

In Sách • Đóng Sách Bằng Keo •
Đóng Sách Khâu Chỉ • Đóng Sách Bìa Cứng Mạ Vàng

Với 10 năm kinh nghiệm sẽ làm hài lòng quý vị về:

- Kỹ thuật ấn loát tân tiến
- Bảo đảm phẩm chất
- Tiêu chuẩn quốc tế
- Đúng hẹn, nhanh chóng

Phòng mạch Bác sĩ
VƯƠNG ĐỨC HẬU
M.D., F.A.C.O.G., Inc.
Diplomate American Board of OB & GYN

Chuyên môn chữa trị:

SẢN KHOA: Đỡ đẻ và giải phẫu sanh đẻ - Không nhận phá thai - Nhận sanh bình thường, nếu lần trước bị sanh mổ đẻ (Cesarean Section) - Giải phẫu cột ống dẫn trứng sau khi sanh - Chỉ dẫn phương pháp sanh trai hay gái theo ý muốn - Đẻ không đau theo ý muốn - Văn phòng trang bị máy Fetal Monitor Ultrasound.

PHỤ KHOA: Bệnh đàn bà, huyết trắng - Khám bệnh tổng quát phụ nữ - Kế hoạch hóa gia đình - Nhiễm trùng đường tiểu, đau khi có kinh nguyệt - Kinh nguyệt bất thường - Bệnh hiếm muộn - Giải phẫu bướu tử cung, sa tử cung, bướu buồng trứng.

Tel: (714) 531-5505
14536 Brookhurst St. Ste 101
Westminster, CA 92683

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

**DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE
AND PULMONARY DISEASES**

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- bệnh nội khoa: tiểu đường - máu cao...
- bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: (714) 641-0263

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

ANTIEM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA

Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH \$6.00
Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ \$6.00
Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC \$6.00
Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG \$15.00
Hermann Hesse
Trí Hải, Vinh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI \$6.00
Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ Tập 1:\$18.00
Trường thiên tiểu thuyết (4tập) Tập 2:\$20.00
Nguyễn Mộng Giác Tập 3:\$20.00
Tập 4:\$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM \$15.00
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE \$8.00
*Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG \$8.00
Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI \$11.00
Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyến
- BÊN LỖ BÊN BỒI \$10.00
Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên:

Địa chỉ:

.

Zip code

Country

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số đến số

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hàng tư \$36.00

Gửi hàng nhất \$42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hàng tư \$40.00

Gửi hàng nhất \$46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hàng tư \$48.00

Gửi hàng nhất \$84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên:

Địa chỉ:

.

Zip code

Country

ANTIEM

1528 South La Cienega Blvd., Los Angeles, CA 90035 USA

Tel: (310)559-0413

SÁCH ĐÃ IN

- ĐỌC KINH \$6.00
Đoản văn Vũ Khắc Khoan
- HOÀNG TỬ BÉ \$6.00
Saint Exupéry - Bùi Giáng dịch
- MÙI HƯƠNG XUÂN SẮC \$6.00
Gerard de Nerval - Bùi Giáng dịch
- NHÀ KHỔ HẠNH VÀ GÃ LANG THANG \$15.00
Hermann Hesse
Trí Hải, Vĩnh Bách, Lan Nhã dịch
- THƯ GỬI NGƯỜI THI SĨ TRẺ TUỔI \$6.00
Rainer Maria Rilke - Phạm Công Thiện dịch
- SÔNG CÔN MÙA LŨ Tập 1:\$18.00
Truyện thiên tiểu thuyết (4tập) Tập 2:\$20.00
Nguyễn Mộng Giác Tập 3:\$20.00
Tập 4:\$20.00
- LỊCH SỬ NỘI CHIẾN Ở VIỆT NAM \$15.00
Biên khảo của Tạ Chí Đại Trường
- THƠ TAGORE \$8.00
*Lời dâng *Tâm tình hiến dâng *Tặng vật
Đỗ Khánh Hoan dịch
- THÀNH PHỐ TRONG HỒI TƯỞNG \$8.00
Tùy bút Trần Hồng Châu
- MỘT TRANG ĐỜI \$11.00
Tập truyện ngắn, Phan Thị Trọng Tuyển
- BÊN LỖ BÊN BỜ \$10.00
Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Hoàng Bắc

ĐANG IN

- CUỐI ĐÊM DÀI
Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Thanh Bình
- TƠ TRỜI
Tập truyện ngắn, Nguyễn Thị Ngọc Nhung



P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683 – U.S.A.

Phone: (714) 527-5761

Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

VĂN NGHỆ

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY

(Tự Truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma)
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

Người Tây tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài có nghĩ rằng chính ngài là Phật Sống hay chẳng? Năm ngài lên ba tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây tạng, vừa lúc Cộng sản Trung hoa xâm lăng tổ quốc ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào đức Đạt Lai Lạt Ma cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn đô trong khi quân Trung cộng bủa vây?

Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày chúng ta sẽ nghe đức Đạt Lai Lạt Ma nói về các điều trên. Ngài cũng nói về các hiện tượng thần bí của xứ Tây tạng, về việc các Bồ Tát hóa thân, các lối tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Nhưng ngài còn nói về cả các vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng sản, nền văn minh duy vật Tây phương, vấn đề chính trị, vấn đề tình dục, sự cảm thông giữa các tôn giáo, chuyện người ta có nên bỏ tôn giáo mình để theo đạo Phật hay chẳng v.v...

Nhưng cuốn tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma, trước hết cho chúng ta được dịp nhận thấy nhân cách đặc biệt của một Con Người. Đó là một con người ôn nhu, hòa nhã, giàu lòng từ bi, không có mảy may một chút Ngã mạn nào. Đó cũng là một con người thông minh, dí dỏm, đầy trí tò mò, không chấp nê, không lệ thuộc vào một tư kiến, một chủ trương nào. Một con người Tự Do tuyệt đối.

Trong lúc Phật giáo Việt nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc.

Sách dày 370 trang, bìa 4 màu. Giá 14MK, ngoài nước Mỹ 16MK.

Giá \$3.50 MK